|  |
| --- |
|  |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  **BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG**  **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI**  **DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP (WB8) TIỂU DỰ ÁN TỈNH HẢI DƯƠNG** |
| **Hải Dương, tháng 07/2020** |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

**BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH HẢI DƯƠNG**

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ XÃ HỘI

**DỰ ÁN SỬA CHỮA VÀ NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP (WB8) TIỂU DỰ ÁN TỈNH HẢI DƯƠNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ** | **ĐƠN VỊ TƯ VẤN** |

**Hải Dương, tháng 07/2020**

# CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| AH/AP/BAH | Hộ/Người/BAH | Hộ/Người/bị ảnh hưởng |
| BQLDA |  | Ban quản lý dự án |
| BVMT |  | Bảo vệ môi trường |
| BYT |  | Bộ y tế |
| CITES |  | Công ước quốc tế về buôn bán động vật hoang dã |
| CPO | BQLTW các dự án TL | Ban quản lý Trung ương các dự án thủy lợi |
| DARD | Sở NN&PTNT | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| DMS |  | Khảo sát kiểm kê chi tiết |
| DPC |  | UBND huyện |
| DRC |  | Ban tái định cư huyện |
| EMPF | Khung CSDTTS | Khung chính sách dân tộc thiểu số |
| ESMF |  | Khung quản lý môi trường và xã hội |
| GOV |  | Chính phủ Việt Nam |
| GPMB |  | Giải phóng mặt bằng |
| HH |  | Hộ gia đình |
| IMA |  | Cơ quan giám sát độc lập |
| IOL |  | Kiểm kê tổn thất |
| LURC | GCNQSDĐ | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| MARD | Bộ NN&PTNT | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| MoIT |  | Bộ Công thương |
| MOLISA |  | Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội |
| NĐ-CP |  | Nghị định của Chính phủ |
| NGO |  | Tổ chức phi chính phủ |
| NTTS |  | Nuôi trồng thủy sản |
| OP |  | Chính sách hoạt động |
| PAD |  | Tài liệu thẩm định dự án |
| PMU |  | Đơn vị Quản lý Dự án |
| PPC |  | UBND tỉnh |
| PPMU | Ban QLDA tỉnh | Ban Quản lý dự án tỉnh |
| PRA |  | Đánh giá nông thôn có sự tham gia |
| QCVN |  | Quy chuẩn Việt Nam |
| RAP | Kế hoạch hành động TĐC | Kế hoạch hành động Tái định cư |
| RPF |  | Khung chính sách tái định cư |
| SA |  | Đánh giá tác động xã hội |
| SES |  | Điều tra kinh tế xã hội |
| SIA |  | Báo cáo đánh giá tác động xã hội |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TCCP |  | Tiêu chuẩn cho phép |
| TDA |  | Tiểu dựa án |
| TĐC |  | Tái định cư |
| TOR |  | Bản tham chiếu của Dự án |
| UBMTTQ |  | Ủy ban mặt trận Tổ quốc |
| USD |  | Đô la Mỹ |
| VIDC |  | Trung tâm phát triển thông tin của Ngân hàng thế giới tại Việt Nam |
| VNĐ |  | Việt Nam Đồng |
| WB | NHTG | Ngân hàng Thế giới |
| WHO |  | Tổ chức Y tế thế giới |

**MỤC LỤC**

[CÁC TỪ VIẾT TẮT 2](#_bookmark0)

[DANH MỤC BẢNG 7](#_bookmark1)

[DANH MỤC HÌNH 8](#_bookmark2)

[TÓM TẮT BÁO CÁO 9](#_bookmark3)

1. [GIỚI THIỆU CHUNG 10](#_bookmark4)
   1. [Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRaSIP) 10](#_bookmark5)
   2. [Tiểu dự án tỉnh Hải Dương 10](#_bookmark6)
   3. [Mục tiêu và phương pháp đánh giá xã hội 13](#_bookmark9)
      1. [Mục tiêu đánh giá xã hội 13](#_bookmark10)
      2. [Sàng lọc dân tộc thiểu số 13](#_bookmark11)
      3. [Phương pháp thu thập thông tin 15](#_bookmark12)
      4. [Phạm vi đánh giá xã hội 17](#_bookmark14)
2. [TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG 18](#_bookmark15)
   1. [Địa giới hành chính 18](#_bookmark16)
   2. [Dân số và lao động 18](#_bookmark17)
   3. [Tình hình phát triển kinh tế - xã hội 18](#_bookmark18)
   4. [Điều kiện cơ sở hạ tầng 19](#_bookmark19)
   5. [Các loại hình thiên tai tại khu vực TDA 19](#_bookmark20)
      1. [Tình hình hạn hán 19](#_bookmark21)
      2. [Tình hình ngập úng lũ lụt 20](#_bookmark22)
3. [ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC TIỂU DỰ ÁN 21](#_bookmark23)
   1. [Đặc điểm dân cư 21](#_bookmark24)
      1. [Thông tin về Nhân khẩu, thành phần dân tộc của các hộ trong mẫu điều tra 21](#_bookmark25)
      2. [Tuổi của các hộ gia đình tham gia khảo sát 21](#_bookmark27)
      3. [Trình độ học vấn 22](#_bookmark29)
      4. [Nghề nghiệp 23](#_bookmark31)
   2. [Thu nhập và mức sống hộ gia đình 25](#_bookmark33)
      1. [Thu nhập của các hộ gia đình 25](#_bookmark34)
      2. [Mức sống của các hộ gia đình 27](#_bookmark36)
   3. [Sở hữu về đất đai, nhà ở và tài sản khác 28](#_bookmark39)
      1. [Sở hữu đất đai 28](#_bookmark40)
      2. [Tình trạng nhà ở 30](#_bookmark44)
      3. [Tình trạng nhà vệ sinh 30](#_bookmark45)
      4. [Tiện nghi sinh hoạt 31](#_bookmark47)
   4. [Tiếp cận các dịch vụ xã hội 31](#_bookmark49)
      1. [Giao thông 31](#_bookmark50)
      2. [Cấp nước, thoát nước 32](#_bookmark51)
      3. [Cấp điện và chất đốt 33](#_bookmark53)
      4. [Vệ sinh môi trường 33](#_bookmark54)
      5. [Các dịch vụ xã hội khác 33](#_bookmark55)
   5. [Sức khỏe cộng đồng và các biện pháp can thiệp 35](#_bookmark58)
      1. [Đánh giá sức khỏe cộng đồng 35](#_bookmark59)
      2. [Các hoạt động và biện pháp can thiệp đề xuất 35](#_bookmark61)
   6. [Hộ dễ bị tổn thương và DTTS 36](#_bookmark62)
   7. [Sự sẵn lòng tham gia tiểu dự án của người dân 37](#_bookmark63)
   8. [Vấn đề giới trong khu vực Tiểu dự án 37](#_bookmark64)
      1. [Giới tính của người được khảo sát 37](#_bookmark65)
      2. [Vấn đề giới trong gia đình 37](#_bookmark67)
      3. [Sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng 38](#_bookmark69)
      4. [Giới trong vấn đề tham gia chính quyền địa phương 39](#_bookmark71)
4. [CÁC TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TIỀM NĂNG CỦA TDA 40](#_bookmark72)
   1. [Tăng cường nâng cao an toàn đập 40](#_bookmark74)
   2. [Tăng cường năng lực quản lý đập, vận hành hệ thống tưới 40](#_bookmark75)
   3. [Phục hồi diện tích tưới chủ động, sản xuất nông nghiệp 40](#_bookmark76)
   4. [Hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển thủy lợi phục vụ đa mục tiêu xây dựng](#_bookmark77)  [nông thôn mới 40](#_bookmark77)
   5. [Phát triển phúc lợi xã hội cho nhóm dễ bị tổn thương và tăng cường vốn xã hội cho người dân vùng tiểu dự án, chú trọng đến nhóm phụ nữ và người nghèo, nhóm người DTTS 40](#_bookmark78)
   6. [Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 41](#_bookmark79)
5. [CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN CỦA TDA 41](#_bookmark80)
   1. [Các tác động tạm thời 47](#_bookmark82)
      1. [Ảnh hưởng do thi công 47](#_bookmark83)
      2. [Tác động đến mồ mả, di sản văn hóa và công trình công cộng 47](#_bookmark84)
      3. [Tác động đến hoạt động sinh kế và kinh doanh bị ảnh hưởng do thi công xây dựng 47](#_bookmark85)
      4. [Tăng cường sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu 47](#_bookmark86)
   2. [Rủi ro về sức khỏe, an toàn lao động và an toàn giao thông 47](#_bookmark87)
   3. [Tác động đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương 48](#_bookmark88)
   4. [Tác động đến bình đẳng giới và trẻ em 48](#_bookmark89)
   5. [Những tác động đến người DTTS 48](#_bookmark90)
   6. [Những tác động đến các công trình nhạy cảm 49](#_bookmark91)
   7. [Tác động tiềm tàng không liên quan đến OP 4.12 (được đề cập trong OP 4.10) 49](#_bookmark92)
   8. [Đánh giá của người dân về các tác động của dự án 50](#_bookmark93)
6. [BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU VÀ CÁC CAN THIỆP 51](#_bookmark94)
   1. [Các biện pháp giảm thiểu 51](#_bookmark95)
      1. [Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi đất 51](#_bookmark96)
      2. [Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do thiếu nước cấp trong thời gian thi công và những tác động tiêu cực do cắt nước trong thời gian thi công 52](#_bookmark98)
      3. [Chương trình phục hồi thu nhập 53](#_bookmark99)
      4. [Biện pháp giảm thiểu sự xuống cấp các tuyến đường vận chuyển 53](#_bookmark100)
      5. [Biện pháp đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông 53](#_bookmark101)
      6. [Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới người DTTS 54](#_bookmark102)
      7. [Các biện pháp giảm thiểu khác 56](#_bookmark104)
   2. [Các can thiệp được đề xuất 56](#_bookmark105)
      1. [Dịch vụ khuyến nông 56](#_bookmark106)
      2. [Đào tạo và tập huấn 56](#_bookmark107)
      3. [Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (STIs/ LTQĐTD) 57](#_bookmark108)
      4. [Tổ chức thực hiện 59](#_bookmark110)
      5. [Ngân sách 60](#_bookmark111)
7. [VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN 61](#_bookmark112)
   1. [Phân tích các bên liên quan 61](#_bookmark113)
      1. [Xác định các bên liên quan 61](#_bookmark114)
      2. [Vai trò của các bên liên quan 61](#_bookmark115)
      3. [Vai trò của các hội và các tổ chức cộng đồng 63](#_bookmark116)
      4. [Phối hợp giữa các bên liên quan 64](#_bookmark117)
      5. [Nguồn nhân lực chuẩn bị và triển khai thực hiện tiểu dự án 65](#_bookmark119)
   2. [Mô hình tổ chức nhân sự 65](#_bookmark120)
   3. [Chiến lược truyền thông, tham vấn và tham gia đối với các bên liên quan 66](#_bookmark121)
      1. [Chiến lược truyền thông, tham vấn với các bên liên quan 66](#_bookmark122)
      2. [Nguồn lực cần thiết 68](#_bookmark123)
      3. [Sự tham gia của các bên liên quan 72](#_bookmark125)
   4. [Lồng ghép giới 73](#_bookmark126)
   5. [Đánh giá tác động đối với sức khỏe cộng đồng và các biện pháp can thiệp 74](#_bookmark128)
      1. [Đánh giá sức khỏe cộng đồng 74](#_bookmark129)
      2. [Các hoạt động và biện pháp can thiệp đề xuất 76](#_bookmark135)
      3. [Đánh giá về chương trình quản lý an toàn đập 77](#_bookmark136)
8. [KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 79](#_bookmark137)
   1. [Kết luận 79](#_bookmark138)
   2. [Kiến nghị 79](#_bookmark139)

# DANH MỤC BẢNG

[Bảng 1:Danh mục các hồ chứa thuộc TDA tỉnh Hải Dương 11](#_bookmark7)

[Bảng 2: Mẫu nghiên cứu định tính Số hộ tham gia khảo sát tại khu vực TDA 16](#_bookmark13)

[Bảng 3: Đặc điểm nhân khẩu các hộ điều tra tại các phường/xã trong khu vực TDA 21](#_bookmark26)

[Bảng 4: Độ tuổi của người tham gia khảo sát 22](#_bookmark28)

[Bảng 5: Trình độ học vấn của người trả lời 22](#_bookmark30)

[Bảng 6: Nghề nghiệp chính của người trả lời 23](#_bookmark32)

[Bảng 7: Thu nhập bình quân đầu người đình trong khu vực tiểu dự án 26](#_bookmark35)

[Bảng 8:Mức sống của các hộ được khảo sát 27](#_bookmark37)

[Bảng 9: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo trong khu vực Tiểu dự án. 27](#_bookmark38)

[Bảng 10: Tình trạng sở hữu đất của các hộ BAH 28](#_bookmark41)

[Bảng 11: Tình trạng pháp lý về đất của các hộ bị ảnh hưởng 28](#_bookmark42)

[Bảng 12: Tình trạng pháp lý về đất của các hộ DTTS bị ảnh hưởng 29](#_bookmark43)

[Bảng 13: Loại nhà vệ sinh của các hộ được khảo sát 30](#_bookmark46)

[Bảng 14: Tiện nghi sinh hoạt của hộ gia đình (% hộ có) 31](#_bookmark48)

[Bảng 15: Tình hình sử dụng nước tại các xã thuộc TDA 32](#_bookmark52)

[Bảng 16: Các khoản vay nợ của các hộ BAH 34](#_bookmark56)

[Bảng 17: Bảng thể hiện mục đích vay nợ của người dân khu vực TDA 34](#_bookmark57)

[Bảng 18. Các bệnh thường gặp của người dân trong khu vực Tiểu dự án 35](#_bookmark60)

[Bảng 19: Giới tính của chủ hộ được khảo sát 37](#_bookmark66)

[Bảng 20: Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA 38](#_bookmark68)

[Bảng 21: Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA 39](#_bookmark70)

[Bảng 22: Thống kê các tác động và phạm vi thu hồi đất 43](#_bookmark81)

[Bảng 23: Dự toán kinh phí thực hiện bồi thường GPMB 51](#_bookmark97)

[Bảng 24: Tổng hợp các hoạt động đề xuất 55](#_bookmark103)

[Bảng 25: Kế hoạch hành động xã hội và khung đối với tiểu dự án 57](#_bookmark109)

[Bảng 26: Vai trò các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án 64](#_bookmark118)

[Bảng 27: Chiến lược truyền thông, tham vấn với các bên liên quan 68](#_bookmark124)

[Bảng 28: Phân công lao động trong các hộ gia đình BAH 73](#_bookmark127)

[Bảng 29: Một số bệnh thường gặp của hộ gia đình trong 12 tháng qua 74](#_bookmark130)

[Bảng 30: Nhận biết về HIV/AIDS 75](#_bookmark131)

[Bảng 31: Nhận thức về đường lây truyền bệnh HIV/AIDS 75](#_bookmark132)

[Bảng 32: Nhận thức về biện pháp phòng tránh HIV/AIDS 75](#_bookmark133)

[Bảng 33: Loại tài liệu để tuyên truền về thông tin sức khỏe cộng đồng hiệu quả 76](#_bookmark134)

**DANH MỤC HÌNH**

[Hình 1: Vị trí các hồ thuộc TDA 12](#_bookmark8)

[Hình 2: Sơ đồ các bên liên quan 40](#_bookmark73)

# TÓM TẮT BÁO CÁO

Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương – là dự án vay vốn của Ngân hàng Thế giới (NHTG). Mục tiêu của dự án là hỗ trợ Chính phủ đảm bảo được quy hoạch phát triển tổng hợp lưu vực toàn diện hơn để tăng cường sự điều phối về thể chế, phát triển trong tương lai và an toàn vận hành. Dự án này sẽ được thực hiện bằng cách hỗ trợ cả về an toàn kết cấu của chính bản thân đập và hồ chứa, cùng với yêu cầu an toàn cho vận hành để bảo vệ người dân và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở hạ lưu.

Dự án được đề xuất gồm 03 hợp phần chính:

* Hợp phần 1: Khôi phục an toàn đập
* Hợp phần 2: Quản lý an toàn đập
* Hợp phần 3: Hỗ trợ quản lý dự án.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương (Ban QLDA) là đơn vị quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động chuẩn bị dự án, bao gồm việc lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo về chính sách an toàn môi trường xã hội theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Báo cáo đánh giá xã hội thực hiện là nhằm các mục tiêu: (i) Xác định các vấn đề xã hội và tác động tiềm ẩn của các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng đề xuất, (ii) Cung cấp đầu vào các khía cạnh xã hội và sự tham gia vào việc thiết kế dự án nghiên cứu khả thi và giai đoạn thiết kế cơ sở, chú ý đến nhu cầu của các cộng đồng bị ảnh hưởng, (iii) Cung cấp các khuyến nghị cụ thể về quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng có các rủi ro xã hội cao và xác định các tiêu chí và phương pháp luận để quyết định việc đầu tư có được xã hội chấp nhận hay không, (iv) Nghiên cứu cung cấp nguồn dữ liệu cơ sở cho việc đánh giá kết quả hoàn thành dự án.

Đánh giá xã hội này được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ từ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương (BQLDA) và chính quyền địa phương các xã/thị trấn trong khu vực tiểu dự án, hoạt động khảo sát thực địa được thực hiện cho báo cáo này từ 15/4/2019 đến hết ngày 20/6/2019. Cộng đồng dân cư và các đơn vị có liên quan trong khu vực tiểu dự án vừa là người cung cấp thông tin vừa đưa ra nhận xét giúp đỡ Nhóm đánh giá xã hội xây dựng và rà soát ý kiến trong quá trình nghiên cứu.

# GIỚI THIỆU CHUNG

# Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRaSIP)

1. Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (DRaSIP) được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới (WB), đầu tư thực hiện tại 34 tỉnh bao gồm 40 TDA được chia làm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 thực hiện 12 Tiểu dự án, giai đoạn 2 thực hiện cho các Tiểu dự án còn lại.

# Mục tiêu của dự án

*Mục tiêu tổng quát:*

* + Hỗ trợ thực hiện Chương trình Bảo đảm an toàn các hồ chứa nước thông qua sửa chữa, nâng cấp các đập ưu tiên, tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn đập nhằm bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng hạ du.

*Mục tiêu cụ thể:*

* + Sửa chữa nâng cấp hiện đại hóa công trình đảm bảo an toàn và ổn định lâu dài trong điều kiện khí hậu ngày càng biến đổi phức tạp, phù hợp với mục tiêu công nghiệp hóa

- hiện đại hóa đất nước của Đảng và Nhà nước.

* + Nâng cao an toàn cụm công trình đầu mối hồ chứa nước các đập, bảo vệ người và tài sản của cộng đồng ở hạ du.

# Các hợp phần của dự án

1. Các hoạt động của dự án được thực hiện thông qua 03 hợp phần chính:

**Hợp phần 1:** Phục hồi an toàn đập – hợp phần này sẽ nâng cao an toàn đập của những đập được ưu tiên theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) thông việc phục hồi các cơ sở hạ tầng hiện có. Những đập được tài trợ được thiết kế cho mục đích tưới và một số được sử dụng cho đa mục tiêu bao gồm cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng địa phương. Hợp phần này sẽ hỗ trợ (i) Thiết kế chi tiết, giám sát, kiểm soát chất lượng việc cải tạo công trình đối với các đập được ưu tiên và cơ sở hạ tầng liên quan; (ii) cải tạo công trình, bao gồm cả công trình xây dựng, công trình thủy lực, lắp đặt thiết bị quan trắc thủy văn và giám sát an toàn; (iii) lập Kế hoạch vận hành và bảo dưỡng, Kế hoạch ứng phó khẩn cấp; và

(iv) thông qua bản danh sách kiểm tra các hạng mục đã được tiêu chuẩn hóa đối với các đập do cộng đồng quản lý. Kinh phí của hợp phần này sẽ được sử dụng cho xây dựng, các dịch vụ tư vấn, hàng hoá, dịch vụ phi tư vấn.

**Hợp phần 2:** Quản lý an toàn đập và quy hoạch. Hợp phần này sẽ được thực hiện tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường với mục tiêu cải thiện khung kế hoạch và vận hành quản lý an toàn đập để bảo vệ các cộng đồng và cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở hạ du. Ba tiểu hợp phần hỗ trợ lẫn nhau có sự tham gia của cả ba bộ bao gồm: (i) các dịch vụ kỹ thuật và nghiên cứu chiến lược; (ii) cải thiện về thể chế, luật và các quy định; và (iii) nâng cao năng lực và chuyên môn. Kinh phí của hợp phần này sẽ dùng cho các dịch vụ tư vấn, các công tác và hàng hóa, thiết bị và dịch vụ phi tư vấn.

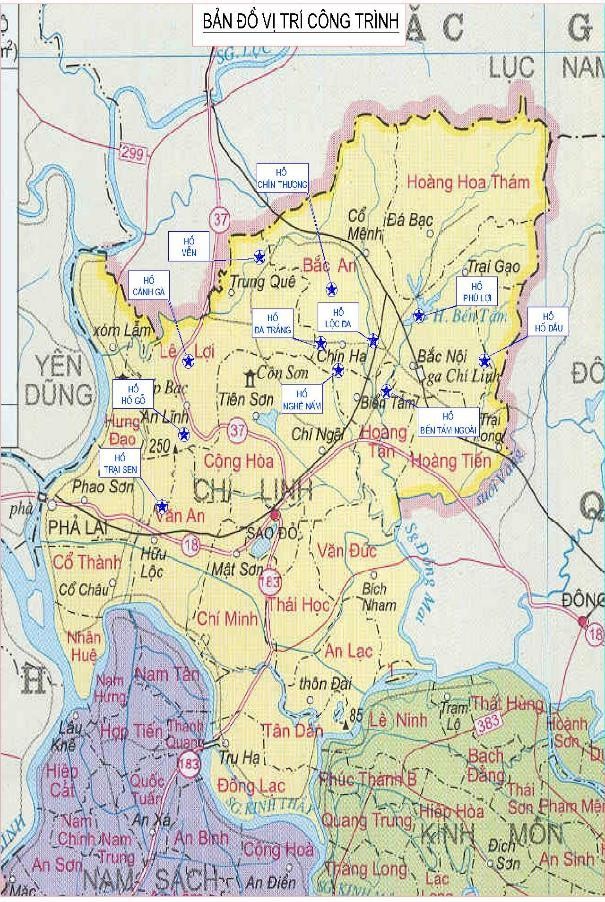
**Hợp phần 3:** Hợp phần này sẽ cung cấp môi trường cần thiết để có thể hỗ trợ việc thực hiện dự án.

# Tiểu dự án tỉnh Hải Dương

1. Theo báo cáo rà soát quy hoạch thuỷ lợi tỉnh Hải Dương đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Mục tiêu cấp nước nhằm giải quyết tưới cho cho khu bán sơn địa như Hưng Đạo, Lê Lợi và bắc đường 18 huyện Chí Linh bằng hình thức nâng cấp một số hồ như: Hồ Bến Tắm, hồ Suối Gang, hồ Làng Chẽ, hồ Chín Thượng, hồ Chín Hạ.
2. Việc tiến hành nâng cấp sửa chữa các công trình thuộc Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương đã góp phần hiện đại hóa công trình đầu mối, cung cấp nước tưới, đảm bảo an toàn cho hồ chứa, an toàn công trình, cơ sở hạ tầng của thành phố Chí Linh thuộc TDA và dân cư vùng hạ du của 11 hồ gồm các xã/phường: Văn An, Bắc An, Lê Lợi, Hoàng Tân, Bến Tắm.
3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương (Ban QLDA) đã thuê một Đơn vị tư vấn (sau đây gọi là Tư vấn) để tiến hành Đánh giá tác động Xã hội (SA) và Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) để chuẩn bị các tài liệu về chính sách an toàn môi trường và xã hội cần thiết cho Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương nhằm đảm bảo rằng các biện pháp can thiệp có tính đến các vấn đề về môi trường và xã hội và tuân theo các yêu cầu pháp lý của Chính phủ Việt Nam và các chính sách an toàn của Ngân hàng Thế giới.
4. Nhiệm vụ của TDA:
   * Cải tạo, nâng cấp các hạng mục đập đất, tràn xả lũ của các hồ chứa, đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.
   * Nâng cấp các hạng mục cống lấy nước, kênh sau cống, nạo vét, dọn dẹp lòng hồ của 11 hồ chứa để đảm bảo cấp nước tưới cho 491,60 ha cây công nghiệp, lúa, hoa màu và cây ăn quả của 5 xã, phường thuộc TP.Chí Linh.
   * Nâng cấp đường quản lý vận hành, xây dựng nhà quản lý phục vụ công tác quản lý hồ đập và khả năng sẵn sàng ứng phó sự cố.
   * Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ chứa đảm bảo cho khả năng vận hành an toàn của công trình và dự báo nhu cầu xử lý duy tu sửa chữa, nâng cấp công trình.
5. Tiểu Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương thuộc Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập do Ngân hàng Thế giới tài trợ thông qua Hiệp định tài trợ tín dụng số 5749-VN ký ngày 8/4/2016 với thời gian thực hiện dự án từ năm 2017 đến năm 2022. Căn cứ Quyết định số 4638/BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hải Dương gồm 11 công trình như bảng dưới đây:

*Bảng 1:Danh mục các hồ chứa thuộc TDA tỉnh Hải Dương*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hồ chứa nước** | **Địa điểm xây dựng** | **Tọa độ địa lý** | |
| Vĩ độ Bắc | Kinh độ Đông |
| 1 | Trại Sen | Phường Văn An, TP Chí Linh | 21° 6'32.70" | 106°21'15.68" |
| 2 | Hố Dầu | Phường Bến Tắm, TP Chí Linh | 21° 9'26.39" | 106°28'23.61" |
| 3 | Phú Lợi | Phường Bến Tắm, TP Chí Linh | 21°10'13.26" | 106°26'43.85" |
| 4 | Nghè Lấm | Phường Hoàng Tân, TP Chí Linh | 21° 9'2.21" | 106°24'56.87" |
| 5 | Bến Tắm Ngoài | Phường Hoàng Tân, TP Chí Linh | 21° 8'42.98" | 106°26'6.66" |
| 6 | Vễn | Xã Lê Lợi, TP Chí Linh | 21°11'22.65" | 106°23'12.06" |
| 7 | Cánh Gà | Xã Lê Lợi, TP Chí Linh | 21° 9'27.69" | 106°21'19.17" |
| 8 | Hố Gỗ | Xã Lê Lợi, TP Chí Linh | 21° 8'32.60" | 106°21'38.51" |
| 9 | Đá Trắng | Xã Bắc An, TP Chí Linh | 21° 9'39.34" | 106°24'38.98" |
| 10 | Lộc Đa | Xã Bắc An, TP Chí Linh | 21° 9'41.40" | 106°25'42.92" |
| 11 | Chín Thượng | Xã Bắc An, TP Chí Linh | 21°10'46.04" | 106°24'48.13" |

*Hình 1: Sơ đồ vị trí các công trình TDA tỉnh Hải Dương*

# Mục tiêu và phương pháp đánh giá xã hội

# Mục tiêu đánh giá xã hội

1. Các vấn đề xã hội phát sinh chủ yếu do mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và tài nguyên thiên nhiên. Các thiệt hại về kinh tế và chi phí xã hội do suy thoái môi trường thường xảy ra sau khi lợi ích từ việc phát triển kinh tế đã được nhận diện. Thông thường, các dự án phát triển mang lại lợi ích kinh tế và tạo ra môi trường sống tốt hơn, nhưng cũng sẽ gây ra một số tác động tiêu cực đến đời sống của người dân địa phương. Vì vậy, đánh giá xã hội giúp tăng cường sự hiểu biết, giảm thiểu và giải quyết các tác động tiêu cực này. Đánh giá xã hội bao gồm:
2. Các quy trình đánh giá xã hội thông qua đó Ngân hàng Thế giới (NHTG) và UBND tỉnh Hải Dương có thể hiểu rõ hơn các bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa, thể chế, lịch sử tác động đến kết quả phát triển xã hội của các hạng mục dự án cụ thể được đề xuất;
3. Nâng cao sự công bằng, tăng cường sự hòa nhập và gắn kết của xã hội, thúc đẩy tính minh bạch và trao quyền cho nhóm người nghèo và hộ dễ bị tổn thương tham gia vào quá trình thiết kế và/hoặc thực hiện dự án;
4. Thiết lập cơ chế, xác định các cơ hội, khó khăn, tác động và rủi ro xã hội liên quan đến việc thiết kế dự án được đề xuất;
5. Thiết lập khung đối thoại về các ưu tiên phát triển giữa các nhóm xã hội, tổ chức dân sự, tổ chức cơ sở và các bên liên quan khác tham gia dự án; và
6. Phương pháp xác định và giảm thiểu các rủi ro xã hội tiềm ẩn, bao gồm các tác động xã hội tiêu cực của dự án.
7. Đánh giá xã hội là một quá trình lặp đi lặp lại, được thực hiện nhiều lần trong một chu kỳ tiểu dự án. Đầu tiên, kiểm tra các tác động tiềm tàng của Tiểu dự án, gồm tác động tích cực và tiêu cực trên cơ sở các hoạt động của dự án. Thứ hai, những phát hiện chính của báo cáo đánh giá xã hội sẽ giúp xác định được các tác động xã hội (bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực), từ đó đưa ra các cơ chế, tổ chức và thể chế phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động bất lợi, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong giai đoạn thiết kế và thực hiện dự án. Đối với các tác động bất lợi được xác định rằng sẽ không thể tránh khỏi, đơn vị tư vấn đã tiến hành tham vấn lấy ý kiến với người dân địa phương, các sở/ban/ngành và các đơn vị có liên quan đến tiểu dự án… để đảm bảo những yêu cầu của người dân bị ảnh hưởng và các chính sách bồi thường, hỗ trợ sẽ được thực hiện một cách đầy đủ và kịp thời nhằm khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội của họ như trước khi thực hiện dự án.
8. Đánh giá xã hội sẽ tuân thủ pháp luật và các chính sách của Chính phủ Việt Nam và chính sách an toàn có liên quan của NHTG.

# Sàng lọc dân tộc thiểu số

1. Mục đích của việc sàng lọc các nhóm dân tộc thiểu số nhằm xác định sự hiện diện của người DTTS theo chính sách OP 4.10 của WB tại khu vực Tiểu dự án.
2. Kết quả sàng lọc dân tộc thiểu số cho thấy, trong khu vực Tiểu dự án có sự hiện diện của người dân tộc thiểu số trong vùng dự án bao gồm, Sán Dìu, Mường, Tày, Mường, Cao Lan và Dao. Do vậy một báo cáo Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số (EMDP) sẽ được lập riêng cho Tiểu dự án này.

# Phương pháp thu thập thông tin

1. Các phương pháp khảo sát chính được lựa chọn, gồm: (i) Sử dụng các biểu mẫu, bảng biểu khảo sát cho chính quyền địa phương các xã dự án để thu thập các thông tin thứ cấp; (ii) Khảo sát lấy mẫu phân tầng thông tin kinh tế - xã hội của các hộ gia đình; (iii) Nghiên cứu định tính: phỏng vấn sâu...; và (iv) Tham vấn ý kiến của cộng đồng. Cụ thể:

**Thu thập dữ liệu thứ cấp:** Thông tin và dữ liệu liên quan đến tiểu dự án được thu thập từ Ban quản lý Dự án và từ các nguồn phân tích tình hình kinh tế-xã hội địa phương khác như Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương và các báo cáo kinh tế-xã hội của các xã/phường thuộc tiểu dự án và phân tích nghèo đói.

**Nghiên cứu định lượng:** Thực hiện điều tra kinh tế xã hội (khảo sát hộ gia đình) đối với các hộ bị ảnh hưởng/hộ được hưởng lợi nhằm xây dựng dữ liệu kinh tế xã hội của khu vực dự án, trong đó đề cập đến những đặc điểm kinh tế, chính trị văn hóa, dân tộc, xã hội hội. Trên cơ sở xác định hộ ảnh hưởng thông qua kiểm đếm sơ bộ, có 65 hộ sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp và 267 hộ hưởng lợi từ tiểu dự án.

1. Khảo sát các hộ có khả năng bị ảnh hưởng và/hoặc được hưởng lợi được thực hiện tại 05 xã/phường khu vực tiểu dự án. Cuộc khảo sát này giúp cung cấp tài liệu về vùng ảnh hưởng bởi tiểu dự án và tình hình, xu hướng xã hội hiện có, bao gồm:
   * Chính quyền địa phương: đại diện các ban ngành đoàn thể nằm trong vùng dự án tại các phường/xã.
   * Hộ dân gia đình: Hộ hưởng lợi, hỗ dễ bị tổn thương, hộ nguy cơ bị ảnh hưởng bởi dự án, hộ có mức sống khác nhau….
2. Mẫu khảo sát được thực hiện đối với 100% (65 hộ) số hộ bị ảnh hưởng bởi TDA và 267 hộ hưởng lợi bởi tiểu dự án. Mẫu khảo sát được lựa chọn phân tầng cho các thôn bị ảnh hưởng với mẫu lựa chọn là 10% số dân sản xuất nông nghiệp được hưởng lợi ở các thôn trong vùng dự.

**Nghiên cứu định tính phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm:** Sử dụng phương pháp định tính với các kỹ thuật phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trong tham vấn cộng đồng nhằm tìm kiếm những thông tin mà trong bảng hỏi (định lượng) không thể bao quát được hết. Các thông tin có được từ nghiên cứu định tính nhằm trả lời các câu hỏi những căn nguyên và lý giải các hiện tượng và yếu tố ảnh hưởng trong địa bàn tiểu dự án. Bên cạnh đó, các thông tin định tính có thể khai thác sâu hơn các suy nghĩ, tâm tư, quan điểm, nguyện vọng của đối tượng cung cấp thông tin, nhất là những vấn đề nhạy cảm. Nghiên cứu định tính sử dụng các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu để thu thập thông tin. Các hộ gia đình được chọn thực hiện phương pháp này cũng chọn với những đặc điểm tương đồng về học vấn, mức sống … Các cuộc thảo luận nhóm, sẽ được tổ chức với các hộ BAH cùng đại diện UBND các xã/phường thuộc TDA, khoảng 6 - 12 người cho một cuộc thảo luận nhóm.

* + Phỏng vấn sâu được áp dụng đối với các đối tượng là đại diện hộ BAH và các cán bộ tham gia tiểu dự án cấp Thôn/tổ dân cư và Xã.
  + Ngoài tìm hiểu thông tin định tính, trong các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm còn chú ý đến kỹ thuật tham vấn cộng đồng, nhằm tìm hiểu sâu hơn về quan điểm và thái độ của các đối tượng đối với việc triển khai tiểu dự án nhất là đối với phụ nữ. Cụ thể mẫu nghiên cứu định tính như sau:

*Bảng 2: Mẫu nghiên cứu định tính Số hộ tham gia khảo sát tại khu vực TDA*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa điểm** | **Tổng số hộ hưởng lợi** | **Tổng số hộ được khảo sát** | | | **Tỷ lệ khảo sát** |
| Số hộ BAH | Số hộ hưởng lợi | Tổng cộng |
| **I** | **Phường Văn An** | **463** | **4** | **34** | **38** | **8,21%** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 463 | 4 | 34 | 38 | 8,21% |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **417** | **6** | **41** | **47** | **11,27%** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 215 | 6 | 18 | 24 | 11,16% |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 202 | 0 | 23 | 23 | 11,39% |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **875** | **20** | **58** | **78** | **8,91%** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 540 | 4 | 37 | 41 | 7,59% |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 335 | 16 | 21 | 37 | 11,04% |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **924** | **13** | **76** | **89** | **9,63%** |
| 6 | Hồ Vễn | 494 | 9 | 26 | 35 | 7,09% |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 225 | 1 | 31 | 32 | 14,22% |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 205 | 3 | 19 | 22 | 10,73% |
| **V** | **Xã Bắc An** | **590** | **22** | **58** | **80** | **13,56%** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 214 | 4 | 25 | 29 | 13,55% |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 170 | 8 | 17 | 25 | 14,71% |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 206 | 10 | 16 | 26 | 12,62% |
|  | **Tổng** | **3.269** | **65** | **267** | **332** | **10,16%** |

**Tham vấn cộng đồng:** Xây dựng và thực hiện kế hoạch tham gia hiệu quả của tất cả các bên liên quan được hưởng lợi và bị ảnh hưởng của tiểu dự án là rất quan trọng, bao gồm xác định số dân sẽ được hưởng lợi hoặc bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án. Cần thực hiện các nghiệp vụ tham gia cộng đồng nhằm thu thập thông tin phản hồi của cộng đồng về các hạng mục đầu tư của tiểu dự án đề xuất trong quá trình thực hiện và giảm sát. Trong giai đoạn chuẩn bị này, 05 cuộc tham vấn cộng đồng ở 05 xã/phường thuộc tiểu dự án đã được tổ chức với sự tham gia của các bên liên quan sau:

* + Đại diện của chính quyền địa phương từ 05 xã/ phường thuộc tiểu dự án.
  + Các ban ngành đoàn thể gồm đại diện Mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên của 05 xã/phường (32 cán bộ đại diện chính quyền và các ban ngành đoàn thể).
  + Đại diện các hộ trong khu vực tiểu dự án, bao gồm các hộ có khả năng bị thu hồi đất, các hộ được hưởng lợi, đặc biệt các hộ dễ bị tổn thương (hộ nghèo, hộ có người tàn tật, hộ có phụ nữ làm chủ hộ có người phụ thuộc) (332 người dân).

1. Các vấn đề đã được đưa ra trao đổi và tham vấn gồm: (i) Giới thiệu về tổng quan dự án Sửa chữa và nâng cao án toàn đập, giới thiệu tổng quan về tiểu dự án và chi tiết các công trình sẽ thực hiện sửa chữa; (ii) Các lợi ích mà dự án và tiểu dự án mang lại, các tác động liên quan đến thu hồi đất, các tác động xã hội khác; (iii) Các chính sách và biện pháp giảm thiểu tác động sẽ được áp dụng; (iv) Tham vấn và sự tham gia của cộng đồng, các bên liên quan; (v) Cơ chế tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại trong quá trình thực hiện và vận hành tiểu dự án;
2. Giám sát đối với tiểu dự án.

# Phạm vi đánh giá xã hội

1. Phạm vi đánh giá xã hội trong khu vực Tiểu dự án sẽ được chia làm 2 phạm vi cụ thể: phạm vi đánh giá theo không gian và phạm vi đánh giá theo thời gian.

# Phạm vi đánh giá theo không gian (chia thành 2 khu vực):

* + *Khu vực có các hoạt động của Tiểu dự án:*

+ Vùng thi công các hạng mục chính: xây dựng và sửa chữa các công trình đập, tràn, cống, đường thi công kết hợp đường quản lý và nhà quản lý.

+ Vùng thi công các công trình phụ trợ: Bãi đổ thải, mỏ khai thác đất, đá, tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng…

* + *Khu vực bị ảnh hưởng và hưởng lợi bởi Tiểu dự án*

+ Các phường/xã được hưởng lợi từ việc cung cấp nước tưới (05 phường/xã).

+ Các phường/xã bị ảnh hưởng do các hoạt động sửa chữa các hạng mục chính, do tập kết, vận chuyển vật liệu, chất thải (05 phường/xã).

+ Tổng số phường/xã nằm trong khu vực Tiểu dự án là 05 phường/xã, bao gồm: xã Lê Lợi, xã Bắc An; phường Văn An, phường Bến Tắm, phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

# Phạm vi đánh giá theo thời gian:

1. Báo cáo sẽ xem xét đánh giá tác động môi trường, xã hội của Tiểu dự án trong suốt quá trình thực hiện, bao gồm:
2. Giai đoạn chuẩn bị dự án (khảo sát, thiết kế, giải phóng mặt bằng...);
3. Giai đoạn thi công công trình và;
4. Giai đoạn quản lý vận hành công trình.
5. Ngoài ra, báo cáo đánh giá tác động môi trường - xã hội cũng cần xem xét đến các sự cố đã xảy ra trong quá khứ (từ khi xây dựng hồ, đập), những tác động đến môi trường, xã hội và những biện pháp giải quyết sự cố đã được thực hiện.

# TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG

# Địa giới hành chính

1. Hải Dương là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, nằm trong hai tuyến hành lang kinh tế (hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và hành lang Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Toàn tỉnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 02 thành phố (Thành phố Hải Dương và TP Chí Linh) và 10 huyện (CẩmGiàng, Ninh Giang, Gia Lộc, Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Bình Giang, Kinh Môn, Thanh Miện); có264 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 220 xã, 31 phường, 13 thị trấn). Tỉnh lỵ của Hải Dương là thành phố Hải Dương (Nguồn: Đề án thành lập thành phố Chí Linh năm 2018 và Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2017).

# Dân số và lao động

1. Dân số và lao động: Theo số liệu niên giám thống kê của tỉnh Hải Dương năm 2017 dân số toàn tỉnh Hải Dương là 1.797.228 người, mật độ dân số 1077người/km2 trong đó: Nam giới là 880.585 người, chiếm 49% dân số toàn tỉnh, nữ giới là 916.643 người, chiếm51% dân số toàn tỉnh. Tỷ lệ dân số theo giới tính phân bố khá đồng đều giữa các huyện trong toàn tỉnh. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của tỉnh Hải Dương có xu hướng giảm dần nhất là những năm gần đây, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên một số năm được thể hiện như sau: năm 2010 là 8,30%, năm 2013 là 8,25%, năm 2014 là 8,40%, năm 2016 là 8,22%, và năm 2017 là 7,95%. Theo niên giám thống kê năm 2017 của tỉnh Hải Dương, tổng số người trong độ tuổi lao động là

1.397.364 người, chiếm 77,8% dân số của tỉnh. Trong đó có 1.012.835 lao động trong độ tuổi đang làm việc trong các ngành kinh tế. Với tỷ lệ % lao động trong các nghành là như sau: Ngành nông nghiệp – lâm nghiệp và thủy sản 30,6%, ngành công nghiệp và xây dựng 40,5%, ngành dịch vụ 28,9%. Số lượng lao động ngành công nghệ cao chiếm tỷ lệ thấp mà lượng lao động vẫn chi tập trung ở 1 số ngành như nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ…những ngành đòi hỏi trình độ lao động không cao chính vì vậy mà tỷ lệ dân trí trong lực lượng dân cư của tỉnh còn chưa cao.

# Tình hình phát triển kinh tế - xã hội

1. Cơ cấu phát triển kinh tế: Trong giai đoạn 2011 - 2020:

(1)- Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GDP*) tăng 11% - 11,5%/năm, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,8%/, khu vực công nghiệp tăng bình quân 12,6% - 12,8%/năm, khu vực dịch vụ tăng bình quân 12,3% - 12,5%/năm.

(2)- Cơ cấu kinh tế Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ năm 2020 là: 13,3% - 50,2% - 36,5%.

(3)- GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.400 - 3.500 USD. (4)- Giá trị xuất khẩu tăng bình quân 16% - 16,5%/năm.

(5)- Huy động ngân sách/GDP vào năm 2020 đạt 14 - 15%; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 16 - 16,5%/năm.

(6). Vốn đầu tư toàn xã hội thời kỳ 2011 - 2020 đạt 410 - 420 ngàn tỷ đồng

1. Kết quả phát triển kinh tế: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP theo giá 2010) ước tăng 9,1% so với năm 2017, cao hơn bình quân cả nước (ước tăng gần 7,0%); thấp hơn một số tỉnh lân cận như Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp,

thủy sản (NLTS) tăng 6,0%; công nghiệp - xây dựng tăng 10,8% (công nghiệp +11,1%, xây dựng +7,7%); dịch vụ tăng 6,8%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; cơ cấu kinh tế ước đạt 9,4% - 58,8% - 31,8% (năm 2017 là 9,6% - 57,9% - 32,5%).

1. Đóng góp vào tăng trưởng chung 9,1%, nhóm ngành NLTS đóng góp 0,6 điểm%; công nghiệp, xây dựng đóng góp 6,4 điểm% (trong đó, công nghiệp đóng góp 6,0 điểm%, xây dựng đóng góp 0,4 điểm%); dịch vụ đóng góp 2,1 điểm%.

# Điều kiện cơ sở hạ tầng

1. Hải Dương có hệ thống cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Hệ thống giao thông gồm đường bộ, đường thuỷ, đường sắt và phân bố hợp lý, giao lưu rất thuận lợi tới các tỉnh.

- Đường bộ: có 4 tuyến đường quốc lộ qua tỉnh dài 99 km, đều là đường cấp I, cho 4 làn xe đi lại thuận tiện:

 Quốc lộ 5 từ Hà Nội đi thành phố cảng Hải Phòng, chạy ngang qua tỉnh 44 km, đây là đường giao thông chiến lược; vận chuyển toàn bộ hàng hoá xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng và nội địa.

 Quốc lộ 18 từ Nội Bài qua Bắc Ninh đến tỉnh Quảng Ninh. Đoạn chạy qua huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương dài 20 km.

 Quốc lộ 183, nối quốc lộ 5 với quốc lộ 18, qui mô cấp I đồng bằng

 Quốc lộ 37 dài 12,4 km, đây là đường vành đai chiến lược quốc gia, phục vụ trực tiếp cho khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc.

 Quốc lộ 38 dài 14 km là đường cấp III đồng bằng.

 Đường tỉnh: có 13 tuyến dài 258 là đường nhựa tiêu chuẩn cấp III đồng bằng

 Đường huyện có 352,4 km và 1448 km đường xã đảm bảo cho xe ô tô đến tất cả các vùng trong mọi mùa.

 Đường sắt: Tuyến Hà Nội - Hải Phòng chạy song song với quốc lộ 5, đáp ứng vận chuyển hàng hoá, hành khách qua 7 ga trong tỉnh.

 Tuyến Kép - Bãi Cháy chạy qua huyện Chí Linh, là tuyến đường vận chuyển hàng lâm nông thổ sản ở các tỉnh miền núi phía Bắc ra nước ngoài qua cảng Cái Lân, cũng như hàng nhập khẩu và than cho các tỉnh

- Đường thuỷ: với 400 km đường sông cho tầu, thuyền 500 tấn qua lại dễ dàng. Cảng Cống Câu công suất 300.000 tấn/năm và hệ thống bến bãi đáp ứng về vận tải hàng hoá bằng đường thuỷ một cách thuận lợi.

Hệ thống giao thông trên bảo đảm cho việc giao lưu kinh tế từ Hải Dương đi cả nước và nước ngoài rất thuận lợi.

# Các loại hình thiên tai tại khu vực TDA

# Tình hình hạn hán

1. Cũng như các công trình tiêu, trên địa bàn tỉnh đã có rất nhiều công trình cấp nước. Nhân dân trong tỉnh đã tìm mọi cách để cấp nước cho cây trồng nên hiện tượng hạn trong

những năm gần đây không xảy ra, tuy nhiên hàng năm diện tích canh tác bị khó khăn về nước vẫn tồn tại đặc biệt một số năm gần đây như năm 2004-2006, 2015, 2016. Diện tích bị hạn tập trung chủ yếu ở khu vực Chí Linh, còn các khu vực khác vẫn tồn tại các khó khăn về nước: Kinh Môn, Nam Sách, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện.

# Nguyên nhân hạn hán:

1. Tỉnh Hải Dương nói riêng và các tỉnh đồng bằng sông Hồng nói chung trong vòng mấy năm gần đây tình hình hạn hán xảy ra rất nghiêm trọng, một số nguyên nhân gây hạn chính như sau:

* Mấy năm gần đây mùa mưa kết thúc sớm hơn so với trung bình nhiều năm.
* Do điều kiện thời tiết một số năm bất lợi, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, lượng nước đến dòng chính mùa kiệt không đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế.
* Một số khu vực nguồn nước khó khăn do ảnh hưởng mặn và số giờ lấy nước ít: Tam Lưu, Nhị Chiều, Liên Hòa, Đại Đức.
* Khu vực Hưng Đạo –Lê Lợi thiếu công trình tưới
* Hệ thống công trình đầu mối cũng như công trình nội đồng, kênh trục dẫn nước chưa đồng bộ và không được tu sửa, nạo vét thường xuyên, một số khu vực khả năng trữ của hệ thống nội đồng kém như khu vực: Bắc Hưng Hải, Đông Bắc Nam Sách, Nhị Chiểu…
* Xuất hiện hạn vào đầu vụ mùa do không mở cống lấy nước vào đồng mặc dù mực nước song cao do các công trình tiêu không đảm bảo (khu Hà Đông).

# Tình hình ngập úng lũ lụt

1. Trong những năm gần đây, trước sự biến đổi bất thường của thời tiết đã xuất hiện mưa lớn kéo dài, lượng mưa vượt quá tần suất thiết kế. Mặc dù các công trình thủy lợi đã hoạt động hết công suất cùng với sự phối kết hợp chặt chẽ của công tác chỉ đạo phòng chống lũ lụt nhưng tình trạng úng lụt vẫn diễn ra trên diện rộng. Diện tích lớn nhất là các năm 2003,2004, 2013 và 2014, nguyên nhân chủ yếu là bão hoặc áp thấp gây ra mưa lớn trên diện rộng, mưa vượt tần suất thiết kế.
2. Từ ngày 22-28/7/2003 có lượng mưa khoảng 245mm tại Hải Dương, diện tích úng trên toàn tỉnh là 44 nghìn ha, thời gian ngập úng lại vào thời gian mới cấy, lúa thấp cây nên tổn thất là khá lớn. Đợt úng 20-25/7/2004 có lượng mưa lớn 340mm, đây là lượng mưa vượt lượng mưa thiết kế tần suất 10%(280-310mm), diện tích úng lên tới gần 47.000ha chiếm gần 70% diện tích lúa mùa, mất trắng gần 17.000ha. Năm 2010 lúa và rau màu bị đổ; 3.100 ha. Năm 2011 lúa bị ngập 920 ha. Năm 2012 lúa và rau màu bị đổ 500 ha. Năm 2013 lúa và rau màu bị ngập 6.807 ha. Năm 2014 lúa và rau màu bị ngập 32.678 ha. Qua đó có thể thấy công trình tiêu úng hiện tại vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu.

# ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ XÃ HỘI KHU VỰC TIỂU DỰ ÁN

1. Một cuộc điều tra kinh tế xã hội được tiến hành từ ngày 4/2019 đến hết ngày 06/2019 tại 05 phường/xã thuộc 11 hồ đập nằm trong khu vực Tiểu dự án. Tổng số hộ được khảo sát bằng bảng hỏi là 332 hộ (trong đó có 65 hộ BAH và 267 hộ được hưởng lợi từ Tiểu dự án). Kết quả khảo sát như sau:

# Đặc điểm dân cư

1. Các kết quả khảo sát kinh tế hộ gia đình BAH được trình bày theo các bảng số liệu và được bình luận theo từng mục như dưới đây.

# Thông tin về Nhân khẩu, thành phần dân tộc của các hộ trong mẫu điều tra

*Bảng 3: Đặc điểm nhân khẩu các hộ điều tra tại các phường/xã trong khu vực TDA*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Công trình/địa điểm** | **Số hộ** | **Số khẩu** | **Quy mô hộ gia đình** |
| **I** | **Phường Văn An** | **38** | **114** | **3,0** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 38 | 114 | 3,0 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **47** | **164** | **3,5** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 24 | 81 | 3,4 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 23 | 83 | 3,6 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **78** | **256** | **3,3** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 41 | 159 | 3,9 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 37 | 97 | 2,6 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **89** | **315** | **3,5** |
| 6 | Hồ Vễn | 35 | 126 | 3,6 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 32 | 108 | 3,4 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 22 | 81 | 3,7 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **80** | **306** | **3,8** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 29 | 114 | 3,9 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 25 | 101 | 4,0 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 26 | 91 | 3,5 |
|  | **Tổng** | **332** | **1155** | **3,5** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Từ kết quả khảo sát cho thấy trung bình số nhân khẩu mỗi hộ BAH của các xã là 3,5 (người/hộ). Tuy nhiên, số nhân khẩu bình quân mỗi hộ có sự chênh lệch giữa từng xã/phường. Trong đó số nhân khẩu chung trong mỗi hộ gia đình cao nhất là 3,8 (người/hộ) ở xã Bắc An và thấp nhất là 3,0 (người/hộ) ở xã Văn An. Còn lại các xã/phường khác lần lượt có số nhân khẩu bình quân từ 3,3 đến 3,5 (người/hộ).

# Tuổi của các hộ gia đình tham gia khảo sát

1. Kết quả khảo sát cho thấy, độ tuổi của người trả lời chủ yếu từ 51-65 tuổi (chiếm 46,1%), ở độ tuổi 30-50 chiếm 31,0% và độ tuổi trên 65 tuổi chiếm tỷ lệ 22,9%. Có thể thấy rằng độ tuổi chủ hộ trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ rất cao. Chi tiết cụ thể độ tuổi của các xã/phường xem bảng bên dưới.

*Bảng 4: Độ tuổi của người tham gia khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **Khoảng tuổi của người trả lời** | | | | | | **Tổng** | |
| **30-50 tuổi** | | **51-65 tuổi** | | **Trên 65 tuổi** | |
| Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| **I** | **Phường Văn An** | 15 | 39,5 | 14 | 36,8 | 9 | 23,7 | 38 | 100 |
| 1 | Hồ Trại Sen | 15 | 39,5 | 14 | 36,8 | 9 | 23,7 | 38 | 100 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **15** | 31,9 | **23** | 48,9 | **9** | 19,1 | **47** | **100** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 8 | 33,3 | 12 | 50,0 | 4 | 16,7 | 24 | 100 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 7 | 30,4 | 11 | 47,8 | 5 | 21,7 | 23 | 0 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **22** | 28,2 | **38** | 48,7 | **18** | 23,1 | **78** | **100** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 7 | 17,1 | 21 | 51,2 | 13 | 31,7 | 41 | 100 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 15 | 40,5 | 17 | 45,9 | 5 | 13,5 | 37 | 100 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | 27 | 30,3 | 43 | 48,3 | 19 | 21,3 | 89 | 100 |
| 6 | Hồ Vễn | 13 | 37,1 | 15 | 42,9 | 7 | 20,0 | 35 | 100 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 9 | 28,1 | 17 | 53,1 | 6 | 18,8 | 32 | 100 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 5 | 22,7 | 11 | 50,0 | 6 | 27,3 | 22 | 100 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **24** | 30,0 | **35** | 43,8 | **21** | 26,3 | **80** | **100** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 9 | 31,0 | 13 | 44,8 | 7 | 24,1 | 29 | 100 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 8 | 32,0 | 10 | 40,0 | 7 | 28,0 | 25 | 100 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 7 | 26,9 | 12 | 46,2 | 7 | 26,9 | 26 | 100 |
|  | **Tổng** | **103** | 31,0 | **153** | 46,1 | **76** | 22,9 | **332** | **100** |

# Trình độ học vấn

1. Khoảng 66,3% các chủ hộ BAH tham gia khảo sát có trình độ học vấn là THCS và 20,5% thành viên các hộ BAH có trình độ THPT và 1,8%. Số hộ có tỷ lệ tốt nghiệp cao đẳng, đại học và không có hộ nào bị mù chữ. Chi tiết xem bảng bên dưới.

*Bảng 5: Trình độ học vấn của người trả lời*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/ xã** | **Học vấn người trả lời** | | | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Mù chữ** | | **Tiểu học** | | **THCS** | | **THPT** | | **Cao**  **đẳng/Đại học** | |
| **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** |
| **I** | **Phường Văn An** | 0 | 0,0 | 3 | 7,9 | 23 | 60,5 | 12 | 31,6 | 0 | 0,0 | 38 | 100 |
| 1 | Hồ Trại  Sen | 0 | 0,0 | 3 | 7,9 | 23 | 60,5 | 12 | 31,6 | 0 | 0,0 | 38 | 100 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **0** | **0,0** | **1** | **2,1** | **29** | **61,7** | **12** | **25,5** | **5** | **10,6** | **47** | **100** |
| 2 | Hồ Hố  Dầu | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 17 | 70,8 | 5 | 20,8 | 2 | 8,3 | 24 | 100 |
| 3 | Hồ Phú  Lợi |  | 0,0 | 1 | 0,0 | 12 | 0,0 | 7 | 0,0 | 3 | 13,0 | 23 | 0 |
| **III** | **Phường**  **Hoàng Tân** | 0 | 0,0 | 15 | 19,2 | 43 | 55,1 | 19 | 24,4 | 1 | 1,3 | 78 | 100 |
| 4 | Hồ Nghè  Lấm | 0 | 0,0 | 8 | 19,5 | 25 | 61,0 | 8 | 19,5 | 0 | 0,0 | 41 | 100 |
| 5 | Hồ Bến  Tắm | 0 | 0,0 | 7 | 18,9 | 18 | 48,6 | 11 | 29,7 | 1 | 2,7 | 37 | 100 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/ xã** | **Học vấn người trả lời** | | | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Mù chữ** | | **Tiểu học** | | **THCS** | | **THPT** | | **Cao đẳng/Đại**  **học** | |
| **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** |
| IV | Xã Lê Lợi | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 68 | 76,4 | 15 | 16,9 | 0 | 0,0 | 89 | 100 |
| 6 | Hồ Vễn | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 27 | 77,1 | 8 | 22,9 | 0 | 0,0 | 35 | 100 |
| 7 | Hồ Cánh  Gà | 0 | 0,0 | 3 | 9,4 | 26 | 81,3 | 3 | 9,4 | 0 | 0,0 | 32 | 100 |
| 8 | Hồ Hố  Gỗ | 0 | 0,0 | 3 | 13,6 | 15 | 68,2 | 4 | 18,2 | 0 | 0,0 | 22 | 100 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **0** | **0,0** | **13** | **16,3** | **57** | **71,3** | **10** | **12,5** | **0** | **0,0** | **80** | **100** |
| 9 | Hồ Đá  Trắng | 0 | 0,0 | 5 | 17,2 | 20 | 69,0 | 4 | 13,8 | 0 | 0,0 | 29 | 100 |
| 10 | Hồ Lộc  Đa | 0 | 0,0 | 3 | 12,0 | 19 | 76,0 | 3 | 12,0 | 0 | 0,0 | 25 | 100 |
| 11 | Hồ Chín  Thượng | 0 | 0,0 | 5 | 19,2 | 18 | 69,2 | 3 | 11,5 | 0 | 0,0 | 26 | 100 |
|  | **Tổng** | **0** | **0,0** | **32** | **9,6** | **220** | **66,3** | **68** | **20,5** | **6** | **1,8** | **332** | **100** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

# Nghề nghiệp

1. Trong tổng số 322 hộ trả lời phỏng vấn về nghề nghiệp có thể nhận thấy rằng nghề nông nghiệp (làm vườn) chiếm tỷ lệ cao nhất, chiếm tới 81,9%, tiếp theo nhóm nghề lao động phổ thông chiếm tỷ lệ 6,9%, nhóm nghề làm việc ở các công ty tư nhân, nhà máy chiếm tỷ lệ 5,4%, nhóm nghề công nhân viên chức chiếm tỷ lệ 1,2%, nhóm lao động hưu trí chiếm tỷ lệ 3,6% và cuối cùng là nhóm buôn bán kinh doanh dịch vụ chỉ chiếm 0,9%.
2. Nhìn chung, sinh kế chủ yếu của người dân vẫn là nông nghiệp, trong đó làm vườn là phổ biến nhất. Với đặc trưng của vùng dự án là trồng Nhãn, Vải, Cam, Chanh…., đây là những cây công nghiệp chủ lực mang lại giá trị thu nhập cao cho bà con nhân dân nơi đây. Chi tiết các ngành nghề xem bảng bên dưới.

*Bảng 6: Nghề nghiệp chính của người trả lời*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **Làm vườn** | | **Buôn bán dịch vụ** | | **Làm cho**  **công ty tư nhân** | | **Công**  **chức/ viên chức** | | **Hưu trí** | | **Lao động phổ thông** | |
| **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** |
| **I** | **Phường Văn An** | **38** | **29** | **76,3** | **0** | **0,0** | **9** | **23,7** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 38 | **29** | 76,3 | 0 | 0,0 | **9** | 23,7 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **47** | **29** | **61,7** | **1** | **2,1** | **4** | **8,5** | **4** | **8,5** | **4** | **8,5** | **5** | **10,6** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 24 | 14 | 58,3 | 0 | 0,0 | 4 | 16,7 | 2 | 8,3 | 1 | 4,2 | 3 | 12,5 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 23 | 15 | 65,2 | 1 | 4,3 | 0 | 0,0 | 2 | 8,7 | 3 | 13,0 | 2 | 8,7 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **78** | **65** | **83,3** | **0** | **0,0** | **4** | **5,1** | **0** | **0,0** | **1** | **1,3** | **8** | **10,3** |
| 4 | Hồ Nghè  Lấm | 41 | 39 | 95,1 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 2 | 4,9 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 37 | 26 | 70,3 | 0 | 0,0 | 4 | 10,8 | 0 | 0,0 | 1 | 2,7 | 6 | 16,2 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **89** | **81** | **91,0** | **1** | **1,1** | **1** | **1,1** | **0** | **0,0** | **2** | **2,2** | **4** | **4,5** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **Làm vườn** | | **Buôn bán dịch vụ** | | **Làm cho**  **công ty tư nhân** | | **Công**  **chức/ viên chức** | | **Hưu trí** | | **Lao động phổ thông** | |
| **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** |
| 6 | Hồ Vễn | 35 | 32 | 91,4 | 1 | 2,9 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |  | 0,0 | 2 | 5,7 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 32 | 30 | 93,8 | 0 | 0,0 | 1 | 3,1 | 0 | 0,0 | 1 | 3,1 |  | 0,0 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 22 | 19 | 86,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 1 | 4,5 | 2 | 9,1 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **80** | **68** | **85,0** | **1** | **1,3** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **5** | **6,3** | **6** | **7,5** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 29 | 23 | 79,3 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 3 | 10,3 | 3 | 10,3 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 25 | 22 | 88,0 | 1 | 4,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 1 | 4,0 | 1 | 4,0 |
| 11 | Hồ Chín  Thượng | 26 | 23 | 88,5 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 1 | 3,8 | 2 | 7,7 |
|  | **Tổng** | **332** | **272** | **81,9** | **3** | **0,9** | **18** | **5,4** | **4** | **1,2** | **12** | **3,6** | **23** | **6,9** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

# Thu nhập và mức sống hộ gia đình

## Thu nhập của các hộ gia đình

1. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ hộ gia đình làm nông nghiệp chiếm đa số, các loại cây trồng chính là cây lương thực (như lúa, ngô...), một số cây hoa màu (như đậu tương, đỗ, lạc, bầu bí...) và một số cây công nghiệp (chủ yếu là cây keo, bạch đàn, xoan...) chính vì vậy nguồn thu nhập chính của hộ gia đình phụ thuộc vào hoạt động sản xuất nông nghiệp này.
2. Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19 tháng 11 năm 2015 của chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 cho thấy trung bình thu nhập/người/tháng ở khu vực nông thôn là 700.000 đồng/người/tháng và thành thị là 900.000 đồng/người/tháng, nếu trung bình mỗi hộ gia đình là khoảng 4,0 người, nó sẽ tương ứng với khoảng 2,8 triệu đồng/hộ/tháng và 3,6 triệu đồng/hộ/tháng. Từ bảng kết quả trên có thể thấy thu nhập bình quân dưới mức cận nghèo chiến tỷ lệ khiêm tốn (1,2%), tiếp theo là nhóm cận nghèo với mức thu nhập bình quân 700.000 – 1000.000đ/khẩu chiếm tỷ lệ 15,6%. Với mức thu nhập 1000.000 – 3000.000đ/khẩu chiếm tỷ lệ 36,5% và tiếp theo đó là mức thu nhập trên 5000.000đ/khẩu chiếm tỷ lệ 28,1%. Có thể mức thu nhập bình quân 3000.000 – 5000.000đ/khẩu chiếm 15,6%. Chi tiết xem bảng 7 bên dưới.

*Báo cáo Đánh giá xã hội (SA)*

*Bảng 7*: *Thu nhập bình quân đầu người đình trong khu vực tiểu dự án*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **700.000đ - 1000.000đ** | | **1.000.000đ -**  **3000.000đ** | | **3000.000 - 5000.000** | | **> 5.000.000** | | **Tổng** | |
| **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| **I** | **Phường Văn An** | **1** | **2,6%** | **0** | **0,0%** | **18** | **47,4%** | **19** | **50,0%** | **38** | **100%** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 1 | 2,6% | 0 | 0,0% | 18 | 47,4% | 19 | 50,0% | 38 | 100% |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **2** | **4,3%** | **0** | **0,0%** | **16** | **34,0%** | **29** | **61,7%** | **47** | **100%** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 1 | 4,2% | 0 | 0,0% | 8 | 33,3% | 15 | 62,5% | 24 | 100% |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 1 | 4,3% | 0 | 0,0% | 8 | 34,8% | 14 | 60,9% | 23 | 100% |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **1** | **1,3%** | **2** | **2,6%** | **46** | **59,0%** | **29** | **37,2%** | **78** | **100%** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 0 | 0,0% | 2 | 4,9% | 21 | 51,2% | 18 | 43,9% | 41 | 100% |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 1 | 2,7% | 0 | 0,0% | 25 | 67,6% | 11 | 29,7% | 37 | 100% |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **54** | **60,7%** | **35** | **39,3%** | **89** | **100%** |
| 6 | Hồ Vễn | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 23 | 65,7% | 12 | 34,3% | 35 | 100% |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 16 | 50,0% | 16 | 50,0% | 32 | 100% |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 15 | 68,2% | 7 | 31,8% | 22 | 100% |
| **V** | **Xã Bắc An** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **52** | **65,0%** | **28** | **35,0%** | **80** | **100%** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 18 | 62,1% | 11 | 37,9% | 29 | 100% |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 17 | 68,0% | 8 | 32,0% | 25 | 100% |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 17 | 65,4% | 9 | 34,6% | 26 | 100% |
|  | **Tổng** | **4** | **1,2%** | **2** | **0,6%** | **186** | **56,0%** | **140** | **42,2%** | **332** | **100%** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

## Mức sống của các hộ gia đình

1. Nếu phân theo 04 nhóm xã hội: Khá giả, trung bình, có túng thiếu và nghèo, Thì tỷ lệ số hộ khá giả ở các hộ BAH và hưởng lợi trong mẫu khảo sát tại các xã/phường là chưa cao, trung bình các xã/phường là 31,6%, đa phần các hộ tự nhận mức sống hộ gia đình ở mức trung bình chiếm 67,8 %, có túng thiếu chỉ chiếm 0,6% và không có nhóm hộ nghèo.
2. Qua bảng số liệu ở dưới thì tỷ lệ hộ khá giả nhiều nhất là ở Phường Văn An với tỷ lệ 44,7%, và thấp nhất ở phường Hoàng Tân với tỷ lệ 25,6%, Tỷ lệ các hộ có mức sống trung bình cao nhất ở xã Phường Hoàng Tân và xã Lê Lợi chiếm trên 71% và thấp nhất ở phường Văn An với 55,3%, Tỷ lệ các hộ có túng thiếu cao nhất ở Phường Hoàng Tân chiếm 2,6%. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm chỉ 1,2%.

*Bảng 8:Mức sống của các hộ được khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **Khá giả** | | **Trung bình** | | **Có túng thiếu** | | **Nghèo** | | Tổng |
| Hô | % | Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| **I** | **Phường Văn An** | **17** | **44,7** | **20** | **52,6** | **0** | **0,0** | **1** | **2,6** | **38** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 17 | 44,7 | 20 | 52,6 | 0 | 0,0 | 1 | 2,6 | 38 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **15** | **31,9** | **30** | **63,8** | **0** | **0,0** | **2** | **4,3** | **47** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 8 | 33,3 | 15 | 62,5 | 0 | 0,0 | 1 | 4,2 | 24 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 7 | 0,0 | 15 | 65,2 | 0 | 0,0 | 1 | 0,0 | 23 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **20** | **25,6** | **55** | **70,5** | **2** | **2,6** | **1** | **1,3** | **78** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 11 | 26,8 | 28 | 68,3 | 2 | 4,9 | 0 | 0,0 | 41 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 9 | 24,3 | 27 | 73,0 | 0 | 0,0 | 1 | 2,7 | 37 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **25** | **28,1** | **64** | **71,9** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **89** |
| 6 | Hồ Vễn | 12 | 34,3 | 23 | 65,7 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 35 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 6 | 18,8 | 26 | 81,3 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 32 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 7 | 31,8 | 15 | 68,2 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 22 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **28** | **35,0** | **52** | **65,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **80** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 11 | 37,9 | 18 | 62,1 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 29 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 8 | 32,0 | 17 | 68,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 25 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 9 | 34,6 | 17 | 65,4 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 26 |
|  | **Tổng** | **105** | **31,6** | **221** | **66,6** | **2** | **0,6** | **4** | **1,2** | **332** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng 6/2019*

1. Kết quả khảo sát về mức sống của các hộ gia đình trong khu vực Tiểu dự án theo từng thành phần nhóm hộ không có sự chênh lệch lớn với số hộ nghèo và hộ cận nghèo thực tế tại địa phương. Theo Báo cáo tình hình phát triển Kinh tế - xã hội năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo trung bình của các xã trong khu vực Tiểu dự án là 1,75% và tỷ lệ hộ cận nghèo là 4,03%. Trong đó xã Bắc An và xã Lê Lợi là 02 xã có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cao nhất trong khu vực dự án. Chi tiết tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo ở từng xã dự án được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây:

*Bảng 9: Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo trong khu vực Tiểu dự án.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **Hộ Nghèo** | | **Hộ Cận Nghèo** | |
| Hộ | % | Hộ | % |
| 1 | Phường Văn An | 45 | 1,42 | 64 | 2,01 |
| 2 | Phường Bến Tắm | 47 | 1,53 | 67 | 2,67 |
| 3 | Phường Hoàng Tân | 41 | 1,75 | 62 | 2,58 |
| 4 | Xã Lê Lợi | 51 | 1,87 | 196 | 7,2 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **Hộ Nghèo** | | **Hộ Cận Nghèo** | |
| Hộ | % | Hộ | % |
| 5 | Xã Bắc An | 56 | 2,16 | 71 | 5,7 |
|  | **Trung bình** | **48** | **1,75** | **92** | **4,03** |

*Nguồn: Báo cáo phát triển KT-XH năm 2018 của các xã*

# Sở hữu về đất đai, nhà ở và tài sản khác

## Sở hữu đất đai

1. Bảng trên cho thấy, trung bình đất sở hữu của các hộ trong mẫu khảo sát thuộc tiểu dự án là 8.644m2, Trong đó, trung bình đất sở hữu của các hộ thuộc phường Bến Tắm là cao nhất với 12.090m2, tiếp đến là phường Văn An với diện tích là 10.437m2, Các hộ tại các xã/phường còn lại sở hữu đất trung bình với diện tích từ 5.759m2 đến 7.258m2, nhưng tỷ lệ đất trung bình sở hữu ít nhất là xã Bắc An.
2. Trong vùng tiểu dự án, chỉ có xã Bắc An có DTTS, Bảng trên cho thấy, trung bình đất sở hữu của người DTTS (5.058m2/hộ) thấp hơn một chút so với trung bình sở hữu đất của người Kinh (5.759m2/hộ), Các xã/phường khác trong vùng tiểu dự án không có DTTS.

*Bảng 10: Tình trạng sở hữu đất của các hộ BAH*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **DTTS** | **Tình trạng sở hữu đất (m2)** | |
| **Trung bình đất hộ gia đình sở hữu** | **Trung bình đất hộ DTTS sở hữu** |
| **I** | **Phường Văn An** | **38** | **0** | **10.437** | **0** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 38 | **0** | 10.437 | 0 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **47** | **0** | **12.090** | **0** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 24 | 0 | 16.393 | 0 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 23 | 0 | 7.786 | 0 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **78** | 0 | **8.120** | **0** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 41 | 0 | 7.258 | 0 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 37 | 0 | 8.981 | **0** |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **89** | **0** | **6.814** | **0** |
| 6 | Hồ Vễn | 35 | 0 | 10.765 | **0** |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 32 | **0** | 4.495 | **0** |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 22 | 0 | 5.181 | 0 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **80** | **35** | **5.759** | **5.058** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 29 | 8 | 7.267 | 6.340 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 25 | 6 | 5.534 | 4.521 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 26 | 21 | 4.476 | 4.313 |
|  | **Tổng** | **332** | **35** | **8.644** | **5.058** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Bảng bên dưới cho thấy, hầu hết các hộ bị ảnh hưởng và hưởng lợi bởi tiểu dự án tại các xã/phường đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, Tuy nhiên, có 35 hộ thuộc xã Lê Lợi có giấy tờ hợp lệ về đất nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Trong đó, có 35 hộ là người DTTS thuộc xã Bắc An cũng đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

*Bảng 11: Tình trạng pháp lý về đất của các hộ bị ảnh hưởng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **Tình trạng pháp lý về đất** | | | | | | | |
| **Có sổ đỏ** | | **Không có sổ đỏ** | | **Có giấy tờ hợp lệ** | | **Không có giấy tờ** | |
| Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| **I** | **Phường Văn An** | **38** | **38** | **100** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 38 | 38 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **47** | **47** | **100** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 24 | 24 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 23 | 23 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **78** | **78** | **100** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 41 | 41 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 37 | 37 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **89** | **54** | **60,7** | **0** | **0,0** | **35** | **39,3** | **0** | **0,0** |
| 6 | Hồ Vễn | 35 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 35 | 100 | 0 | 0,0 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 32 | 32 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 22 | 22 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **80** | **80** | **100** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** | **0** | **0,0** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 29 | 29 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 25 | 25 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 26 | 26 | 100 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 | 0 | 0,0 |
|  | **Tổng** | **332** | **297** | **89,5** | **0** | **0,0** | **35** | **10,5** | **0** | **0,0** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Bảng bên dưới cho thấy, tất cả 100% các hộ DTTS bị ảnh hưởng và hưởng lợi bởi tiểu dự án tại xã Bắc An đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, Có 04 xã/phường còn lại không có DTTS trong mẫu khảo sát.

*Bảng 12: Tình trạng pháp lý về đất của các hộ DTTS bị ảnh hưởng*

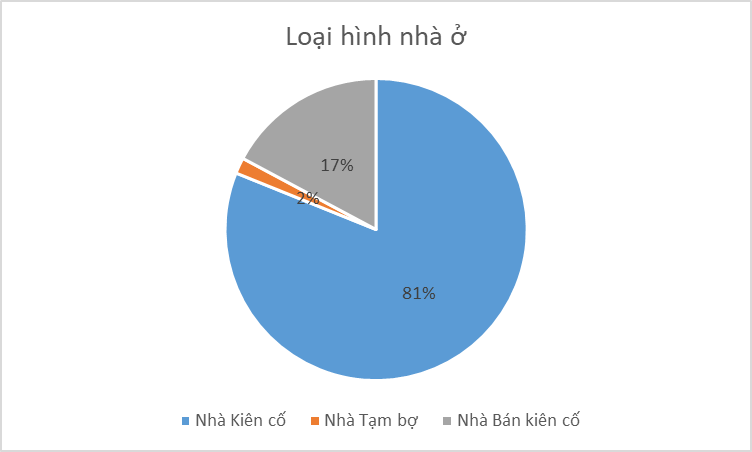
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **Tình trạng pháp lý về đất** | | | | | | | |
| **Có sổ đỏ** | | **Không có sổ đỏ** | | **Có giấy tờ hợp lệ** | | **Không có giấy tờ** | |
| Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| **I** | **Phường Văn An** | **0** | **0** | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |
| 1 | Hồ Trại Sen | **0** | **0** | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **0** | **0** | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 0 | 0 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 0 | 0 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | 0 | 0 | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 0 | 0 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 0 | 0 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **0** | **0** | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |
| 6 | Hồ Vễn | 0 | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 100% | 0 | 0,0% |
| 7 | Hồ Cánh Gà | **0** | **0** | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 0 | 0 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| **V** | **Xã Bắc An** | **35** | **35** | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tổng** | **Tình trạng pháp lý về đất** | | | | | | | |
| **Có sổ đỏ** | | **Không có sổ đỏ** | | **Có giấy tờ hợp lệ** | | **Không có giấy tờ** | |
| Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 8 | 8 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 6 | 6 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 21 | 21 | 100% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% | 0 | 0,0% |
|  | **Tổng** | **35** | **35** | **100%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** | **0** | **0,0%** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

## Tình trạng nhà ở

1. Nhà ở được coi như một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá về mức sống của người dân, nhà ở phản ánh một phần tình hình kinh tế của hộ gia đình: khá giả, trung bình hay nghèo. Nhà ở được xây dựng rộng hay hẹp tuỳ thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình cũng như số người trong hộ. Đa số các hộ gia đình được khảo sát hiện đang ở trong nhà “kiên cố” chiếm 81,1%; chỉ có 17,2% hộ hiện đang ở trong ngôi nhà Bán kiên cố; và 1,7% số hộ đang ở trong các ngôi nhà tạm, nhà lợp bằng mái lá. Tình trạng sở hữu nhà ở của các hộ được khảo sát được thể hiện trong biểu đồ dưới đây:



## Tình trạng nhà vệ sinh

1. Tại khu vực TDA, khảo sát có 100% hộ gia đình đã xây dựng được nhà vệ sinh tự hoại, không có nhà vệ sinh tạm, Đây là con số rất cao và rất đáng mừng là không có hộ nào đi vệ sinh trên ao hồ, sông suối, ruộng, vườn,
2. Từ số liệu cho thấy, các hộ gia đình DTTS có tỷ lệ nhà vệ sinh tạm tương đương với người kinh, Điều này cho thấy ở Hải Dương chính quyền địa phương đã quan tâm đến người đồng bào dân tộc về công tác vệ sinh môi trường.

*Bảng 13: Loại nhà vệ sinh của các hộ được khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Nhà vệ sinh hai ngăn** | **Nhà vệ sinh tự hoại** | **Nhà vệ sinh tạm** | **Tổng** |
| **I** | **Phường Văn An** | 0 | **38** | 0 | 38 |
| 1 | Hồ Trại Sen | 0 | 38 | 0 | 38 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | 0 | **47** | 0 | 47 |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 0 | 24 | 0 | 24 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 0 | 23 | 0 | 23 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | 0 | **78** | 0 | 78 |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 0 | 41 | 0 | 41 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 0 | 37 | 0 | 37 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | 0 | **89** | 0 | 89 |
| 6 | Hồ Vễn | 0 | 35 | 0 | 35 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 0 | 32 | 0 | 32 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 0 | 22 | 0 | 22 |
| **V** | **Xã Bắc An** | 0 | **80** | 0 | 80 |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 0 | 29 | 0 | 29 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 0 | 25 | 0 | 25 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 0 | 26 | 0 | 26 |
|  | **Tổng** | **0** | **332** | **0** | **332** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng 6/2019*

## Tiện nghi sinh hoạt

1. Nhìn vào thống kê trong bảng dưới đây, ta có thể thấy đồ dùng phổ biến nhất trong những hộ gia đình tại các xã/phường được khảo sát là Ti vi, quạt, nồi cơm điện, Xe máy, bếp ga với tỷ lệ 100%, Xe đạp có 47% số hộ trong mẫu có, tủ lạnh có 95% số hộ trong mẫu, Máy giặt 43% và điều hòa 29%, Bình nước nóng lạnh là 77%, Chỉ có 5% số hộ trong mẫu khảo sát có máy Vi tính/Máy tính xách tay và chỉ có tỷ lệ 1% số hộ trong mẫu khảo sát có xe hơi, Tuy nhiên, tỷ lệ % sở hữu các tài sản và tiện nghi sinh hoạt của các hộ gia đình tại các xã/phường là khác nhau, Nhìn tổng thể, có thể thấy tài sản/tiện nghi sinh hoạt thiết yếu của các hộ là tương đối đầy đủ và đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của đời sống hộ gia đình.

*Bảng 14: Tiện nghi sinh hoạt của hộ gia đình (% hộ có)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đồ dùng** | Phường Văn An | Phường  Bến Tắm | Phường  Hoàng Tân | xã Lê Lợi | Xã Bắc An | Tổng |
| **Tổng số hộ khảo sát** | **38** | **47** | **78** | **89** | **80** | **332** |
| Xe gắn máy | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Xe đạp | 55% | 53% | 41% | 39% | 55% | 47% |
| Nồi cơm điện | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Bếp ga | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Tủ lạnh | 79% | 96% | 99% | 96% | 96% | 95% |
| Máy giặt | 55% | 36% | 32% | 48% | 46% | 43% |
| Điều hòa | 29% | 32% | 27% | 28% | 31% | 29% |
| Quạt | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Ti vi | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Vi tính, Laptop | 3% | 4% | 6% | 6% | 4% | 5% |
| Xe hơi | 0% | 2% | 0% | 0% | 3% | 1% |
| Bình nóng lạnh | 68% | 70% | 82% | 85% | 70% | 77% |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

# Tiếp cận các dịch vụ xã hội

## Giao thông

1. Nói chung, mạng lưới đường giao thông ngõ/xóm dẫn đến các hộ gia đình ở các xã trong khu vực Tiểu dự án tương đối tốt, với chương trình xây dựng nông thôn mới ở các xã, các tuyến đường nối các khu dân cư, thôn, xóm đã cơ bản bê tông hóa. Các tuyến đường liên xã, đã được thảm bê tông nhựa tạo điều kiện thuận lợi để người dân giao thương buôn bán được thuận tiện.
2. Kết quả khảo sát ở các xã trong khu vực của dự án, đặc điểm con đường vào nhà các hộ gia đình chủ yếu là đường bê tông (85,3%), tiếp đến 12,1% là đường rải nhựa. Trong khu vực dự án vẫn còn 2,6% các hộ dân trong khảo sát nói rằng đường vào nhà mình còn là đường đất, đường đá, sỏi, gạch.

## Cấp nước, thoát nước

****Hiện trạng cấp nước***

1. Có 100 % số các hộ thuộc các xã/phường thuộc tiểu dự án được khảo sát đều sử dụng nguồn nước tắm giặt, sinh hoạt là giếng khoan và giếng đào, Tỷ lệ các hộ sử dụng giếng khoan ở các xã/phường thuộc tiểu dự án cao hơn tỷ lệ giếng đào và đều có tỷ lệ trên 60%, Tỷ lệ hộ sử dụng giếng đào và giếng khoan trên từng xã/phường có khác nhau, Khu vực tiểu dự án về cơ bản nguồn nước là đầy đủ và sẵn có, nhưng người dân tại đây vẫn còn có một số e ngại nhất định về chất lượng của nguồn nước và mong muốn có được các công trình nước sạch, đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh.
2. Tuy nhiên, nguồn nước tưới tiêu phục vụ sản xuất đều chưa đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu trong vùng. Do đó, việc giữ được nước trong mùa thiếu nước là một việc hết sức có ý nghĩa với người nông dân trong vùng TDA,

*Bảng 15: Tình hình sử dụng nước tại các xã thuộc TDA*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Giếng đào** | | **Giếng khoan** | | **Tổng** | |
| **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** | **Hộ** | **%** |
| **I** | **Phường Văn An** | 15 | 39,5 | 23 | 60,5 | **38** | 100 |
| 1 | Hồ Trại Sen | 15 | 39,5 | 23 | 60,5 | 38 | 100 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | 14 | 29,8 | 33 | 70,2 | **47** | 100 |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 8 | 33,3 | 16 | 66,7 | 24 | 100 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 6 | 26,1 | 17 | 73,9 | 23 | 100 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | 13 | 16,7 | 65 | 83,3 | **78** | 100 |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 6 | 14,6 | 35 | 85,4 | 41 | 100 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 7 | 18,9 | 30 | 81,1 | 37 | 100 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | 29 | 32,6 | 60 | 67,4 | **89** | 100 |
| 6 | Hồ Vễn | 9 | 25,7 | 26 | 74,3 | 35 | 100 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 11 | 34,4 | 21 | 65,6 | 32 | 100 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 9 | 40,9 | 13 | 59,1 | 22 | 100 |
| **V** | **Xã Bắc An** | 26 | 32,5 | 54 | 67,5 | **80** | 100 |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 11 | 37,9 | 18 | 62,1 | 29 | 100 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 9 | 36,0 | 16 | 64,0 | 25 | 100 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 6 | 23,1 | 20 | 76,9 | 26 | 100 |
|  | **Tổng** | 97 | 29,2 | 235 | 70,8 | 332 | 100 |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng 6/2019*

## *Hiện trạng thoát nước

1. Kết quả điều tra cho thấy, hệ thống cống thoát nước trên địa bàn tiểu dự án còn yếu kém, chưa đồng bộ.
2. Nhìn chung, hệ thống cống thoát nước ở khu vực Tiểu dự án còn rất yếu kém, chưa đồng bộ, cống thoát nước mới chỉ được làm ở một số trục đường chính của xã, nước mưa và thải sinh hoạt của gia đình chủ yếu là để chảy tràn tự nhiên ra hồ, ao, vườn. Do đó nước thải

chưa được xử lý, thải một cách tùy tiện ra môi trường sẽ làm ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến môi trường sống các hộ gia đình.

## *Ngập úng

1. Kết quả tham vấn với chính quyền địa phương và khảo sát các hộ gia đình cho thấy, trong khu vực 5 xã/phường thuộc dự án ít xảy ra trường hợp ngập úng cục bộ, tuy nhiên vào mùa mưa, có hiện tượng ngập lụt ở các phường/xã, nguyên nhân dẫn đến tình trạng ngập lụt là các khu vực dân cư chưa được đầu tư hạ tầng hệ thống thoát nước do vậy việc tiêu thoát nước diễn ra chậm.

## Cấp điện và chất đốt

1. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các hộ BAH hiện nay đều đã được sử dụng điện lưới quốc gia.
2. Việc sử dụng chất đốt trong đun nấu của các hộ gia đình hiện nay rất đa dạng, trong đó có 2 nguồn chất đốt chính là củi và ga. Theo kết quả khảo sát có 332/332 hộ gia đình đang sử dụng ga để đun nấu hàng ngày, tuy nhiên vẫn còn một số hộ sử dụng đồng thời cả 2 nguồn chất đốt trên để nấu nướng hàng ngày nhằm giảm thiểu chi phí cho gia đình.

## Vệ sinh môi trường

1. Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 322 hộ được khảo sát, chỉ có245 hộ trả lời rác thải của gia đình đã được thu gom, 77 hộ gia đình còn lại phải tự xử lý rác thải bằng cách chôn hoặc đốt…Trong khu vực Tiểu dự án, hoạt động thu gom rác thải mới chỉ được thu gom ở những hộ gia đình nằm ngoài mặt đường, những hộ nằm sâu trong ngõ/xóm, đường giao thông chưa phát triển nên việc thu gom rác thải gặp rất nhiều khó khăn.

## Các dịch vụ xã hội khác

* **Chợ**

1. Nhìn chung tất cả các xã trong khu vực tiểu dự án hiện nay đều đã có chợ, mặc dù chưa được xây dựng kiên cố tuy nhiên các chợ này hiện nay đều đang hoạt động tốt. Đây chính là nơi người dân mua bán, trao đổi lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu để phục vụ cho đời sống…

# Dịch vụ y tế

1. Nhìn chung tất cả các xã trong khu vực dự án đều đã có trạm y tế đạt tiêu chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011 - 2020. Các trạm y tế xã đều được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ y bác sĩ được trú trọng phát triển cả về số lượng và và trình độ chuyên môn. Trạm y tế xã được coi là tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu dành cho người dân. Tuy nhiên, việc người dân đến trạm để khám, chữa bệnh thường rất ít. Trạm chủ yếu thường thăm khám các bệnh thông thường và tiêm chủng, khám định kỳ cho trẻ em và phát thuốc định kỳ cho những người có công, người tham gia bảo hiểm. Khi có bệnh tật người dân thường có thói quen tìm đến các cơ sở có uy tín, các bệnh viện, phòng khám đa khoa hơn là lui tới trạm y tế.

# Thông tin về sinh kế và an sinh xã hội của các hộ trong mẫu điều tra

1. Do điều kiện kinh tế chưa được khá giả và cần vốn để đầu tư làm vườn, kinh doanh buôn bán nên có một tỷ lệ các hộ gia đình phải sử dụng tới các nguồn vốn vay từ các Ngân hàng và vay cá nhân, Khảo sát dân cư vùng tiểu dự án cho thấy, tình hình vay nợ tại 05

xã/phường: có khoảng 17,2% số hộ dân được hỏi đang trong tình trạng nợ tiền từ các dự án (Dự án xóa đói giảm nghèo, Dự án hỗ trợ giáo dục, dự án phát triển cơ cấu cây trồng,,,) và vay nợ tại các ngân hàng chính sách, ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

*Bảng 16: Các khoản vay nợ của các hộ BAH*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tỷ lệ các hộ**  **vay vốn (%)** | **Các khoản vay nợ** | |  |
| Dưới 30 triệu | Từ 30 đến  60 triệu | Từ 60 triệu  trở lên |
| **I** | **Phường Văn An** | **10,5** | **0** | **3** | **1** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 10,5 | 0 | 3 | 1 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **14,9** | **1** | **1** | **5** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 12,5 | 0 | 1 | 2 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 17,4 | 1 | 0 | 3 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **10,3** | **1** | **4** | **3** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 9,8 | 1 | 2 | 1 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 10,8 | 0 | 2 | 2 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **29,2** | **11** | **6** | **9** |
| 6 | Hồ Vễn | 28,6 | 3 | 3 | 4 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 31,3 | 5 | 1 | 4 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 27,3 | 3 | 2 | 1 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **15,0** | **2** | **7** | **3** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 17,2 | 2 | 2 | 1 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 12,0 | 0 | 2 | 1 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 15,4 | 0 | 3 | 1 |
|  | **Tổng** | **17,2** | **15** | **21** | **21** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng 6/2019*

1. Về mục đích vay của các gia đình qua khảo sát bảng hỏi định lượng, có 4 mục đích đưa ra tuy nhiên kết quả cho thấy những mục đích vay chủ yếu là để Sản xuất nông nghiệp, sau đó là mục đích đầu tư cho con cái học tập, kinh doanh dịch vụ và khác chỉ chiếm.

*Bảng 17: Bảng thể hiện mục đích vay nợ của người dân khu vực TDA*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Dự án** | **Tỷ lệ các hộ vay vốn (%)** | **Mục đích vay nợ** | | | | |
| Sản xuất  Nông nghiệp | Kinh  doanh, dịch vụ | Học tập | Khác | **Tổng** |
| **I** | **Phường Văn An** | **11** | **0** | **0** | **4** | **0** | **4** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 11 | 0 | 0 | 4 | 0 | 4 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **15** | **3** | **3** | **1** | **0** | **7** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 13 | 1 | 2 |  |  | 3 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 17 | 2 | 1 | 1 |  | 4 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **10** | **3** | **3** | **1** | **1** | **8** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 10 | 2 | 2 |  |  | 4 |
| 5 | Hồ Bến Tắm | 11 | 1 | 1 | 1 | 1 | 4 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **29** | **12** | **7** | **6** | **1** | **26** |
| 6 | Hồ Vễn | 29 | 5 | 3 | 2 |  | 10 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 31 | 4 | 2 | 3 | 1 | 10 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 27 | 3 | 2 | 1 |  | 6 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **15** | **4** | **3** | **5** | **0** | **12** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 17 | 2 | 2 | 1 |  | 5 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 12 | 1 |  | 2 |  | 3 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 15 | 1 | 1 | 2 |  | 4 |
|  | **Tổng** | **17** | **22** | **16** | **17** | **2** | **57** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng /2019*

1. Bảng trên cho ta thấy những mục đích vay tiền khác nhau của các gia đình, Tỷ lệ hộ vay cho mục đích sản xuất nông nghiệp là cao nhất, nhưng cũng chỉ chiếm 6,6%,Tỷ lệ hộ vay cho mục đích kinh doanh, dịch vụ và hỗ trợ con cái học tập là tương đương, với tỷ lệ là 4,8% và 5,1%, Điều này có thể giải thích là do người dân vẫn tập trung vào phát triển sản xuất, ổn định đời sống và phát triển học vấn của con cái trong gia đình, Như vậy, việc thực hiện TDA sẽ mở ra những cơ hội mới để người dân nâng cao thu nhập, và yên tâm vay vốn để phục vụ cho các dự định của mình.

# Sức khỏe cộng đồng và các biện pháp can thiệp

## Đánh giá sức khỏe cộng đồng

1. Tình trạng thiếu nguồn nước sạch, hệ thống thu gom nước thải chưa có tính đồng bộ, rác thải vứt không đúng nơi qui định … đã trở thành một nguyên nhân gây ra các loại dịch bệnh, đe dọa sức khỏe con người, mà căn bệnh thường gặp là tiêu chảy, cảm, sốt, ung thư, viêm gan, đái tháo đường, thủy đậu... khiến hàng trăm người trong khu vực dự án mắc phải hàng năm. Nguyên nhân chính vẫn là do ký sinh trùng, côn trùng truyền bệnh phát triển trong môi trường nước bị nhiễm bẩn, lây truyền sang người qua con đường ăn uống, sinh hoạt. Kết quả khảo sát cho thấy có 27% số hộ trả lời rằng trong 6 tháng qua trong gia đình có người bị mắc bệnh. Bảng dưới đây thể hiện những loại bệnh thường gặp của người dân trong khu vực Tiểu dự án.

*Bảng 18. Các bệnh thường gặp của người dân trong khu vực Tiểu dự án*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bệnh** | **Khu vực Tiểu dự án** | |
| **Tỷ lệ (%)** | **Đối tượng mắc bệnh** |
| 1 | Tiêu chảy | 25,8 | Trẻ em/người lớn |
| 2 | Bệnh về đường hô hấp | 34,7 | Trẻ em/người lớn |
| 3 | Cảm, sốt | 39,8 | Trẻ em/người lớn |
| 4 | Bệnh ngoài da | 23,6 | Người lớn, trẻ em |
| 5 | Viên gan | 19,2 | Trẻ em/người lớn |
| 6 | Đái tháo đường | 19,1 | Trẻ em/người lớn |
| 7 | Bệnh khác | 26,7 | Trẻ em/người lớn |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Trong khu vực tiểu dự án, bệnh cảm, sốt và bệnh về đường hô hấp là 2 căn bệnh có tỷ lệ người mắc phải cao nhất với tỷ lệ là 39,8% và 34,7%, đối tượng mắc bệnh bao gồm cả người lớn và trẻ em, tiếp đến là bệnh tiêu chảy, có 25,8% hộ cho rằng thường xuyên bị mắc bệnh này. Bên cạnh đó người dân trong khu vực dự án hiện nay còn mắc phải các căn bệnh như viên gan, đái tháo đường, ung thư…
2. Theo kết quả thảo luận nhóm tập trung với người dân trong khu vực dự án, nguyên nhân dẫn đến những căn bệnh này do nhiều nguyên nhân khác nhau bao gồm: nguồn nước sinh hoạt không đảm bảo, ăn uống không được đảm bảo, vệ sinh không sạch sẽ…

## Các hoạt động và biện pháp can thiệp đề xuất

1. Tiểu dự án sẽ có tác động tới sức khỏe cộng đồng do ô nhiễm về bụi, tiếng ồn, công nhân nhập cư trong quá trình thi công. Do đó, cần nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong khu vực tiểu dự án về các tác động tiềm ẩn, đề xuất các biện pháp phòng ngừa và giảm bớt nhằm tối thiểu hóa các nguy cơ và tác động có hại tới sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên không tránh khỏi một số tác động môi trường tiềm tàng trong quá trình thi công công trình. Những phát sinh chất thải rắn, bụi, tiếng ồn có thể xảy ra nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe

của công nhân và cộng đồng. Điều này có thể gây ảnh hưởng tiềm tàng đến ổn định xã hội của địa phương. Bên cạnh đó quá trình thi công công trình, vận chuyển nguyên vật liệu có thể gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, cản trở việc đi lại hàng ngày của người dân, hư hỏng đường dân sinh và có thể ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, bộ, phát sinh nguy cơ xung đột, mâu thuẫn trong sử dụng nước tưới/tiêu, sinh hoạt. Để hạn chế những ảnh hưởng trong thi công công trình, nhà thầu thi công sẽ cần có thông báo cụ thể, công khai kế hoạch triển khai xây lắp. Ngoài ra, lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo tại các khu vực thi công để đảm bảo an toàn cho đi lại của người dân. Cần bố trí nhân viên kiểm soát giao thông. Xe vận chuyển vật liệu cần được che chắn. Cần thường xuyên tưới nước để giảm thiểu bụi và tránh các hoạt động xây dựng vào ban đêm

1. Bên cạnh những tác động môi trường trong quá trình thi công có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng thì quá trình triển khai dự án cũng tiềm tàng những nguy cơ lan truyền của bệnh truyền nhiễm.
2. Kết quả tham vấn với cộng đồng trong khu vực tiểu dự án cho thấy hầu hết mọi người đều đã nghe nói đến “ HIV/AIDS” tuy nhiên chỉ biết một cách đơn thuần đó là một căn bệnh nguy hiểm chứ chưa biết và cơ chế hoạt động và cách phòng tránh căn bệnh này như thế nào. Do vậy, việc thiết kế chương trình can thiệp về HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục là điều hết sức quan trọng trong dự án.
3. Giảm thiểu nguy cơ lây lan của các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV trong giai đoạn xây dựng các hạng mục của tiểu dự án sẽ là giải pháp cần được thực hiện. Giải pháp này bao gồm nâng cao nhận thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV cho các cộng đồng hưởng lợi/bị ảnh hưởng và lực lượng lao động xây dựng. Dự án cũng cần liên kết với các sáng kiến hiện có để nâng cao nhận thức và biện pháp phòng ngừa. Các biện pháp có thể bao gồm:
   * Trước khi tiến hành thi công, nhà thầu cần đào tạo công nhân về phòng chống STI/HIV/AIDS thông qua việc kết hợp với các đơn vị có chuyên môn như trạm y tế xã hoặc huyện
   * Cung cấp bao cao su tại các công trường xây dựng;
   * Dựa vào cộng đồng nâng cao nhận thức về nguy cơ lây truyền các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV, sức khỏe sinh sản, tình dục an toàn, và chống buôn bán người.
4. Kế hoạch hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng được thể hiện chi tiết trong Phụ lục của báo cáo SA.

# Hộ dễ bị tổn thương và DTTS

1. Trong tổng số 332 hộ gia đình được khảo sát tại 5 xã/phường của tiểu dự án cho thấy, có 67 hộ thuộc nhóm hộ thuộc diện dễ bị tổn thương (21 hộ thuộc nhóm hộ dễ bị tổn thương bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất của Tiểu dự án). Trong đó: có 15 hộ có phụ nữ làm chủ hộ; 11 hộ gia đình chính sách, 2 hộ có người tàn tật , 3 hộ nghèo, 1 hộ là người già không nơi lương tựa và 35 hộ DTTS.
2. Người dân tộc thiểu số trong vùng dự án bao gồm Sán Dìu, Tày, Nùng, Dao, Mường và Cao Lan, tuy nhiên ở khu vực dự án tập trung đông nhất là dân tộc Sán Dìu, các nhóm dân tộc còn lại chủ yếu là từ nơi khác kết hôn với người dân địa phương Trong tổng số 35 hộ DTTS được điều tra, chỉ có 14 hộ thuộc nhóm người Sán Dìu (hồ Đá Trắng, hồ Chín Thượng, Xã Bắc An) bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án. Theo kết quả tham vấn, việc thực hiện dự án sẽ không ảnh hưởng đến văn hóa bản địa, mồ mả và an ninh xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương. Ngoài ra, các hộ DTTS không có khác biệt với người Kinh trong các hoạt động sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội, mức thu nhập của các hộ cũng gần tương đồng và đều ở mức trung bình. Tỷ lệ mất đất của hộ khá thấp so với tổng diện tích đất mà gia đình đang sử dụng. Do đó, thu nhập của hộ có thể nói là không bị ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể. Phần lớn các tác động của dự án mang tính tích cực cho các dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, dự kiến Dự án sẽ có một số tác động không mong muốn đối với một số ít trong cộng đồng, bao gồm cả nhóm dân tộc thiểu số khi triển khai thực hiện các hạng mục thuộc Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương.

# Sự sẵn lòng tham gia tiểu dự án của người dân

1. Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng 332 hộ gia đình tham gia trả lời câu hỏi “Gia đình có ủng hộ việc triển khai thực hiện dự án hay không?”. 100% các hộ đều ủng hộ việc triển khai thực hiện dự án tại địa phương.
2. Kết quả họp tham vấn cộng đồng trong khu vực Tiểu dự án cũng cho thấy, 100% các thành viên tham dự đều ủng hộ và mong Tiểu dự án sớm triển khai thực hiện.

# Vấn đề giới trong khu vực Tiểu dự án

## Giới tính của người được khảo sát

*Bảng 19: Giới tính của chủ hộ được khảo sát*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phường/xã** | **Giới tính chủ hộ** | | | | **Tổng** | |
| **Nam** | | **Nữ** | |
| Hộ | % | Hộ | % | Hộ | % |
| **I** | **Phường Văn An** | **25** | **65,8** | **13** | **34,2** | **38** | **100** |
| 1 | Hồ Trại Sen | 25 | 65,8 | 13 | 34,2 | 38 | 100 |
| **II** | **Phường Bến Tắm** | **36** | **76,6** | **11** | **23,4** | **47** | **100** |
| 2 | Hồ Hố Dầu | 18 | 75,0 | 6 | 25,0 | 24 | 100 |
| 3 | Hồ Phú Lợi | 18 | 0,0 | 5 | 0,0 | 23 | 0 |
| **III** | **Phường Hoàng Tân** | **69** | **88,5** | **9** | **11,5** | **78** | **100** |
| 4 | Hồ Nghè Lấm | 38 | 92,7 | 3 | 7,3 | 41 | 100 |
| 5 | Hồ Bến Tắm ngoài | 31 | 83,8 | 6 | 16,2 | 37 | 100 |
| **IV** | **Xã Lê Lợi** | **81** | **91,0** | **8** | **9,0** | **89** | **100** |
| 6 | Hồ Vễn | 28 | 80,0 | 7 | 20,0 | 35 | 100 |
| 7 | Hồ Cánh Gà | 31 | 96,9 | 1 | 3,1 | 32 | 100 |
| 8 | Hồ Hố Gỗ | 22 | 100,0 | 0 | 0,0 | 22 | 100 |
| **V** | **Xã Bắc An** | **74** | **92,5** | **6** | **7,5** | **80** | **100** |
| 9 | Hồ Đá Trắng | 25 | 86,2 | 4 | 13,8 | 29 | 100 |
| 10 | Hồ Lộc Đa | 25 | 100,0 | 0 | 0,0 | 25 | 100 |
| 11 | Hồ Chín Thượng | 24 | 92,3 | 2 | 7,7 | 26 | 100 |
|  | **Tổng** | **285** | **85,8** | **47** | **14,2** | **332** | **100** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Từ kết quả phân tích có thể thấy tỷ lệ Nam giới là chủ hộ trong các hộ gia đình được khảo sát cao hơn so với tỷ lệ Nữ giới. Tỷ lệ Nam chiếm 85,8%, trong khi đó, tỷ lệ Nữ giới làm chủ hộ chỉ có 14,2%. Sự chênh lệch lớn nhất tại xã Bắc An, các xã/phường còn lại tỷ lệ Nam giới làm chủ hộ vẫn rất cao, 88,5% đối với phường Hoàng Tân, 91% đối với xã Lê Lợi, phường Văn An và phường Bến Tắm có tỷ lệ thấp hơn chút ít và lần lượt là 65,8 và 76,6%.

## Vấn đề giới trong gia đình

1. Nhằm tìm hiểu sự phân công lao động theo giới, khảo sát có tiến hành phỏng vấn các hộ dân các câu hỏi liên quan xem ai sẽ là người thực hiện chính các công việc như: đi chợ, nấu nướng, chăm sóc con cái… trong gia đình. Khái niệm này xem xét các nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ, ai làm gì, khi nào, bằng cách nào và trong bao lâu v.v. và sự công nhận xã hội về lao động. Sự phân công các hoạt động trên cơ sở giới tính được mọi thành viên của từng cộng đồng/ xã hội biết và hiểu rõ.
2. Người phụ nữ trong gia đình không chỉ phải đảm nhiệm công việc sản xuất mà mang thêm các gánh nặng các công việc được coi là “lặt vặt” khiến cho họ lúc nào cũng “đầu tắt mặt tối”. Sự tiến bộ của cộng đồng được đánh giá thông qua sự tiến bộ của người phụ nữ trong cộng đồng đó. Và sự tiến bộ của phụ nữ lại được phản ánh thông qua việc họ có được “giải phóng”, chia sẻ những công việc nội trợ trong gia đình và tham gia vào các công việc chung của xã hội hay không? Nhìn chung, người phụ nữ phải thực hiện đầy đủ các công việc sau: (i) Công việc sản xuất (sản xuất hàng hóa, dịch vụ để tiêu dùng trong gia đình hoặc tạo thu nhập) (ii) Công việc tái sản xuất (sinh con, chăm sóc con cái, làm nội trợ và duy trì cuộc sống gia đình) (iii) Công việc cộng đồng (cung cấp và duy trì các nguồn lực được mọi người sử dụng như nước, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tham gia lãnh đạo. Nam giới có xu hướng tham gia vào các công việc cộng đồng và sản xuất.

*Bảng 20: Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** | **Cả hai** | **Nam giới** | **Nữ giới** |
| Đi chợ | 7,7% | 10,8% | 81,5% |
| Nấu nướng | 10,8% | 13,8% | 75,4% |
| Chăm sóc người già, trẻ nhỏ | 27,7% | 10,8% | 61,5% |
| Giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa | 7,7% | 7,7% | 84,6% |
| Giáo dục con cái | 32,3% | 7,7% | 60,0% |
| Sửa chữa, xây dựng nhà cửa | 9,2% | 84,6% | 6,2% |
| Quyết định các việc lớn của gia đình | 20,0% | 69,2% | 10,8% |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Đối với hoạt động trong gia đình: chăm sóc trẻ/ con cái; quét dọn nhà cửa; nấu nướng/ nội trợ thì chủ yếu là công việc nữ giới. Có tới 84,6% phụ nữ chủ yếu làm công việc giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa, 81,5% phụ nữ là người chủ yếu đi chợ, tiếp theo là công việc nấu nướng. Những công việc này gây mất rất nhiều thời gian cho nữ giới khiến họ ít có thời gian để thực hiện những hoạt động khác như tham gia các hoạt động xã hội, học tập nâng cao trình độ bản thân.
2. Hoạt động sửa chữa, xây dựng nhà cửa: vì mang đặc tính là việc nặng nhọc, liên quan đến kỹ thuật, xây dựng nên trong các gia đình vùng TDA, thì nam giới vẫn chủ động và thực hiện chính các hoạt động này (đạt 84,6%). Chỉ có 9,2% số hộ mà cả hai giới đều tham gia vào công việc sửa chữa, xây dựng nhà cửa và chỉ 6,2% hộ mà chỉ nữ tham gia.
3. Tham gia quyết định: đa số các hộ cho đồng ý hai người tham gia. Quyết định các việc lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi, quan hệ họ hàng, làng xóm,…) chiếm 20,0% là cả hai giới cùng tham gia quyết định và thực hiện chính. Nhưng cũng phải thấy rằng có tới 69,2% hộ gia đình mà chỉ có nam giới là người quyết định và thực hiện các công việc lớn trong nhà. Điều này cho thấy tư duy gia trưởng, bảo thủ vẫn còn hiện hữu không ít trong văn hóa, lối sống của các gia đình tại đây.

## Sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng

1. Nhằm tìm hiểu sự phân công lao động theo giới, khảo sát có tiến hành phỏng vấn các hộ dân các câu hỏi liên quan xem ai sẽ là người thực hiện chính các công việc như: đi chợ, nấu nướng, chăm sóc con cái… trong gia đình. Khái niệm này xem xét các nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ, ai làm gì, khi nào, bằng cách nào và trong bao lâu v.v. và sự công nhận xã hội về lao động. Sự phân công các hoạt động trên cơ sở giới tính được mọi thành viên của từng cộng đồng/ xã hội biết và hiểu rõ.
2. Người phụ nữ trong gia đình không chỉ phải đảm nhiệm công việc sản xuất mà mang thêm các gánh nặng các công việc được coi là “lặt vặt” khiến cho họ lúc nào cũng “đầu tắt mặt tối”. Sự tiến bộ của cộng đồng được đánh giá thông qua sự tiến bộ của người phụ nữ trong cộng đồng đó. Và sự tiến bộ của phụ nữ lại được phản ánh thông qua việc họ có được “giải phóng”, chia sẻ những công việc nội trợ trong gia đình và tham gia vào các công việc chung của xã hội hay không? Nhìn chung, người phụ nữ phải thực hiện đầy đủ các công việc sau: (i) Công việc sản xuất (sản xuất hàng hóa, dịch vụ để tiêu dùng trong gia đình hoặc tạo thu nhập) (ii) Công việc tái sản xuất (sinh con, chăm sóc con cái, làm nội trợ và duy trì cuộc sống gia đình) (iii) Công việc cộng đồng (cung cấp và duy trì các nguồn lực được mọi người sử dụng như nước, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tham gia lãnh đạo. Nam giới có xu hướng tham gia vào các công việc cộng đồng và sản xuất.

*Bảng 21: Phân công các công việc trong các hộ gia đình vùng TDA*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** | **Cả hai** | **Nam giới** | **Nữ giới** |
| Tham gia các hoạt động thôn xóm, cộng đồng | 13,8% | 56,9% | 29,2% |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES, tháng 6/2019*

1. Hoạt động tham gia cộng đồng: cả hai giới đều tham gia khá tích cực vào hoạt động thôn xóm, cộng đồng (56,9% và 29,2%). Điều này cho thấy dù không có nhiều thời gian rảnh như nam giới nhưng nữ giới vẫn khá tích cực trong việc tham gia các hoạt động chung của thôn, xóm, cộng đồng mà mình sinh sống.

## Giới trong vấn đề tham gia chính quyền địa phương

1. Kết quả tham vấn với đại diện chính quyền địa phương trong khu vực tiểu dự án cho thấy hiện nay tình hình phụ nữ tham chính đã được cải thiện hơn. Tuy nhiên những cải thiện trong thời gian qua chỉ là về mặt số lượng còn thực chất, phụ nữ vẫn giữ vị thế thấp hơn nam giới ở các vị trí quan trọng mang tính quyết định tại địa phương và việc này ảnh hưởng tới sự tham gia trong quá trình ra quyết định cũng như cơ hội hưởng lợi của phụ nữ của địa phương. Vấn đề này cần được đưa vào các nội dung truyền thông trong kế hoạch hành động giới nhằm nâng cao vị thế của phụ nữ trong tham gia chính quyền địa phương. Để giải quyết các vấn đề về giới, một kế hoạch hành động giới (GAP) đã được chuẩn bị và trình bày trong phụ lục 2.

# CÁC TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TIỀM NĂNG CỦA TDA

# Tăng cường nâng cao an toàn đập

1. Cũng nằm trong thực trạng chung về tình hình an toàn hồ đập của Việt Nam, 11 hồ Chứa nước thuộc tiểu dự án được xây dựng từ những năm 1960 - 1970, Do đó, hồ chứa không còn đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước cho người dân, và đang đứng trước những nguy cơ mất an toàn công trình rất cao, Việc thực hiện sửa chữa và nâng cao an toàn hồ chứa bên cạnh việc nâng cao năng lực tưới tiêu, mục tiêu quan trọng nữa là nâng cao an toàn hồ đập, đảm bảo đời sống cho các hộ dân phía hạ du 11 công trình hồ chứa nước nói riêng và đảm bảo đời sống xã hội của các xã/phường thuộc thành phố Chí Linh của TDA nói chung.

# Tăng cường năng lực quản lý đập, vận hành hệ thống tưới

1. Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương được triển khai sẽ giúp người dân, các cơ quan quản lý của tỉnh Hải Dương xây dựng những kịch bản, chiến lược phát triển nông thôn dài hạn, các kịch bản biến đổi khí hậu, hiện thực hóa các hoạt động nhằm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm thiểu và thích ứng biến đổi khí hậu; Chiến lược phát triển Thủy lợi đến năm 2020 và tầm nhìn 2050; Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020; Chương trình phát triển kinh tế xã hội khu vực đồng bằng bắc bộ đến năm 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; vv…

# Phục hồi diện tích tưới chủ động, sản xuất nông nghiệp

1. Trong phạm vi của tiểu dự án, kết quả đầu tư sẽ giúp cho việc tu bổ, cải tạo cơ sở hạ tầng tưới tiêu tại các xã/phường thuộc TDA trong vùng hưởng lợi nói riêng phục vụ đảm bảo cung cấp nguồn nước để thỏa mãn các nhu cầu sử dụng nước nông nghiệp, tưới cho hơn 491,6 ha lúa và hoa màu, tạo nguồn cung cấp nước tưới tiêu nông nghiệp, sinh hoạt, chăn nuôi cho các hộ dân và đảm bảo an toàn không xảy ra sự cố cho các hộ dân vùng hạ lưu.
2. Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương sẽ đáp ứng nhu cầu tăng cường chất lượng đất canh tác, chống xói mòn đất, sa mạc hóa, giảm ô nhiễm nguồn nước, Đầu tư vào cơ sở hạ tầng sẽ được đi kèm với các chương trình quản lý thủy lợi có sự tham gia (IPM), Chủ trương áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải pháp công nghệ tiên tiến trong thi công xây dựng các công trình đập, các giải pháp tưới tiêu hiệu quả nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng nước, hạn chế cạn kiệt nguồn nước và thích ứng với biến đổi khí hậu sẽ góp phần không nhỏ trong phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

# Hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển thủy lợi phục vụ đa mục tiêu xây dựng nông thôn mới

1. Tiêu chí số 3 về thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới (NTM) được đánh giá là một trong những tiêu chí khó, bởi nhu cầu kinh phí đầu tư quá lớn, trong khi đó nguồn lực của tỉnh, thành phố, xã/phường còn hạn hẹp, Chính vì vậy, việc tăng diện tích đất sản suất nông nghiệp và đảm bảo điều kiện đáp ứng về các công trình thủy lợi là tất yếu, Do đó TDA được thực thi sẽ góp phần tạo điều kiện phục vụ mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại các xã/phường thuộc TDA.
2. Sự đầu tư của tiểu dự án vào hạ tầng thủy lợi, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của công trình, chủ động tưới tiêu, an toàn công trình trong thiên tai là nguồn động lực để địa phương tiếp tục đầu tư các hạng mục hạ tầng còn lại, nhằm sớm hoàn thành xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội địa phương ổn định, bền vững.

# Phát triển phúc lợi xã hội cho nhóm dễ bị tổn thương và tăng cường vốn xã hội cho người dân vùng tiểu dự án, chú trọng đến nhóm phụ nữ và người nghèo, nhóm người DTTS

1. Việc đầu tư tiểu dự án sẽ cấp nước tưới ổn định và tạo cơ hội mở rộng đường giao thông nội vùng giúp người dân, đặc biệt là phụ nữ tiết kiệm được thời gian lấy nước, thời gian sản xuất nông nghiệp thông qua việc sắp xếp lịch thời vụ một cách chủ động, cũng như việc lấy nước phục vụ chăn nuôi, phát triển kinh tế vườn, trang trại, góp phần tạo ra tính đa dạng các loại sản phẩm nông nghiệp và tăng khả năng tiếp cận thị trường, cải thiện thu nhập, Nước sinh hoạt được cung cấp kịp thời hơn là điều kiện cơ bản cải thiện sức khỏe người dân, đặc biệt là tránh được các bệnh của phụ nữ, Thông qua thực hiện kế hoạch hành động giới của tiểu dự án, nhận thức về giới sẽ được nâng lên trong các cấp chính quyền và cộng đồng, Phụ nữ giảm được thời gian lao động sẽ có cơ hội tham gia vào các hoạt động cộng đồng, tìm hiểu nâng cao trình độ hiểu biết, giáo dục con cái, v,v.
2. Trong các cuộc tham vấn, người dân rất ủng hộ các tiểu dự án đầu tư trong địa bàn của họ vì họ nhận thức rất rõ đây là cơ chế chính để cải thiện điều kiện kinh tế, Tiểu dự án sẽ cải thiện điều kiện giao thông, cấp nước, khuyến khích phát triển nông nghiệp, phục hồi một số cây hàng hóa đặc trưng của địa phương có lợi nhuận cao, thúc đẩy lưu thông hàng hoá, tăng lao động và việc làm bên ngoài, cải thiện các dịch vụ xã hội và điều kiện môi trường cho người dân, Tiểu dự án hỗ trợ việc xây dựng hoàn thiện và nâng cấp hệ thống cấp nước đa mục tiêu nhằm trữ nước vào cuối mùa mưa hỗ trợ cộng đồng tiếp cận với nguồn nước phục vụ trồng trọt, chăn nuôi của các hộ gia đình.
3. Tiểu dự án sẽ làm tăng sản lượng nông nghiệp, cải thiện điều kiện sống, cải thiện điều kiện tưới tiêu, cải thiện điều kiện giao thông, cải thiện môi trường sống và tình trạng sức khoẻ của người dân trong vùng tiểu dự án, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em trong vùng tiểu dự án.
4. Với đặc thù của khu vực Tiểu dự án, 01/5 xã/phường có dân tộc thiểu số như đã trình bày trong bảng 5; việc sửa chữa và nâng cao an toàn đập sẽ tạo điều kiện để người dân nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo an sinh xã hội.

# Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

1. Trong quá trình xây dựng, với việc tập trung một số lượng công nhân thi công tại công trường, nhu cầu sử dụng các loại hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt của đội ngũ công nhân này tăng lên, Hơn nữa, quá trình thi công cũng cần phải cung cấp một lượng lớn các nguyên vật liệu: đất, đá, xi măng… để xây dựng các hạng mục của TDA, Do đó, việc thực hiện TDA sẽ thúc đẩy sự phát triển dịch vụ, thương mại của địa phương, góp phần tạo cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.
2. Bên cạnh đó, trong quá trình thi công TDA, ngoài việc sử dụng các kỹ sư đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, vẫn cần sử dụng công nhân lao động phổ thông làm các công việc đơn giản, Đây chính là cơ hội để người dân có thể tham gia vào các hoạt động của công trình, tạo điều kiện tăng thêm thu nhập.

# CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TIỀM ẨN CỦA TDA

1. Phần này trình bày và đề cập tới những tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với Tiểu dự án và các biện pháp giảm thiểu, Chủ yếu tác động này là tác động đến thu hồi đất, cụ thể như sau:
2. Khi thực hiện TDA sẽ có những tác động tiêu cực tiềm tàng, như thu hồi đất vĩnh viễn 9.839 m2 của 64 hộ dân do các hoạt động xây dựng của tiểu dự án, Việc thu hồi đất cho tiểu dự án cũng sẽ ảnh hưởng đến cây trồng, hoa màu của các hộ, cụ thể diện tích cây hàng năm (lúa) bị ảnh hưởng là 2,354 m2, cây ăn quả bị ảnh hưởng là 84 cây (Xoài, Nhãn, Mít, Vãi, Chuối, Bưởi) và cây lấy gỗ bị ảnh hưởng là 401 cây (chủ yếu là cây keo, bạch đàn).
3. Bên cạnh đó, trong quá trình thi công của dự án, nhà thầu sẽ cần sử dụng thêm một số diện tích để phục vụ xây dựng lán trại cho công nhân, bãi tập kết vật liệu…nên dự án sẽ có những ảnh hưởng tạm thời đối với diện tích 6.177 m2 đất của UBND 03 xã/phường, Các biện pháp giảm thiểu thu hồi đất với các nội dung chính sau:
   * Để giảm thiểu thu hồi đất, đập phải được sửa chữa trên cơ sở tuyến đập cũ, Các hạng mục xây dựng mới phải được lựa chọn đảm bảo việc thu hồi đất và các tác động xã hội khác là tối thiểu.
   * Đất được sử dụng cho các hoạt động xây dựng chủ yếu được khai thác tại chỗ và thuộc phạm vi lòng hồ để có thể giảm thiểu thu hồi đất, Do đó, tác động của tiểu dự án được giảm thiểu và không có nhiều tác động đến sinh kế của các hộ trong khu vực tiểu dự án.
   * Đối với diện tích lán trại, bãi tập kết vật liệu, bãi thải sẽ tận dụng phần diện tích thuộc phạm vi hồ để giảm thiểu tối đa phần diện tích thu hồi, cũng như các ảnh hưởng về tài sản, công trình và cây trồng, hoa màu của người dân, Chi tiết như các bảng sau:

*Bảng 22: Thống kê các tác động và phạm vi thu hồi đất*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện/xã** | **Công trình** | **ĐVT** | **Ảnh hưởng vĩnh viễn** | | | | | | **Ảnh hưởng tạm thời** | **Tổng cộng** |
| **Đất ở** | **Đất hàng năm** | **Đất lâu năm** | **Đất thủy sản** | **Đất bằng**  **chưa sử**  **dụng** | **Tổng** | **Đất bằng chưa sử dụng** |
| 1 | Phường Văn  An | Hồ Trại Sen |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 | 19 | 0 | 30 | 0 | 0 | 49 | 0 | 49 |
| Hộ BAH | 3 | 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 0 | 4 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 19 | 0 | 30 | 0 | 0 | 49 | 0 | 49 |
| Hộ BAH | 3 | 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 0 | 4 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 651 | 651 |
| 2 | Phường Bến  Tắm | Hồ Hố Dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 | 0 | 754 | 0 | 0 | 0 | 754 | 0 | 754 |
| Hộ BAH | 0 | 6 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | 6 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 754 | 0 | 0 | 0 | 754 | 0 | 754 |
| Hộ BAH | 0 | 6 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | 6 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 503 | 503 |
| 3 | Phường Bến  Tắm | Hồ Phú Lợi |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 608 | 608 |
| 4 | Phường Hoàng  Tân | Hồ Nghè Lấm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu  mối (Đập chính và đập phụ, tràn | m2 |  | 441 | 4 | 0 | 0 | 445 | 0 | 445 |
| Hộ BAH |  | 3 | 1 | 0 | 0 | 4 | 0 | 4 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện/xã** |  | **ĐVT** | **Ảnh hưởng vĩnh viễn** | | | | | | **Ảnh hưởng tạm thời** | **Tổng cộng** |
| **Công trình** | **Đất ở** | **Đất hàng năm** | **Đất lâu năm** | **Đất thủy sản** | **Đất bằng**  **chưa sử**  **dụng** | **Tổng** | **Đất bằng chưa sử dụng** |
| xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 441 | 4 | 0 | 0 | 445 | 0 | 445 |
| Hộ BAH | 0 | 3 | 1 | 0 | 0 | 4 | 0 | 4 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 553 | 553 |
| 5 | Phường Hoàng Tân | Hồ Bến Tắm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 |  | 256 | 2.079 |  |  | 2.335 | 0 | 2.335 |
| Hộ BAH | 0 | 6 | 11 | 0 | 0 | 17 | 0 | 16 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 256 | 2.079 | 0 | 0 | 2.335 | 0 | 2.335 |
| Hộ BAH | 0 | 6 | 11 | 0 | 0 | 16 | 0 | 16 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 151 | 0 | 0 | 151 | 482 | 633 |
| 6 | Xã Lê Lợi | Hồ Vễn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 | 4 | 1.215 | 155 | 199 | 0 | 1.573 | 0 | 1.573 |
| Hộ BAH | 1 | 8 | 1 | 1 | 0 | 11 | 0 | 9 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 4 | 1.215 | 155 | 199 | 0 | 1.573 | 0 | 1.573 |
| Hộ BAH | 1 | 8 | 1 | 1 | 0 | 11 | 0 | 9 |
| UBND xã | m2 |  | 182 |  |  |  | 182 | 611 | 793 |
| 7 | Xã Lê Lợi | Hồ Cánh Gà |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | UBND xã | m2 |  |  | 275 |  |  | 275 | 573 | 848 |
| 8 | Xã Lê Lợi | Hồ Hố Gỗ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn  xả lũ, cầu/cống, | m2 | 0 | 0 | 1.049 | 0 | 0 | 1.049 | 0 | 1.049 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 | 3 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện/xã** |  | **ĐVT** | **Ảnh hưởng vĩnh viễn** | | | | | | **Ảnh hưởng tạm thời** | **Tổng cộng** |
| **Công trình** | **Đất ở** | **Đất hàng năm** | **Đất lâu năm** | **Đất thủy sản** | **Đất bằng**  **chưa sử**  **dụng** | **Tổng** | **Đất bằng chưa sử dụng** |
| lòng hồ, v,v,) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 0 | 1.049 | 0 | 0 | 1.049 | 0 | 1.049 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 | 3 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 437 | 437 | 519 | 956 |
| 9 | xã Bắc An | Hồ Đá Trắng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 | 103 | 464 | 138 | 0 | 0 | 705 | 0 | 705 |
| Hộ BAH | 1 | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | 0 | 4 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 103 | 103 | 138 | 0 | 0 | 705 | 0 | 705 |
| Hộ BAH | 1 | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | 0 | 4 |
| UBND xã | m2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 410 | 410 | 536 | 946 |
| 10 | xã Bắc An | Hồ Lộc Đa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn  xả lũ, cầu/cống, lòng hồ, v,v,) | m2 | 0 | 465 | 368 | 0 | 0 | 833 | 0 | 833 |
| Hộ BAH | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 | 8 | 0 | 8 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 0 | 465 | 368 | 0 | 0 | 833 | 0 | 833 |
| Hộ BAH | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 | 8 |  | 8 |
| UBND xã | m2 |  |  | 151 |  |  | 151 | 540 | 691 |
| 11 | xã Bắc An | Hồ Chín Thượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn  xả lũ, cầu/cống, lòng hồ, v,v,) | m2 | 43 | 0 | 0 | 0 | 0 | 43 |  | 43 |
| Hộ BAH | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 |
| Nhà quản lý | m2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 5 | 0 | 5 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| Đường quản lý, | m2 | 0 | 0 | 431 |  | 0 | 431 | 0 | 431 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Huyện/xã** |  | **ĐVT** | **Ảnh hưởng vĩnh viễn** | | | | | | **Ảnh hưởng tạm thời** | **Tổng cộng** |
| **Công trình** | **Đất ở** | **Đất hàng năm** | **Đất lâu năm** | **Đất thủy sản** | **Đất bằng**  **chưa sử**  **dụng** | **Tổng** | **Đất bằng chưa sử dụng** |
| vận hành | Hộ BAH | 0 | 0 | 7 |  | 0 | 7 | 0 | 7 |
| Cộng (Xã/Hồ) | Hộ | m2 | 43 | 0 | 431 | 5 | 0 | 479 | 0 | 479 |
| Hộ BAH | 2 | 0 | 7 | 1 | 0 | 10 | 0 | 10 |
| UBND xã | m2 |  | 11 |  |  |  | 11 | 601 | 612 |
|  | TỔNG |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  | Hộ gia đình bị ảnh hưởng | Công trình đầu mối (Đập chính và đập phụ, tràn xả lũ, cầu/cống,  lòng hồ, v,v,) | m2 | 169 | 3.595 | 3.823 | 199 | 0 | 7.786 |  | 7.786 |
| Hộ BAH | 7 | 29 | 24 | 1 | 0 | 61 | 0 | 56 |
| Nhà quản lý | m2 | 0 | 0 | 0 | 5 | 0 | 5 | 0 | 5 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 |
| Đường quản lý, vận hành | m2 | 0 | 0 | 431 | 0 | 0 | 431 | 0 | 431 |
| Hộ BAH | 0 | 0 | 7 | 0 | 0 | 7 | 0 | 7 |
| **Tổng cộng** | **Hộ** | **m2** | **169** | **3.595** | **4.254** | **204** | **0** | **8.222** | **0** | **8.222** |
| **Hộ BAH** | **7** | **29** | **31** | **2** | **0** | **69** | **0** | **64** |
| **UBND xã** | **m2** | **0** | **193** | **577** | **0** | **847** | **1.617** | **6.177** | **7.794** |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát IOL, tháng 6/2019*

# Các tác động tạm thời

## Ảnh hưởng do thi công

1. Trong quá trình thi công, nguồn nước tưới cung cấp cho diện tích sản xuất đất nông nghiệp của vùng hạ lưu 11 hồ có thể sẽ bị ảnh hưởng do gián đoạn cấp nước bởi đắp đê quay phục vụ thi công, Chủ đầu tư và nhà thầu cần phối hợp tốt với đơn vị quản lý vận hạnh hồ và chính quyền địa phương để có biện pháp giảm thiểu tối đa đối với việc gián đoạn cấp nước.
2. Nguồn nước ăn uống và sinh hoạt của đại đa số các xã thuộc Tiểu dự án đều lấy nước ngầm từ giếng đào và giếng khoan nên việc cắt nước để thi công, sửa chữa hồ đập không ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt của người dân vùng tiểu dự án.

## Tác động đến mồ mả, di sản văn hóa và công trình công cộng

1. Xung quanh khu vực xây dựng TDA không có bất kể mồ mả nào và xung quanh TDA với bán kính khoảng 1 km hoàn toàn không có di sản văn hóa nào, Do đó, không có ảnh hưởng đối với mồ mả, di sản văn hóa, Có 29 cột điện (2 cột ly tâm và 27 cột điện 0,4kV) và 710 m đường dây 0,4kV là công trình công cộng bị ảnh hưởng sẽ được thỏa thuận bồi thường cho chủ sở hữu để di dời và tái bố trí lại.
2. Trong quá trình thi công, số xe hoạt động vào thời gian cao điểm có thể gây xuống cấp cho tuyến đường liên thôn và tuyến đường đất trên mặt đập, Việc vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công có thể gây sụt lún, nứt vỡ đường, Quá trình thi công cần có những biện pháp cụ thể của nhà thầu với sự giám sát của Tư vấn giám sát xây dựng và giám sát của cộng đồng dân cư để bảo vệ tuyến đường vận chuyển.

## Tác động đến hoạt động sinh kế và kinh doanh bị ảnh hưởng do thi công xây dựng

1. Theo khảo sát, không có hồ nào có hộ dân sinh sống trên mặt đập có hoạt động kinh doanh buôn bán, tuy nhiên có một số hộ có hoạt động sinh kế liên quan đến nguồn thu nhập chính của họ, Vì vậy, để giảm thiểu, hạn chế các tác động, Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đánh giá mức độ ảnh hưởng và có sự hỗ trợ phù hợp, Ngoài ra, trong quá trình thi công các nhà thầu lập kế hoạch và tổ chức thi công đảm bảo giảm thiểu được những tác động cho các hộ gia đình BAH này, Các địa phương thực hiện đền bù và hỗ trợ phù hợp với các chính sách đã nêu trong RPF/RAP, EMDF/EMDP nhằm đảm bảo không làm xấu đi tình trạng sinh kế của các hộ BAH.
2. Trong quá trình tham vấn cộng đồng, đại đa số người dân lo ngại ảnh hưởng đến môi trường do vận chuyển đất, nguyên vật liệu xây dựng nên có thể môi trường bụi bẩn, Người dân cũng lo ngại nhà thầu không tuân thủ đúng theo các biện pháp giảm thiểu môi trường đã được trình bày trong buổi họp tham vấn.

## Tăng cường sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu

1. Những điều kiện sản xuất nông nghiệp được cải tiến, việc đầu tư cho sản xuất nhằm làm tăng lợi nhuận có thể sẽ làm tăng sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu do đó tăng khả năng ô nhiễm môi trường, Hiện các địa phương đều đang áp dụng các giải pháp canh tác an toàn như IBM, ACM, “3 giảm, 3 tăng”, “1 phải, 5 giảm”, tất cả những hoạt động này đều nhằm hạn chế các tác động từ phân bón, thuốc trừ sâu tới sức khoẻ người dân, Tuy nhiên, vẫn cần phải quản lý tốt hoạt động sản xuất và vận hành hợp lý hệ thống tưới tiêu, bao gồm cả việc tiếp tục khuyến khích, hướng dẫn người dân áp dụng các phương thức sản xuất mới, thân thiện với môi trường.

# Rủi ro về sức khỏe, an toàn lao động và an toàn giao thông

1. Việc đầu tư tiểu dự án sẽ ảnh hưởng chủ yếu về môi trường khi thi công, do vận chuyển vật liệu và tiếng ồn của thiết bị máy móc, v,v, Ngoài ra, khi tham gia thi công, lực lượng công nhân chuyển từ nơi khác đến cũng có thể mang đến các nguồn bệnh và cách sinh hoạt phá vỡ nét truyền thống và các quy định của địa phương, Các cơ quan quản lý của Tiểu dự án cần xem xét tới những rủi ro về sức khoẻ như các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục (HIV/AIDS) để có các hoạt động tuyên truyền, giám sát chặt chẽ công tác này.

Sự cố tai nạn lao động: có thể xảy ra trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng do những sai xót trong lao động: việc thiếu trang bị bảo hộ lao động, thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động; hoặc do sức khỏe yếu của người lao động tại công trường, Những tác động này sẽ gây những ảnh hưởng rất lớn về người và tài sản đối với người lao động.

1. Sự cố tai nạn giao thông: Trong giai đoạn thi công xây dựng tiểu dự án, lưu lượng và mật độ giao thông tăng nhanh do sự hoạt động của các xe vận chuyển nguyên vật liệu, tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra các vụ tai nạn giao thông.

# Tác động đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương

1. Giai đoạn thi công xây dựng TDA, sẽ tập trung một lượng công nhân từ các địa phương khác trong suốt thời gian thi công công trình, Việc xuất hiện của lượng công nhân này cùng các hoạt động sinh hoạt và làm việc của đội ngũ lao động này sẽ có tác động đến cuộc sống của người dân địa phương, Việc xuất hiện một lượng công nhân là nam giới sẽ xuất hiện những tệ nạn như sau tại địa phương: (i) An ninh trật tự tại địa phương có thể có những xáo trộn; (ii) xung đột văn hóa giữa công nhân và người dân địa phương (iii) những xung đột, va chạm giữa công nhân và người dân địa phương; (iv) xuất hiện các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, sử dụng các chất kích thích; (v) tiềm ẩn nguy cơ về quá tải các dịch vụ y tế, dịch vụ công cộng, thức ăn cho công nhân…
2. Nếu việc quản lý công nhân không tốt sẽ dẫn đến xảy ra nhiều vấn đề tiêu cực, Như đã từng có tiền lệ trước đây tại một số tiểu dự án, Công nhân và người dân có những xích mích nếu không được giải quyết còn gây ra những cuộc va chạm đánh nhau dẫn đến ảnh hưởng đến sức khỏe và đe dọa tính mạng.

# Tác động đến bình đẳng giới và trẻ em

1. Giai đoạn thi công, việc sửa chữa cống và đập tràn có thể gây ra mất nguồn nước phục vụ tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp hoặc có thể do sửa chữa đập làm khan hiếm nguồn nước, điều đó sẽ dẫn đến phụ nữ phải sử dụng thời gian nhiều hơn cho lấy nước (theo tập quán và sự phân công lao động theo giới).
2. Diện tích đất trồng cây nông nghiệp và hoa màu giảm sẽ tác động trực tiếp đến thu nhập của phụ nữ, đây cũng có thể là nguyên nhân gián tiếp đẩy họ phải tìm việc tha phương.
3. Thực tế cũng cho thấy trẻ em có thể gặp rủi ro do nước đưa lại, Điển hình như các trường hợp cháu nhỏ tử vong do bị chết đuối, Vì vậy phải có chính sách an toàn cho trẻ em, bảo vệ quyền trẻ em, không cho phép trẻ em bán hàng hoặc làm dịch vụ xung quanh khu vực sửa chữa và nâng cấp hồ.
4. Đường giao thông sẽ khó khăn và bụi bẩn hơn nếu vào mùa mưa, điều đó có thể tác động đến tâm lý của trẻ ngại đến trường và là nguyên nhân dẫn đến trẻ nghỉ học, do đó nhà thầu cần lựa chọn phương án thi công vào mùa khô là chủ yếu.
5. Tuy nhiên, những tác động này được coi là nhỏ do thời gian xây dựng công trình ngắn, Không được coi là những tác động tích lũy, gây hại lâu dài đến đời sống địa phương.

# Những tác động đến người DTTS

1. Việc thực hiện TDA trước mắt mang lại rất nhiều những tác động tích cực đến đời sống của người DTTS, cụ thể ở đây là người dân tộc Sán Dìu là chủ yếu, Tuy nhiên trong quá

trình thực hiện TDA, có 14 hộ BAH là DTTS bị thu hồi đất thuộc xã Bắc An để thực hiện một số hạng mục của TDA, ngoài ra trong quá trình thi công không thể tránh khỏi những tác động nhất định đến cộng đồng người DTTS này tại 05 xã thuộc TDA đã nêu trong báo cáo, Tuy nhiên, khi xây dựng và sửa chữa lại cống lấy nước, việc đắp đê quay phục vụ thi công là điều bắt buộc, do đó việc thiếu nước sản xuất sẽ ảnh hưởng đến đời sống của người dân, Trong quá trình thi công, nhà thầu và chủ đầu tư cần cố gắng thi công vào thời điểm người dân đã thu hoạch nông nghiệp xong và một biện pháp nữa có thể được sử dụng đó là dẫn dòng nước để phục vụ nhân dân.

1. Việc đắp đê quay phục vụ thi công có thể sẽ ảnh hưởng đến một phần diện tích đất nông nghiệp của hộ DTTS. Do đó cần có các biện pháp hỗ trợ cho các hộ DTTS BAH do đắp đê quay phục vụ thi công theo kế hoạch TĐC được phê duyệt (tác động ảnh hưởng cụ thể sẽ được cập nhật trong giai đoạn thực hiện, khi có biện pháp thi).

# Những tác động đến các công trình nhạy cảm

1. Không có các công trình nhạy cảm trong khu vực các xã/phường thuộc TDA.

# Tác động tiềm tàng không liên quan đến OP 4.12 (được đề cập trong OP 4.10)

1. Theo kế hoạch xây dựng, biện pháp thi công áp dụng là thi công cuốn chiếu trong các khu vực thu hồi đất vĩnh viễn. Sẽ có nhưng hộ bị ảnh hưởng tạm thời trong thời gian xây dựng dự án. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án, trong trường hợp có bất kỳ tác động tạm thời, tất cả tác động liên quan đến đất và các doanh nghiệp địa phương sẽ được xác định và đánh giá, Một số tác động nhỏ tạm thời có thể xảy ra trong quá trình khắc phục, Những tác động này bao gồm tiếng ồn, mùi, và bụi. Dự kiến những tác động này sẽ không gây tác động bất lợi đáng kể đến sinh kế của người dân địa phương vì chỉ có vài hộ gia đình sống ở khu vực bên ngoài bãi thải. Ngoài ra, khu vực bãi đổ thải này là khu vực trống, bụi và mùi có thể sẽ được pha loãng trong khu vực, điều này sẽ giảm tác động đến người dân địa phương ngoài việc xử lý, Trong trường hợp các tác động là báo cáo của người dân địa phương, ngoài các biện pháp khắc phục (ví dụ sử dụng các hóa chất sinh học) sẽ được xem xét để giảm mùi (nếu cần).
2. Hộ nuôi trồng thủy sản sẽ bị ảnh hưởng tạm thời (nếu có). Các mức độ ảnh hưởng (số hộ) chưa thể ước tính chính xác ở giai đoạn này bởi vì phạm vi ảnh hưởng phụ thuộc vào thời gian bắt đầu xây dựng (tức là mùa khô), và làm thế nào việc nạo vét được thực hiện - tăng/giảm dần, để giữ những tác động này ở mức tối thiểu. Vì hộ nuôi trồng thủy sản không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thực tế hồ do chính quyền địa phương quản lý), mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào hợp đồng thỏa thuận mà hộ NTTS thực hiện với chính quyền địa phương. Trong trường hợp này, các hộ NTTS bị ảnh hưởng, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê hồ nước dựa trên các thỏa thuận pháp lý đã được thực hiện trong Hợp đồng giữa hộ gia đình (người thuê) và chính quyền địa phương (chủ sở hữu), Vật liệu nạo vét được vận chuyển đến các bãi đổ thải để xử lý và nước trong hồ có thể bị ảnh hưởng.
3. Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trong hồ. Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thành phố Chí Linh/UBND phường, xã quản lý mặt hồ và tất cả người sử dụng hồ đã ký hợp đồng thuê được gia hạn mỗi năm, Không có hoạt động đánh bắt cá (không có hợp đồng) được cho phép thực hiện ở khu vực hồ. Như vậy, các hộ gia đình sẽ được bồi thường cho các tổn thất thu nhập của họ căn cứ theo hợp đồng của họ và sẽ được bồi thường và hỗ trợ cho sự thu nhập tạm thời của họ phù hợp với RPF của dự án trong giai đoạn xây dựng. Trong khu vực dự án hiện chưa xác định rõ số hộ đang thuê hồ nuôi trồng thủy sản sẽ được bồi thường / hỗ trợ, như đã đề cập ở trên.
4. Đối với hoạt động đánh bắt cá trên hồ, tại thời điểm đó, chưa xác định được con số chính xác số hộ gia đình tham gia vào các hoạt động này vì không có hoạt động đánh bắt trong đợt khảo sát (mùa khô), Tuy nhiên, theo xác minh của UBND xã, số hộ đánh bắt cá trên

hồ là rất nhỏ và thay đổi theo mùa và hoạt động đánh bắt cá ở hồ không nhiều và cũng không phải là hoạt động tạo thu nhập chính của hộ gia đình. Do đó, các hộ gia đình sẽ được xác định và tham vấn (nếu có) khi các kỹ thuật chi tiết thiết kế cũng như các vị trí nạo vét và thời gian thi công được xác định, Nếu có bất kỳ tác động được xác định, các hộ gia đình sẽ được tư vấn và bồi thường, hỗ trợ - như RPF của dự án. Tác động đến hoạt động đánh bắt cá được xác định là nhỏ.

# Đánh giá của người dân về các tác động của dự án

1. Sự đồng thuận thực hiện tiểu tự án: 100% đại biểu đồng ý triển khai tiểu dự án vì cho rằng, TDA được thực hiện sẽ đảm bảo an toàn cho các hồ thuộc TDA. Việc thực hiện tiểu dự án cũng giảm các rủi ro cho cộng đồng dân cư vào mùa mưa, ổn định nước tưới cho 491,60 ha đất canh tác của vùng hạ lưu TDA.
2. Về tác động tiêu cực của tiểu dự án đến môi trường và xã hội: Các hộ bị ảnh hưởng, UBND và UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể của các xã/phường đều nhất trí với những đánh giá về tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với môi trường và xã hội như tác động đến các hộ bị thu hồi đất, tác động do bụi, tiếng ồn của các phương tiện chở vật liệu xây dựng có thể gây tác động xấu đến môi trường cộng đồng, phải hạn chế các hoạt động trên để giữ môi trường xã hội trong điều kiện tốt.
3. Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường của tiểu dự án: UBND và MTTQ các xã/phường thuộc TDA và các hộ BAH đều đồng ý với các phương án giảm thiểu đã được đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động xã hội của TDA.
4. Ngoài ra, UBND xã/phường cũng có kiến nghị: Trong quá trình triển khai thi công và vận hành tiểu dự án phải tuân thủ theo đúng cam kết và các quy định hiện hành của chính phủ Việt Nam, phối hợp tốt với chính quyền địa phương và thông tin thông báo trước về kế hoạch thi công, lưu ý thi công vào thời điểm phù hợp để không ảnh hưởng đến nguồn nước sản xuất của nhân dân.
5. Ý kiến đánh giá của người dân về các tác động được trình bày chi tiết trong phụ lục B1.

# BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU VÀ CÁC CAN THIỆP

1. Tiểu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương, như khảo sát đánh giá cho thấy sẽ mang lại những lợi ích to lớn, cả trước mắt và lâu dài cho người dân và cộng đồng thuộc vùng tiểu dự án nói riêng và các xã/phường tham gia tiểu dự án nói chung. Tiểu dự án sẽ góp phần đảm bảo an toàn hồ chứa, ổn định nước tưới, là nhân tố quan trọng để phát triển thủy lợi, nhất là những vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước.
2. Tuy nhiên, trong quá trình thi công và sau khi tiểu dự án hoàn thành có thể xuất hiện một số nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và cộng đồng vùng tiểu dự án. Các nhân tố tiêu cực cơ bản là từ các vấn đề như: thu hồi đất sản xuất nông nghiệp vĩnh viễn và sử dụng một phần đất tạm thời, sinh kế, nguy cơ mất an ninh trật tự xã hội khi phát sinh một lượng công nhân, v.v, Các biện pháp giảm thiểu đối với từng loại hình tác động và các can thiệp được đề xuất như dưới đây:

# Các biện pháp giảm thiểu

# Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi đất

1. **Lập Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) cho TDA**
2. Việc thi công TDA có thể yêu cầu thu hồi đất và các tài sản khác của người dân hoặc các tổ chức. Theo yêu cầu của Ngân hàng Thế giới, tiểu dự án đã lập Kế hoạch hành động tái định cư cho TDA, Kế hoạch này phản ánh cách thức tiểu dự án sẽ giảm thiểu tổn thất của những người BAH trong tiểu dự án, khôi phục sinh kế của họ bằng cách đền bù, hỗ trợ, và/hoặc trợ cấp cho họ, Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động tái định cư nhằm đảm bảo rằng tất cả những người BAH, tổ chức đều được bồi thường theo giá thay thế cho những tổn thất của họ và đưa ra những biện pháp hỗ trợ khôi phục để họ có thể khôi phục sinh kế của họ

* ít nhất là như mức trước khi có tiểu dự án.
  + Chi trả đền bù và hỗ trợ.
  + Để giảm thiểu tác động do việc chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, BQLDA tỉnh phối hợp với chính quyền các xã/phường thuộc TDA thực hiện công tác bồi thường và hỗ trợ người dân theo đúng chính sách của Việt Nam và nhà tài trợ là WB (Chi tiết tại báo cáo RAP được lập cho TDA).
  + Tổng chi phí gồm các loại chi phí sau: (1) Chi phí đền bù; (2) Chi phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư và (3) chi phí dự phòng giá phát sinh được tổng hợp chi tiết qua bảng dưới đây:

*Bảng 23: Dự toán kinh phí thực hiện bồi thường GPMB*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Thành tiền: tỷ giá quy đổi 1USD = 22.850 VNĐ** | | Ghi chú |
| **VNĐ** | **USD** |  |
| I | Bồi thường đất | 655.220.000 | 28.675 | Chi tiết xem mục 3.1 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| II | Bồi thường cây trồng, hoa màu | 87.412.000 | 3.825 | Chi tiết xem mục 3.2 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| III | Bồi thường vật kiến trúc | 67.710.000 | 2.963 | Chi tiết xem mục 3.3 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| IV | Bồi thường công trình công cộng | 290.960.000 | 12.733 | Chi tiết xem mục 3.4 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| V | Hỗ trợ | 1.383.920.000 | 60.565 | Chi tiết xem mục 3.5 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm | 815.880.000 | 35.706 | Hỗ trợ 2 lần đơn giá đất NN |
| 2 | Hỗ trợ thu hồi dưới 20% đất SXNN (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất) | 81.450.000 | 3.565 | 181 khẩu \* 10kg gạo\*15.000đ/kg\*3 tháng (chi tiết hỗ trợ mục 3.5 phụ lục 3) |
| 3 | Hỗ trợ đất công ích của xã | 444.590.000 | 19.457 | Chi tiết xem mục 3.6 trong phụ lục 3 trong báo cáo RAP |
| 4 | Hỗ trợ nhóm DBTT | 42.000.000 | 1.838 |  |
| *4.1* | *Hộ làm chủ hộ* | *12.000.000* | 525 | *6 hộ \* 2000.000đ/hộ* |
| *4.2* | *Hộ có người tàn tật* | *2.000.000* | 88 | *1 hộ \* 2000.000đ/hộ* |
| *4.3* | *Hộ DTTS* | *28.000.000* | 1.225 | *14 hộ \* 2000.000đ/hộ* |
| VI | Tổng của I,II,III,IV,V | 2.485.222.000 | 108.762 |  |
| VII | Chi phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ (2%) | 49.704.440 | 2.175 |  |
| VIII | Dự phòng (10%) | 248.522.200 | 10.876 |  |
|  | **Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (VNĐ)** | **2.783.448.640** | **121.814** |  |

1. Theo đó, tổng mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Tiểu Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hải Dương” là  **2.783.448.640** VNĐ, tương đương **121.814** USD.

Dự kiến công tác chi trả bồi thường sẽ kết thúc vào quý III năm 2020.

# Biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do thiếu nước cấp trong thời gian thi công và những tác động tiêu cực do cắt nước trong thời gian thi công

* + - 1. **Mất nước trong quá trình thi công**

1. Trong thời gian thi công có thể một số diện tích đất nông nghiệp bị gián đoạn nguồn nước tưới. Vì vậy, cần thi công sau khi thu hoạch xong hoặc dẫn dòng nước bằng cách đắp đê quai để thi công. Chủ đầu tư sẽ kết hợp với đơn vị thi công và địa phương lên phương án cung cấp nước thay thế hoặc dẫn dòng đồng thời đắp đê quai trong suốt quá trình thi công các hạng mục đảm bảo người dân vẫn có nước sử dụng trong thời gian thi công.
2. Bên cạnh việc bồi thường bằng tiền. Chủ đầu tư cũng đã cam kết tạo điều kiện cho người dân tham gia vào việc thi công TDA trong khả năng cho phép.

# Giảm thiểu tác động tiêu cực do điều tiết trong quá trình vận hành

1. Trong lịch sử vận hành 11 hồ chứa nước thuộc TDA, đã xảy ra mâu thuẫn trong việc sử dụng nguồn nước giữa các hộ dân ở các thôn. Do đó đơn vị vận hành hồ chứa phải có phương án phân phối nước hợp lý hạn chế mâu thuẫn giữa các ngành, các thôn dùng nước từ 11 hồ thuộc TDA:
   * Tùy từng thời điểm, tùy theo nhu cầu cấp nước tưới và mực nước trong hồ để điều chỉnh độ mở van thích hợp;
   * Tuyên truyền giáo dục người dân sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường và nâng cao trình độ quản lý và khai thác;
   * Sử dụng đi đôi với bảo vệ chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, chú ý đến bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường tại khu vực 11 hồ thuộc TDA;
   * Cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các đơn vị vận hành hồ chứa.

# Chương trình phục hồi thu nhập

1. Việc thực hiện thu hồi đất cho công trình đã được tính toán kỹ lưỡng để tránh và giảm thiểu tối đa diện tích đất phải thu hồi của các hộ, Kết quả khảo sát IOL, không có hộ ảnh hưởng nhà phải di dời, không có hộ bị ảnh hưởng nặng do thu hồi đất nông nghiệp từ 20% tổng diện tích hiện có của hộ đang sử dụng (hoặc 10% đối với hộ dễ bị tổn thương), Do đó không cần thiết phải xây dựng một chương trình phục hồi thu nhập riêng. Theo cam kết của chính quyền địa phương và Ban QLDA sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Hải Dương, các hộ bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ để có thể tiếp cận với các cơ hội sinh kế của địa phương cũng như các hoạt động trong quá trình xây dựng của TDA.

# Biện pháp giảm thiểu sự xuống cấp các tuyến đường vận chuyển

1. Để giảm thiểu việc các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đơn vị thi công phải cam kết đảm bảo các vấn đề sau:
   * Yêu cầu các đơn vị nhà thầu cam kết chở xe đúng tải trọng quy định; các xe phải còn niên hạn và đảm bảo an toàn,
   * Phủ bạt che kín nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển, tránh làm rơi vãi xuống đường;
   * Yêu cầu các đơn vị nhà thầu thi công cam kết sửa chữa, hoàn trả lại tuyến đường như trước khi thực hiện TDA;
   * Phân bố số lượng xe được phép vận chuyển trong ngày, tránh các giờ tan tầm hay thời điểm đi học của trẻ em.

# Biện pháp đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông

1. Như đã phân tích, quá trình thi công xây dựng TDA tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và tai nạn giao thông, do đó Nhà thầu, đơn vị thi công cần thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp sau nhằm giảm thiểu tác động này:
   * Thực hiện đúng các nội quy về an toàn công trường: cần cung cấp đầy đủ các biển báo giao thông, biển bảo an toàn lao động;
   * Phải có đầy đủ các thiết bị cứu thương cứu hộ trên công trường;
   * Tổ chức đào tạo kỹ về lý thuyết và thực hành cho công nhân trực tiếp thi công và vận hành máy móc;
   * Thiết lập các nội quy làm việc đảm bảo an toàn lao động;
   * Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc;
   * Trang bị các đèn chiếu, rào chắn phục vụ thi công vào thời gian ban đêm;
   * Trang bị rào chắn, biển báo giao thông, biển báo nguy hiểm tại những nơi thi công;
   * Cung cấp đầy đủ trang thiết bị phòng hộ cá nhân như mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang, kính,,,,và phải có những hướng dẫn, quy định về việc sử dụng;
   * Tuyên truyền và tập huấn thường xuyên cho cán bộ công nhân tham gia thi công trên công trường về các quy trình an toàn vệ sinh lao động;
   * Tuyên truyền, phổ biến và nâng cao kiến thức cho công nhân về Luật an toàn giao thông;
   * Cắm biển báo chỉ dẫn nguy hiểm trong công trường tránh tai nạn xảy ra giữa các xe chở nguyên vật liệu;
   * Cần nâng cao năng lực quản lý môi trường, xã hội cho cán bộ giám sát nội bộ, để phối hợp chặt chẽ với BQLDA, xử lí nhanh trong những trường hợp xảy ra sự cố;
   * Nâng cao năng lực giám sát nội bộ, đính kèm nhiệm vụ giám sát nội bộ cho đơn vị giám sát thi công về những vấn đề liên quan đến an toàn lao động, môi trường.

# Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới người DTTS

1. Những tác động tiêu cực có thể được giảm thiểu cơ bản hoặc bị triệt tiêu khi thực hiện những biện pháp hoặc phương pháp hiệu quả như đã đưa vào Khung phát triển dân tộc thiểu số (EMDF) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP). Điều quan trọng hơn cần phải có các biện pháp quản lý công trường để giảm thiểu hoặc triệt tiêu những ảnh hưởng do thi công và tác động tới nhóm DTTS bằng cách đưa ra các biển báo an toàn, tôn trọng phong tục của người DTTS, Qua kết quả sàng lọc xã hội và tham vấn người DTTS, một báo cáo EMDP đã được thiết lập riêng cho TDA.
2. Đơn vị tư vấn đã tiến hành tham vấn người DTTS trong khu vực tiểu dự án, được thông báo trước, thông tin theo cách thức phù hợp (FPIC), từ đó xác định được khi thực hiện tiểu dự án, người DTTS tại 05 xã/phường bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ, Các giải pháp được đưa ra bao gồm:

*Báo cáo Đánh giá xã hội (SA)*

*Bảng 24: Tổng hợp các hoạt động đề xuất*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Biện pháp phát triển đề xuất** | **Cơ sở đề xuất** | **Nội dung hỗ trợ** | **Đơn vị chịu trách nhiệm** |
| 1 | Hỗ trợ tập huấn nâng cao về quản lý an toàn đập và dùng nước hiệu quả, Tăng cường sự tham vấn, tham gia của cộng đồng DTTS, | Trong quá trình vận hành 11 hồ chứa nước thuộc TDA, cần nâng cao trình độ quản lý và khai thác của đơn vị vận hành, | Các cán bộ xã, trưởng thôn có DTTS được tham gia tập huấn trong các khoá tập huấn nâng cao năng lực của các đợn vị  quản lý, vận hành an toàn đập | PPMU tỉnh, Cty TNHH MTV khai tác CTTL (Trực tiếp là Xí nghiệp Khai thác CTTL thành phố Chí Linh), |
| Tuyên truyển để tránh những mâu thuẫn xuất hiện trong việc sử dụng nguồn nước giữa các hộ dân ở các thôn | Tăng cường truyền thông cho người dân sử dụng nước tiết kiệm, lồng ghép chung  vào hoạt động phổ biến thông tin, tham vấn trong quá trình thực hiện TDA |
| 2 | Nâng cao năng lực các đơn vị liên quan trong thực hiện EMDP | Cần nâng cao năng lực quản lý môi trường, xã hội cho cán bộ giám sát nội bộ của BQLDA sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8 tỉnh Hải Dương, các cán bộ cấp huyện, xã liên quan trong quá trình thực  hiện EMDP để phối hợp chặt chẽ với PPMU tỉnh | Lồng ghép nội dung tập huấn trong các khoá tập huấn nâng cao năng lực của TDA | PPMU tỉnh, các phòng ban cấp huyện, cán bộ xã liên quan trong quá trình thực hiện EMDP |
| 3 | Tuyển dụng lao động phổ thông làm việc tại đơn vị vận hành hồ | Trong quá trình thi công và hồ đi vào vận hành, có một số công việc cần lao động phổ thông, dự án sẽ ưu tiên tuyển dụng các hộ bị ảnh hưởng và đào tạo tại chỗ để làm việc được trong các đơn vị vận hành hồ | Đưa vào điều khoản của hợp đồng với nhà thầu thi công | PPMU tỉnh phối hợp với nhà thầu thi công |
| 4 | Chiến dịch tuyên truyền về giới, phòng chống HIV/AIDS và buôn bán phụ nữ cho cộng đồng dân tộc thiểu số | Người phụ nữ DTTS thường phải đảm nhiệm công việc làm vườn/đồi, chăn nuôi gia súc gia cầm, chăm sóc con cái…, Hạn chế tiếp cận đến giáo dục là một trong các nguyên nhân chính dẫn đến việc hạn chế các cơ hội việc làm phi nông nghiệp của  phụ nữ dân tộc | Phát tài liệu tuyên truyền về phòng chống HIV/AIDS trong các hoạt động của cộng đồng, Các tài liệu này được đưa vào trong các yêu cầu trong các điều khoản của hợp đồng với nhà thầu thi công, | PPMU tỉnh phối hợp với nhà thầu thi công |
| Công nhân công trường tập trung đông có thể xảy ra các tệ nạn xã hội, như cờ bạc, buôn bán ma túy, trộm cắp và nạn buôn bán  phụ nữ/trẻ em, nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác |

# Các biện pháp giảm thiểu khác

1. Bên cạnh các biện pháp giải quyết các tác động tiềm tàng như trình bày chi tiết ở các mục trên, Việc thực hiện TDA vẫn còn những tác động tiềm ẩn hay tích lũy như: vấn đề liên quan đến an ninh địa phương, dịch bệnh, bình đẳng giới… Đối tượng chịu các tác động chính là cộng đồng dân cư xung quanh khu vực tiểu dự án và công nhân trên công trường. Do vậy cần có các biện pháp kiểm soát đánh giá các tác động tích lũy, PPMU đã xây dựng chi tiết kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng (phụ lục 3), kế hoạch truyền thông & tham vấn cộng đồng có sự tham gia (phụ lục 4), kế hoạch bình đẳng giới (phụ lục 2) nhằm giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng từ các hoạt động của TDA. Các kế hoạch này được thực hiện trong suốt quá trình thực hiện tiểu dự án.
2. Chuẩn bị và thực hiện tốt Kế hoạch phát triển sức khỏe cộng đồng: PPMU Hải Dương phối hợp với trạm y tế, thường xuyên khám chữa bệnh định kỳ cho cộng đồng dân cư xung quanh khu vực TDA và công nhân thi công trên công trường nhằm phát hiện sớm các bệnh liên quan đến các tác động của TDA, lựa chọn các giải pháp kịp thời kiểm soát tác động và biện pháp cứu chữa cho các đối tượng bị ảnh hưởng, Những vấn đề trên được xây dựng cụ thể tại kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng (phụ lục 3).
3. Chuẩn bị và thực hiện tốt Kế hoạch Tuyên truyền, tham vấn: giúp cho người dân hiểu, nhận thức được các ảnh hưởng xấu từ các hoạt động của TDA, tự bản thân họ có các biện pháp phòng chống các ảnh hưởng bất lợi đến chính mình và gia đình, Ngoài ra, người dân là một giám sát viên thường trực giám sát hoạt động, thực hiện các kế hoạch, giải pháp và đưa ra góp ý để hoàn thiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tối đa các hoạt động, (chi tiết trong phụ lục 4)
4. Chuẩn bị và thực hiện tốt Kế hoạch Bình đẳng giới: TDA sẽ gây xáo trộn cuộc sống các hộ gia đình trong khu vực khi người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng nguồn nước, Đặc biệt với đặc thù của 05 xã/phường khi mà nguồn nước cho sản xuất lấy từ các hồ thuộc TDA, Việc thực hiện kế hoạch hành động giới giúp cho người dân cũng như nhà quản lý, chính quyền địa phương kiểm tra giám sát giảm thiểu các tác động tiêu cực liên quan đến giới (chi tiết trong phụ lục 2),

# Các can thiệp được đề xuất

# Dịch vụ khuyến nông

1. Theo báo cáo, việc thiếu các kỹ năng liên quan đến phát triển nông nghiệp là vấn đề nghiêm trọng vì nền kinh tế của khu vực TDA phụ thuộc chủ yếu vào nông nghiệp (cây trồng chính là vải và nhãn). Nhiều hộ gia đình được khảo sát nói rằng kỹ thuật canh tác kém là một trong những nguyên nhân gây nghèo đối với các hộ làm nông. Dịch vụ khuyến nông cần được mở rộng cho các hộ này, tập trung vào các kỹ thuật chăm sóc, thu hái và bảo quản, hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm. Sở Nông nghiệp cần làm việc với chính quyền địa phương để xác định các hộ gia đình cần nhận hỗ trợ này.

# Đào tạo và tập huấn

1. Các chương trình đào tạo kỹ năng cần được thiết kế phù hợp sau khi tham vấn các hộ về những ưu tiên, nhu cầu và trình độ học vấn. Các chương trình đào tạo cần tập trung đảm bảo cung cấp việc làm hoặc hỗ trợ thiết thực cho các hộ trực tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án về kỹ năng canh tác, thu hái và bảo quản sản phẩm nông nghiệp, thị trường xuất khẩu, v,v. Về phương diện này, cần phối hợp với nhà tuyển dụng tiềm năng hoặc các cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan xúc tiến đầu tư.
2. Cần đào tạo kỹ năng cho cả nam và nữ trong vùng tiểu dự án. Bên cạnh đó, thiết kế khóa học đào tạo lại nghề cho cả nam và nữ để loại bỏ nguy cơ mất việc do xây dựng tiểu dự án. Cần đào tạo cho cả hộ gia đình có thành viên bị tàn tật.

# Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục (STIs/ LTQĐTD)

1. Trong quá trình thực hiện tiểu dự án, dự kiến sẽ có lượng lớn người lao động sẽ tập trung vào các công trình xây dựng để hỗ trợ xây dựng. Dự kiến có thể xuất hiện vấn đề mại dâm và xung đột giữa người lao động và người dân địa phương. Theo kinh nghiệm cho thấy từ các dự án tương tự, tỷ lệ STI trong công nhân bị ảnh hưởng sẽ gia tăng nếu các biện pháp phòng ngừa không được thực hiện để đảm bảo an toàn người lao động chống lại sự lây lan của bệnh lây truyền qua đường tình dục, trong đó bao gồm HIV/AIDS. Một kế hoạch hành động sức khỏe cộng đồng (xem Phụ lục 2) được chuẩn bị dựa trên kinh nghiệm của các tiểu dự án trước đó, và trên cơ sở tham vấn với các cộng đồng để đảm bảo người lao động được bảo vệ và truyền thông về lây truyền qua đường tình dục.
2. Để giảm thiểu và giải quyết các rủi ro liên quan đến HIV/AIDS và các rủi ro có thể xảy ra đối với người phụ nữ trong thời gian xây dựng do sự hiện diện của công nhân xây dựng, cần xây dựng những chương trình nâng cao nhận thức và phòng chống nhận thức về HIV/AIDS, chú ý đặc biệt đến phụ nữ, Tiểu dự án cần triển khai phổ biến thông tin tốt hơn về HIV/AIDS và các rủi ro khác, chẳng hạn như lạm dụng ma túy. Các chương trình HIV/AIDS nên bao gồm các chiến dịch nâng cao nhận thức tại địa điểm xây dựng và trong cộng đồng, phát triển giáo dục đồng đẳng và giám sát cộng đồng kết hợp với nhận thức về di cư an toàn và thực hiện bởi Ban QLDA và Hội Phụ nữ các xã/phường của tiểu dự án và giám sát các chiến dịch công khai.
3. Là một phần của SA, một Kế hoạch Hành động Xã hội (SAP) đã được chuẩn bị để đảm bảo rằng lợi ích xã hội được tối đa hóa và tác động tiêu cực được giảm thiểu, nếu không tránh được, Khung SAP được trình bày trong Bảng dưới đây.

*Bảng 25: Kế hoạch hành động xã hội và khung đối với tiểu dự án*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Mục tiêu/ Kết quả** | **Đề xuất biện pháp giảm thiểu/ hành động** | **Các cơ quan liên quan** | **Chỉ tiêu** | **Ghi chú** |
| **Thu hồi đất và tái định cư** | - Hộ BAH được bồi thường theo kế hoạch tái định cư được phê duyệt | - Xây dựng kế hoạch tái định cư theo yêu cầu của Chính sách an toàn xã hội của NHTG, | * Ban QLDA * Trung tâm phát triển quỹ đất * Chính   quyền địa phương   * Đơn vị tư vấn | - Kế hoạch tái định cư bao gồm các  phương án bồi thường, hỗ trợ được đăng tải trên Trung tâm  Thông tin  Phát triển Việt Nam của Ngân hàng  Thế giới  (VDIC) tại Hà Nội, | - Chi phí dự tính của kế hoạch tái định cư |
| **Sinh kế liên quan đến**  **trồng trọt, chăn nuôi** | - Hộ bị ảnh hưởng sẽ được tham gia tham vào các chương trình đào tạo nghề miễn phí của địa phương | - Là một phần của RAP, và được xác định cụ thể khi có thiết kế chi tiết | * Ban QLDA * Trung tâm Phát triển Qũy đất * Chính   quyền địa phương   * Đơn vị tư | - TTPTQĐ sẽ xác định số lượng hộ đăng ký và kết nối với phòng  LĐTBXH cấp  huyện theo các chương | - |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Mục tiêu/ Kết quả** | **Đề xuất biện pháp giảm thiểu/ hành động** | **Các cơ quan liên quan** | **Chỉ tiêu** | **Ghi chú** |
|  |  |  | vấn | trình đào tạo hàng năm của địa phương |  |
| **Sự tiếp**  **cận và**  **tính cơ động** | * Tăng cường khả năng thoát lũ, khả năng giữ nước và điều tiết nước tại các hồ/đập * Cải thiện môi trường sinh thái và hình thành các hồ điều tiết; | - Thiết kế CSHT đường đi lại chi tiết (nếu có) đảm bảo thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển lưu thông hàng hoá, | * Ban QLDA * Các Sở/ban ngành (Sở NN và   PTNT, sở  Xây dựng, GTVT,)   * Trung tâm Phát triển Qũy đất * Chính   quyền địa phương   * Đơn vị tư vấn | - Tăng diện tích đất sản xuất do sự giảm thiểu lũ lụt, tăng  nguồn nước tưới,  - Phát triển điều kiện kinh tế cho khu vực tiểu dự án | - Chi phí bao gồm trong hợp đồng Tư vấn thiết kế chi tiết cho các thiết kế chi tiết |
| **Nguy cơ nhiễm HIV / AIDS** | - Giảm thiểu rủi ro phòng chống HIV / AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các vấn đề xã hội; Xâm phạm tình dục trẻ em, phụ nữ, lao động trẻ em trong giai đoạn xây dựng và xây dựng do khối lượng lớn lưu lượng vận chuyển dọc theo công trình đề xuất, | - Chương trình phòng chống và nâng cao nhận thức của cộng đồng về HIV / AIDS, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các vấn đề xã hội sẽ được xây dựng và được thực hiện bởi chính quyền địa phương và nhà thầu;  - Các biện pháp can thiệp này sẽ sẽ được bao gồm trong hợp đồng của nhà thầu, | * Ban QL DA * UBND tỉnh Hải   Dương/thành phố Chí Linh/Hội phụ nữ xã/phường   * Trung tâm Y tế dự phòng * Nhà thầu * Chính   quyền địa phương   * Đơn vị tư vấn | - Các chương trình can  thiệp về phòng chống HIV/AIDS,  STIs và các vấn đề xã hội sẽ được xây dựng và được thực hiện bởi chính quyền địa phương và nhà thầu; Những điều này sẽ được bao gồm  trong hợp đồng của nhà thầu | - Việc thực hiện và giám sát các hoạt động sẽ được thực hiện thông qua thiết kế chi tiết và tư vấn thực hiện; |
| **Phụ nữ** | - Mối quan tâm giới là vấn đề chính trong tất cả các hợp phần dự án, như là một phần của kế hoạch tái định cư, nâng cao nhận thức về HIV/AIDS,  STIs, các vấn đề xã hội, chiến | - Xây dựng kế hoạch hành động giới | * Ban QLDA * UBND tỉnh Hải   Dương/thà nh phố Chí Linh/Hội phụ nữ xã/phường   * Chính   quyền địa phương | - Một chiến lược về giới được xây dựng cho các hoạt động nêu trên, | - Xem Phụ lục 1 Kế hoạch hành động giới |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Mục tiêu/ Kết quả** | **Đề xuất biện pháp giảm thiểu/ hành động** | **Các cơ quan liên quan** | **Chỉ tiêu** | **Ghi chú** |
|  | lược phục hồi thu nhập, an toàn đường bộ, vấn đề lao động và kế hoạch truyền thông,  - Tối đa hóa việc làm của phụ nữ trong quá trình xây dựng, |  | - Đơn vị tư vấn |  |  |
| **Lao động** | - Hợp đồng của nhà thầu bao gồm đảm bảo điều kiện sức khỏe và an toàn lao động;  không phân biệt thanh toán giữa phụ nữ và nam giới, công việc có giá trị ngang nhau; ngăn ngừa sử dụng lao động trẻ em; và tuân thủ pháp luật lao động của chính phủ và nghĩa vụ điều ước quốc tế có liên quan;  - Tối đa hóa việc làm của phụ nữ và hộ bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng | - Hợp đồng của nhà thầu sẽ được xem xét để đảm bảo rằng các điều khoản liên quan đến sức khỏe và an toàn lao động (OH & S) và bao gồm bình đẳng giới được ban hành,  - Ưu tiên hộ bị ảnh hưởng cho lao động phổ thông; | * Ban QLDA tỉnh * Đoàn thể   xã hội  (công đoàn, thanh niên, hội phụ nữ,,,)   * Trung tâm dạy nghề   thành phố Chí Linh   * Chính   quyền địa phương   * Nhà thầu * Đơn vị tư vấn, | - Các điều khoản có liên quan đến: i) Sức khỏe và an toàn lao động; ii) thúc đẩy bình đẳng giới và  phòng, chống phân biệt đối xử giới; và  iii) phòng chống sử dụng lao động trẻ em đã  được bao  gồm trong hợp đồng của nhà thầu,   * Số lượng lao động địa phương làm việc theo giới tính, * Nam và nữ lao động phổ thông sẽ được trả công như nhau cho công việc như nhau, | * Sẽ lồng ghép trong hợp đồng của nhà thầu xây lắp. |

# Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh Hải Dương sẽ là chủ dự án, thông qua Ban QLDA Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương để thực hiện chương trình giảm thiểu, phối hợp với UBND thành phố Chí Linh, các sở ban ngành có liên quan như; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh; Sở NN và PTNT; Sở xây dựng, Ban chỉ đạo cấp tỉnh về HIV/AIDS, ma túy và mại dâm, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội,
2. Một nhóm chuyên gia tư vấn thực hiện dự án sẽ tham gia vào việc xây dựng năng lực cho các cơ quan thực hiện, Hội phụ nữ cấp xã, góp phần nâng cao việc thực hiện chương trình.

# Ngân sách

1. Một số hoạt động được đề xuất trong chương trình giảm thiểu nói trên sẽ được thực hiện lồng ghép trong các hoạt động của tiểu dự án. Bảng dưới đây tóm tắt kinh phí dự kiến thực hiện các hoạt động trong tiểu dự án.

Bảng 26:Ngân sách dự kiến cho chương trình giảm thiểu được đề xuất (VNĐ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Thành tiền** |
| 1 | Kế hoạch hành động tái định cư | 2.783.448.640 |
| 2 | Kế hoạch hành động giới | 0 |
| 3 | Kế hoạch hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng | 14.650.000 |
| 4 | Kế hoạch tham gia và Chiến lược Truyền thông đối với các bên liên quan | 10.000.000 |
| 5 | Phố biến thông tin | 0 |
|  | **Tổng (VNĐ)** | **2.808.098.640** |
|  | **Tổng (USD $) (1 usd = 22.850 VNĐ)** | **122.893** |

# VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

# Phân tích các bên liên quan

# Xác định các bên liên quan

1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án, UBND tỉnh Hải Dương là cơ quan chủ quản, chịu trách nhiệm toàn diện giám sát và chỉ đạo thực hiện dự án dưới sự giám sát và chỉ đạo của các sở ban ngành liên quan, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương sẽ đại diện cho cơ quan chủ quản để điều hành mọi hoạt động của dự án.
2. Tham gia thực hiện dự án còn có các sở, ngành, UBND thành phố Chí Linh, các phường, xã, khu vực tư nhân và cộng đồng dân cư thuộc địa bàn tiểu dự án, các đơn vị tư vấn…

# Vai trò của các bên liên quan

1. **Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn**: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý toàn bộ dự án, Các tỉnh sẽ chịu trách nhiệm thực hiện sửa chữa nâng cấp các đập trong Hợp phần 1 và Bộ NN&PTNT sẽ điều phối các hoạt động với Bộ Công thương và Bộ TN&MT trong Hợp phần 2, Dự án sẽ hỗ trợ các can thiệp với mục đích nâng cao liên kết ngành dọc giữa các cấp Chính phủ, cũng như liên kết ngành ngang trong hệ thống quản trị, trong đó có chính quyền cấp tỉnh và các tổ chức lưu vực sông trong tương lai, Trong bối cảnh này, Bộ NN&PTNT đã được giao trách nhiệm quản lý an toàn đập cấp nhà nước, Bộ đã thành lập Ban An toàn đập (DSU), sau này được ghép vào Tổng cục Thủy lợi năm 2009, Bộ NN&PTNT có kinh nghiệm thực hiện các dự án do Ngân hàng tài trợ, bao gồm cả các dự án có hợp phần an toàn đập như dự án VWRAP và NDRMP, và chứng minh được năng lực thực hiện.
2. **Bộ NN&PTNT sẽ là cơ quan điều hành chính của dự án chịu trách nhiệm thực hiện chung thông qua Ban quản lý trung ương các dự án thủy lợi (CPO),** Một Ban quản lý dự án trung ương (CPMU) sẽ được Bộ NN&PTNT thành lập thuộc CPO có trách nhiệm thực hiện toàn dự án, CPMU sẽ điều phối giữa 3 Bộ và giám sát đấu thầu, quản lý tài chính, quản lý chính sách an toàn, giám sát và quản trị tổng thể dự án, Một đơn vị quốc tế cấp trung ương sẽ hỗ trợ CPMU trong việc thực hiện khung và giám sát toàn bộ việc thực hiện, Đơn vị này sẽ tiếp tục góp phần vào hợp nhất và lồng ghép cách tiếp cận khung vào các hệ thống Chính phủ nhằm giúp cải thiện hiệu suất an toàn đập, Đơn vị này dự kiến sẽ được chỉ định trong vòng sáu tháng kể từ ngày dự án có hiệu lực.
3. **Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương:** là cơ quan chủ quản, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ dự án.
4. **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương,** Sau đây, gọi tắt là Ban Quản lý dự án đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, là đơn vị sự nghiệp đặc thù, áp dụng cơ chế tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật, chịu sự chỉ đạo quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra và hướng dẫn về chuyên môn của các cơ quan có liên quan, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao về quản lý tổ chức bộ máy và hoạt động.
5. **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương** được thành lập theo Quyết định số 3527/QĐ-UBND ngày 25/09/2018 của UBND tỉnh Hải Dương trên cơ sở sáp nhập Ban Quản lý các dự án giao thông (Sở Giao thông vận tải), Ban Quản lý các dự án công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Ban Quản lý

dự án công trình thủy lợi nội đồng (Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương).

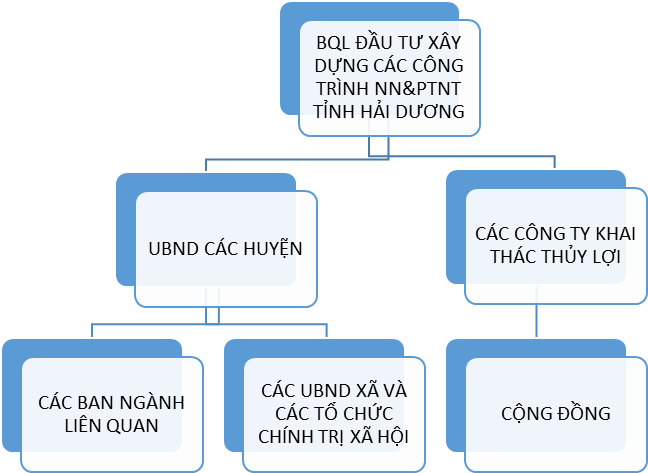
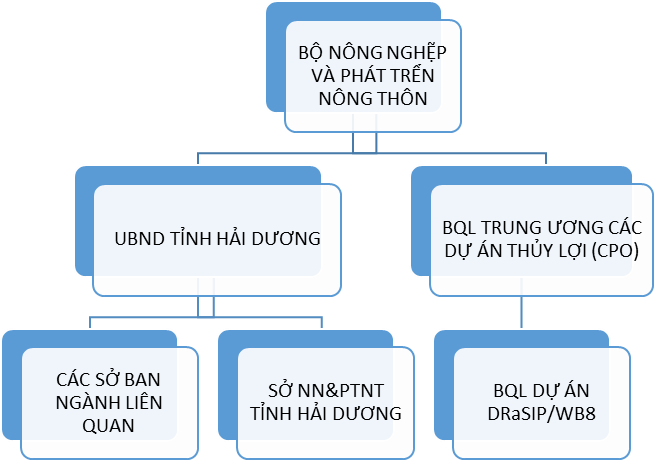
1. **Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Chí Linh**: Là cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn thành phố Chí Linh, giao mặt bằng cho các nhà thầu thi công đúng tiến độ, Phối hợp với Ban QLDA thực hiện công tác tái định cư và giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ thi công và chính sách an toàn xã hội của Ngân hàng thế giới.
2. **Hội Phụ nữ tỉnh Hải Dương:** là một tổ chức chính trị - xã hội tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh với hệ thống tổ chức chặt chẽ gồm 3 cấp: tỉnh, huyện/thành phố và cấp xã/phường, Tổ chức Hội LHPN tỉnh hoạt động vì sự bình đẳng, phát triển của phụ nữ, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ; đoàn kết, tổ chức hướng dẫn phụ nữ nâng cao hiểu biết về giới và trình độ mọi mặt để góp phần thực hiện công nghiệp hóa

– hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đại diện cho quyền bình đẳng, dân chủ, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, tham gia quản lý Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Đoàn kết, vận động, tổ chức, hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, xã hội chủ nghĩa.

1. **Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Hải Dương/Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thành phố Chí Linh/UBND các xã/phường** chịu trách nhiệm Quản lý vận hành, khai thác các công trình thuộc TDA sau khi TDA hoàn thành.
2. **Ủy ban nhân dân xã/phường, thành phố Chí Linh:** UBND xã/phường, thành phố Chí Linh phối hợp với BQLDA trong công tác công bố thông tin của dự án tới người dân, triển khai các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; phối hợp với các nhà thầu thi công các hạng mục công trình; Phối hợp với BQLDA, các chuyên gia giám sát độc lập trong quá trình giám sát các hoạt động của nhà thầu thi công công trình tại các xã/phường thuộc tiểu dự án, UBND cấp phường/xã cũng là nơi nắm bắt thông tin phản hồi của người dân về những vấn đề bất lợi đối với người dân do dự án gây ra, Vai trò của UBND cấp phường/xã rất quan trọng và không thể thiếu trong nhiều hoạt động cả trong quá trình chuẩn bị, cũng như trong quá trình thực hiện tiểu dự án.

# Sơ đồ dưới đây trình bày cấu trúc của các bên liên quan tham gia dự án:

*Hình 2: Sơ đồ các bên liên quan*



*Hình 3: Sơ đồ thể hiện mối quan hệ của các đơn vị liên quan*

# Vai trò của các hội và các tổ chức cộng đồng

1. Các tổ chức hội, hiệp hội, các tổ chức cộng đồng và những người sử dụng các hạng mục công trình của tiểu dự án sẽ có những vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện tiểu dự án.
2. **Các tổ chức chính trị - xã hội như:** Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi… là những hội có lực lượng hội viên đông đảo và cơ cấu đến từng khu dân cư/thôn/xóm (thôn), Các tổ chức xã hội là người giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện dự án, nhất là giai đoạn thu hồi đất, đền bù tái định cư nhằm đảm bảo phù hợp với chính sách an toàn của Ngân hàng thế giới và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, Các tổ chức hội, đoàn thể ở cộng đồng là nơi nắm bắt các vấn đề và phản hồi của người dân liên quan đến các hoạt động của tiểu dự án trong quá trình chuẩn bị, thi công công trình và đưa vào sử dụng, Việc giám sát của các tổ chức hội phối hợp với các thôn tại cộng đồng có ý

nghĩa quan trọng trong việc giúp Ban Quản lý dự án, nhà thầu kịp thời điều chỉnh thiết kế, hoạt động thi công nhằm giảm thiểu các tác động không mong muốn tới đời sống của người dân trong khu vực bị ảnh hưởng.

1. **Các thôn/xóm/khu dân cư**: Là cấp làm việc trực tiếp với người dân, phản ánh những vấn đề đặt ra trong quá trình chuẩn bị, thi công và đưa vào sử dụng của các hạng mục của dự án, Thôn/xóm sẽ là nơi cuối cùng triển khai các hoạt động cung cấp thông tin của tiểu dự án tới người dân và là nơi đầu tiên tiếp nhận các thông tin phản hồi của người dân liên quan đến tiểu dự án, Vai trò của thôn/xóm rất quan trọng, mang tính khách quan và kịp thời khi phản ánh những nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của người dân đối với việc giám sát quá trình thực hiện tiểu dự án nhằm giảm thiểu những tác động không mong muốn của tiểu dự án tới đời sống của người dân, Ngoài ra, các ý kiến phản ánh từ thôn/xóm còn giúp cho việc xây dựng các hạng mục của tiểu dự án phù hợp hơn, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội hơn đối với cộng đồng dân cư trong khu vực hưởng lợi trực tiếp của tiểu dự án.

# Phối hợp giữa các bên liên quan

1. Trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện tiểu dự án, sự tham gia của các bên liên quan có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, Trước hết, với sự tham gia trong quá trình thiết kế các hạng mục công trình sẽ góp phần quan trọng trong việc điều chỉnh thiết kế, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tăng hiệu quả kinh tế - xã hội, giảm đến mức tối thiểu các tác động không mong muốn do các công trình xây dựng gây ra đối với đời sống của người dân trong cộng đồng, nhất là các tác động về xã hội và môi trường trong quá trình thi công và vận hành các công trình xây dựng, Sự phối hợp giữa các bên liên quan không tốt sẽ là tiềm tàng của sự lãng phí nguồn lực, gây chậm tiến độ thực hiện tiểu dự án, có tác động không tốt về mặt xã hội và môi trường…Trong quá trình thực hiện tiểu dự án, sự phối hợp giữa các bên tốt sẽ đảm bảo dự án triển khai đúng tiến độ.
2. Một trong những tiêu chí cho sự thành công của tiểu Dự án là để đảm bảo rằng các bên liên quan được tham gia vào tất cả các giai đoạn của tiểu dự án, Mục tiêu này yêu cầu xây dựng Kế hoạch tham gia, Vai trò và trách nhiệm đạt được sự tham gia được phân bổ cho các bên liên quan như sau:

*Bảng 27: Vai trò các bên liên quan trong quá trình chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn Cơ quan** | **Chuẩn bị tiểu Dự án** | **Thực hiện tiểu Dự án** | **Quản lý, vận hành, bảo dưỡng** |
| **Cộng đồng** | Tham gia trong quá trình xây dựng tiểu dự án (thảo luận và thống nhất lựa chọn các phương án kỹ thuật phù hợp đối với công trình dự kiến  xây dựng tại xã/phường) | Tham gia giám sát thông qua đại diện của cộng đồng | Tự quản lý, vận hành, bảo dưỡng các công trình của tiểu dự án; |
| **Chính quyền xã** | Phối hợp với Ban Quản lý dự án trong việc triển khai các nhiệm vụ phù hợp chức  năng theo đề nghị của Ban Quản lý dự án | Tham gia giám sát | Tổ chức quản lý một số hạng mục thực hiện trên địa bàn phường/xã |
| **UBND tỉnh** | Thông qua Ban Quản lý dự án hỗ trợ điều phối và thực hiện tiểu dự án;  Phê duyệt Báo cáo NCKT, TKCS, Tổng mức đầu tư; | Thông Ban Quản lý dự án tỉnh điều phối và hỗ trợ thực hiện tiểu dự án; Phê duyệt Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn  Nhà thầu |  |
| Hội Phụ nữ | Phối hợp với đơn vị tư vấn  để sàng lọc các tác động có | Trên cơ sở ngân sách dự  kiến phân bổ cho từng | Tham gia trong các tổ chức  cộng đồng để quản lý, bảo |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giai đoạn Cơ quan** | **Chuẩn bị tiểu Dự án** | **Thực hiện tiểu Dự án** | **Quản lý, vận hành, bảo dưỡng** |
|  | thể xảy ra để đưa ra các can thiệp phù hợp với từng nhóm đặc thù, | kế hoạch hành động, hỗ trợ đơn vị thực hiện triển khai các hoạt động trong kế hoạch đã được phê  duyệt | quản các tuyến đường/ công trình của dự án, |
| * Công ty TNHH MTV   Khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Hải Dương (trực tiếp là Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thành phố Chí Linh)   * Ủy ban nhân dân xã/phường | Phối hợp với đơn vị kỹ thuật để lựa chọn phương án thiết kế phù hợp với hiện trạng và quy hoạch của tỉnh | Phối hợp với Nhà thầu thi công để xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, giảm thiểu tác động đến sản xuất của người dân | Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thành phố Chí Linh sẽ chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng đối với các công trình thuộc TDA |
| - Sở NN và PT NT/Ban QLDA XDCT NT &PTNT | * Chủ trì thẩm định (Sở NN và PTNT) * Tham gia thẩm định BCNCKT, TKCS, TKCS,   TM đầu tư, dự toán | Phối hợp với các bên liên quan để giám sát việc thực hiện ĐTM | Phối hợp với các bên liên quan để giám sát việc thực hiện ĐTM |
| - Sở Tài nguyên Môi Trường | * Thẩm định các thủ tục thu hồi đất * Thẩm định phần Đánh giá TĐMT |
| - Sở tài chính | - Thẩm định chí phí, đơn giá |
| - Kho bạc nhà nước tỉnh | - Cấp phát vốn theo giai đoạn đầu tư và quản lý cấp phát |
| **Các nhà thầu tư vấn** | Lập HSKSXD, BCNCKT,  TKCS, TKKTTC, dự toán | Tham gia giám sát thi  công |  |
| **Các nhà thầu xây lắp** |  | Thi công xây lắp |  |

# Nguồn nhân lực chuẩn bị và triển khai thực hiện tiểu dự án

1. Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Hải Dương có nhiệm vụ trình các cơ quan thẩm định phê duyệt và thực hiện tiểu dự án sau khi được phê duyệt, tổ chức nghiệm thu, quyết toán, bàn giao dự án cho cơ quan quản lý tuân thủ các quy tắc xây dựng và quản lý đầu tư.

# Mô hình tổ chức nhân sự

1. Theo Hiến pháp năm 2013, đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013,Cùng với điều này, đất sẽ được xác định và phân bổ sử dụng cho các mục đích của nó trong theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Theo dự án này, các vùng đất thường được quản lý bởi nhà nước (căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/tài liệu) bao gồm sông, hồ, đầm, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, Tuy nhiên, nhà nước có thể phân bổ một phần của những vùng đất này đến người dân địa phương để sử dụng lâu dài – cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất, Hầu hết các vùng đất bị ảnh

hưởng của tiểu dự án này đang được sử dụng bởi người dân địa phương, chẳng hạn như đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

1. Liên quan đến tổ chức xã hội, trong thời gian chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án, UBND tỉnh Hải Dương đóng vai trò là cơ quan điều hành và chỉ đạo thực hiện tiểu dự án với sự giám sát của các cơ quan có liên quan, Ban QLDA sẽ, thay mặt cho Cơ quan điều hành, quản lý tất cả các hoạt động của tiểu dự án.
2. Các cơ quan thực hiện bao gồm các Sở có liên quan, Uỷ ban nhân dân thành phố Chí Linh, Uỷ ban nhân dân xã/phường và các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội nông) và các cộng đồng trong vùng tiểu dự án.

# Chiến lược truyền thông, tham vấn và tham gia đối với các bên liên quan

# Chiến lược truyền thông, tham vấn với các bên liên quan

1. Các mục tiêu chủ yếu của chiến lược truyền thông là bảo đảm sự tham gia của cộng đồng bị ảnh hưởng, của các hộ gia đình, chính quyền địa phương, tổ chức có liên quan trong việc chia sẻ thông tin về tiểu dự án, tư vấn về lựa chọn phương án kỹ thuật, dự kiến các tác động về đất đai, thu nhập và tài sản trên đất,,, Họat động công bố thông tin là một đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy tiến độ của tiểu dự án trong quá trình thực hiện, chuẩn bị, và khi tiểu dự án đi vào hoạt động với sự đồng thuận của cộng đồng, chính quyền sở tại và các đơn vị có liên quan, Điều này sẽ giảm thiểu khả năng xung đột phát sinh và rủi ro khác, tăng hiệu quả đầu tư và ý nghĩa xã hội của tiểu dự án.
2. Mục tiêu tổng quát của Chiến lược truyền thông ở cấp địa phương là để đảm bảo rằng các thiết kế và phương pháp thực hiện các hợp phần phù hợp về mặt kinh tế và xã hội.
3. Các mục tiêu cụ thể của Chiến lược truyền thông là:

Phổ biến thông tin kịp thời về các hợp phần của dự án;

* Thành lập cơ chế chia sẻ thông tin/đối thoại 2 chiều với các bên liên quan,
* Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường thông qua việc tập trung vào quản lý nước thải;
* Để thay đổi hành vi về bình đẳng giới.

1. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện sẽ có một số rủi ro và thách thức của Chiến lược truyền thông chính là:

# Đối với: Chính quyền địa phương:

* + Không quan tâm đủ đến phụ nữ, người mù chữ và nhóm dễ bị tổn thương;
  + Các cuộc họp thông tin và tham vấn thường loại trừ người nghèo;
  + Kỹ năng và năng lực của cán bộ địa phương còn yếu để tiến hành các hoạt động chiến lược truyền thông.

# Đối với: Cộng đồng:

* + Phụ nữ thường phải đối mặt với những rào cản văn hóa cao, và mối quan hệ giới truyền thống và ràng buộc thời gian làm hạn chế sự tham gia của họ trong các cuộc tham vấn và ra quyết định.
  + Nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo nhất, người khuyết tật và một số đồng bào dân tộc thiểu số không có thời gian hoặc thiếu phương tiện để tham dự các cuộc họp hoặc để tiếp cận phương tiện truyền thông đại chúng.

1. Phương tiện truyền thông đại chúng: Nguồn phương tiện truyền thông đại chúng của tỉnh (đài phát thanh và truyền hình) để sản xuất các chương trình địa phương cụ thể còn hạn chế.

# Các nhóm chính các bên liên quan đã được xác định tham gia vào Chiến lược truyền thông:

* + Chính quyền địa phương, tức là Ban Quản lý dự án sẽ có trách nhiệm tổng thể đối với việc thực hiện Chiến lược truyền thông;
  + Tổ chức chính trị xã hội (Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh ): chịu trách nhiệm đối với các chiến dịch phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức;
  + Đối tượng hưởng lợi và kết quả của các tiểu dự án, bao gồm cả người dân bản địa, người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương;
  + Phương tiện truyền thông địa phương sẽ phát triển và phổ biến các tài liệu Thông tin - Nhận thức - Giáo dục;
  + Khu vực tư nhân là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể hưởng lợi từ cơ hội kinh doanh liên quan đến cải thiện cơ sở hạ tầng.

1. Các thông điệp truyền thông được đưa đến các bên liên quan và phải đơn giản để người dân có trình độ học vấn thấp có thể hiểu được, Thông điệp sẽ được thiết kế riêng cho từng cộng đồng địa phương, tức là có tham chiếu về vấn đề giới, nghèo đói và dân tộc thiểu số, Các ngôn ngữ được sử dụng trong các hoạt động truyền thông phải là tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc dựa trên đánh giá sự hiểu biết ngôn ngữ của các nhóm mục tiêu, Đa số các cộng đồng có thể hiểu được tiếng Việt thành thạo, Các tài liệu sẽ được kiểm tra trước khi sử dụng rộng rãi.
2. Các thông điệp thông tin một chiều cần tập trung vào những lợi ích chính của tiểu dự án, các giai đoạn thực hiện tiểu dự án – các tác động – cả tích cực và tiêu cực – đối với cộng đồng và việc tham gia dự kiến của cộng đồng.
3. Các cơ chế để đảm bảo chia sẻ thông tin và đối thoại với cộng đồng sẽ được phát triển thông qua:
   * Xây dựng một phương pháp tư vấn phù hợp với văn hóa truyền thống của địa phương, và có xét đến các biện pháp của NHTG về giới, nghèo đói và an toàn xã hội;
   * Các hoạt động thiết kế tối đa hóa sự tham gia của người dễ bị tổn thương để đảm bảo rằng những vấn đề quan tâm của địa phương được giải quyết trong quá trình thực hiện;
   * Cung cấp một cơ chế phản hồi cho các cộng đồng bị ảnh hưởng, đảm bảo quan điểm của họ được đưa vào giai đoạn chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án;
   * Xác định các kênh tham vấn được cộng đồng ưa thích.
4. Các hoạt động của Chiến lược Truyền thông sẽ được tổ chức dưới sự hợp tác với UBND phường/xã, Trách nhiệm thực hiện chiến lược sẽ được chia sẻ giữa nhiều bên liên quan:
   * Ban Quản lý dự án sẽ chịu trách nhiệm tổng thể cho việc cập nhật và thực hiện Chiến lược truyền thông và sẽ chịu trách nhiệm đối với các hoạt động nhắm mục tiêu vào Khu vực tư nhân;
   * Hội phụ nữ sẽ hỗ trợ việc phổ biến thông tin và tiến hành các hoạt động nâng cao nhận thức về thực hành vệ sinh môi trường, bao gồm cả hợp tác với các trường học để giáo dục trẻ em, và các hoạt động về việc tăng cường bình đẳng giới.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng năng lực sẽ được tổ chức như sau:

* Cán bộ Ban Quản lý dự án phụ trách truyền thông: Tập huấn về kỹ năng truyền thông;
* Hội Phụ nữ: Đào tạo kỹ năng truyền thông của các thành viên hội phụ nữ;
* Các thành viên chính của Hội phụ nữ: đào tạo về bình đẳng giới thông qua việc áp dụng phương pháp tập huấn (ToT);
* Các bên liên quan sẽ nhận được sự hỗ trợ từ các Chuyên gia thể chế trong nước và quốc tế cũng như các Chuyên gia xã hội và giới trong nước và quốc tế.

# Nguồn lực cần thiết

1. Các nguồn lực cần thiết để thực hiện Chiến lược truyền thông đề cập đến:
   * Chi phí cho các hoạt động Chiến lược truyền thông sẽ có trong Chương trình xây dựng;
   * Chi phí tư vấn cho các Chuyên gia thể chế trong nước và quốc tế và các Chuyên gia xã hội và giới trong nước và quốc tế.

*Bảng 28: Chiến lược truyền thông, tham vấn với các bên liên quan*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Rủi ro/thách thức chính** | **Các bên liên quan chính** | **Thông điệp** | **Phương tiện truyền thông (Kênh/ngôn**  **ngữ/hoạt động)** | **Thời hạn** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (người, ngân sách)** |
| 1, Tăng cường lợi ích của tiểu dự án và giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn, thông qua thông tin kịp thời về các hợp phần tiểu dự án và các lợi ích kinh tế-xã hội tiềm ẩn, đặc biệt đối với người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số, | Không quan tâm đủ đến phụ nữ, người mù chữ và đồng bào dân tộc thiểu số,  Người nghèo bị loại trừ không tham gia các cuộc họp phổ biến thông tin  Hạn chế các chương trình phát thanh – truyền hình | Ban quản lý dự án  Hội phụ nữ, Người hưởng lợi của tiểu dự án  Truyền thông địa phương Khu vực tư nhân địa phương, | Kế hoạch các giai đoạn thực hiện tại các khu vực khác nhau, Tác động – cả tích cực và tiêu cực – đối với cộng đồng, | Thông điệp phù hợp với bản sắc của cộng đồng địa phương  Tiếp cận phương tiện truyền thông (đài, báo, TV, trang web, vv)  Hệ thống truyền thanh xã/phường, Các cuộc họp cấp xã | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ tiểu dự án phù hợp với tiến độ các hoạt động, Bắt đầu thực hiện tiểu dự án: | Ban quản lý dự án Hội phụ nữ Phương tiện  truyền thông địa phương | Nguồn vốn thông qua Chương trình xây  dựng năng lực  Chi phí tư vấn cho Chuyên gia thể chế trong nước và quốc tế và Chuyên gia giới và xã hội |
| 2, Thành lập cơ chế chia sẻ thông tin/đối thoại 2 chiều với các bên liên quan, đặc biệt về việc giảm thiểu và phòng chống ngập lụt, vệ sinh hồ đập | Mối quan hệ giới truyền thống và ràng buộc thời gian của phụ nữ,  Giải pháp kinh tế cho nhóm dễ bị tổn thương còn nghèo | Ban quản lý dự án  Đơn vị thực hiện tiểu dự án  Hội phụ nữ, Người hưởng lợi,  Khu vực tư  nhân địa phương, | Vai trò tham vấn các bên liên quan trong tiểu dự án  Trình bày cơ chế phản hồi Thảo luận về các kênh  tham vấn được ưu tiên, | Họp cấp xã Thảo luận nhóm  Hội thảo cộng đồng Truyền thông địa phương,  Sử dụng phương pháp và công cụ có sự tham gia, | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ tiểu dự án phù hợp với tiến độ các hoạt động, | Ban quản lý dự án Hội phụ nữ Phương tiện  truyền thông địa phương | Như trên |
| 3, Nâng cao nhận thức cộng đồng về hành vi và vệ môi trường | Hạn chế/Thiếu tài liệu IEC và các chương trình phát thanh – truyền hình | Ban quản lý dự án  Hội phụ nữ, Truyền thông địa phương | Lợi ích chính của vệ sinh môi trường: cải thiện sức  khỏe, môi | Họp cộng đồng, Thảo luận nhóm Cuộc họp riêng cho phụ nữ  Chương trình phát | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ dự án phù  hợp với tiến độ | Ban quản lý dự án Hội phụ nữ  Phương | Như trên |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Rủi ro/thách thức chính** | **Các bên liên quan chính** | **Thông điệp** | **Phương tiện truyền thông (Kênh/ngôn**  **ngữ/hoạt động)** | **Thời hạn** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (người, ngân sách)** |
|  |  | Người hưởng lợi,  Khu vực tư nhân, | trường sống Sự tham gia dự kiến của cộng đồng vào các hoạt động vệ sinh môi trường | thanh truyền hình, | các hoạt động, | tiện truyền  thông địa phương |  |
| 4, Truyền thông các biện pháp hỗ trợ sinh kế phục hồi thu nhập | Hạn chế các chương trình phát thanh – truyền hình | Ban quản lý dự án  Đơn vị thực hiện tiểu dự án  Hội phụ nữ Hiệp hội do- anh nghiệp  Sở lao động thương binh, xã hội | Cơ hội việc làm cho phụ nữ và nam giới trong các công trình xây dựng của dự án  Cơ hội đánh bắt thủy sản hoặc các nghề khác nhờ  công trình sửa chữa hồ | Thảo luận nhóm,  Tổ chức các cuộc họp riêng cho phụ nữ, | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ tiểu dự án phù hợp với tiến độ các hoạt động, | Ban quản lý dự án | Như trên |
| 5, Truyền thông cơ chế và thủ tục giải quyết khiếu nại, | Hạn chế các chương trình phát thanh – truyền hình | Ban quản lý dự án  Đơn vị thực hiện tiểu dự án | Đối tượng và địa điểm liên lạc  Loại khiểu nại  Thủ tục: cần cung cấp thông tin gì, thời gian dự  kiến để giải quyết | Các chương trình phát thanh – truyền hình, | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ tiểu dự án phù hợp với tiến độ các hoạt động, | Ban quản lý dự án Đơn vị thực hiện tiểu dự án | Như trên |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Rủi ro/thách thức chính** | **Các bên liên quan chính** | **Thông điệp** | **Phương tiện truyền thông (Kênh/ngôn**  **ngữ/hoạt động)** | **Thời hạn** | **Trách nhiệm** | **Nguồn lực (người, ngân sách)** |
| 6, Thúc đẩy bình đẳng giới và chú trọng đến trao quyền cho phụ nữ và khả năng tiếp cận cơ hội kinh tế của phụ nữ; | Không có sự quan tâm của nam giới do quan hệ giới truyền thống  Hạn chế các chương trình phát thanh – truyền hình | Ban quản lý dự án  Hội phụ nữ Truyền thông địa phương, | Cơ hội việc làm cho phụ nữ và nam giới trong các công trình xây dựng của tiểu dự án Nâng cao nhận thức về rủi ro nạn  buôn bán người | Họp xã/phường, Thảo luận nhóm với cả nam giới và phụ nữ,  Chương trình phát thanh truyền hình, | Từ khi bắt đầu thực hiện tiểu dự án và trong suốt chu kỳ tiểu dự án phù hợp với tiến độ các hoạt động, | Ban quản lý tiểu dự án  Hội phụ nữ Phương tiện  truyền thông địa phương | Như trên |

# Sự tham gia của các bên liên quan

1. Sự tham gia của các bên liên quan trong các giai đoạn thực hiện tiểu dự án phù hợp với chính sách của NHTG về giới, giảm nghèo và an toàn xã hội, các cuộc tham vấn với các tổ chức có liên quan, người dân địa phương được thiết kế để phát huy tối đa sự tham gia của họ và đảm bảo rằng mối quan tâm của địa phương được giải quyết trong mối giai đoạn của tiểu dự án, Đặc biệt quan tâm đến phụ nữ - đối tượng chịu thiệt thòi bởi đói nghèo, thành kiến phân biệt chủng tộc và giới, Tham vấn cộng đồng và sự tham gia được thực hiện thông qua việc chia sẻ thông tin và các cuộc tham vấn cộng đồng.

# Các vấn đề cần được giải quyết thông qua sự tham gia bao gồm:

* + Đánh giá về các vấn đề cơ sở hạ tầng hiện nay ở địa phương (hệ thống thủy lợi và hệ thống kè hiện trạng);
  + Giới thiệu chung về các công trình của tiểu dự án tập trung vào lợi ích xã hội tiềm ẩn, đặc biệt đối với người nghèo, phụ nữ và nhóm dễ bị tổn thương;
  + Phương thức Người bản địa và sự tham gia của phụ nữ vào các giai đoạn thi công, giám sát và bảo trì sau thi công của các hoạt động (bao gồm cả giới thiệu cơ chế giải quyết khiếu nại);
  + Trình bày các thiết kế xây dựng được chọn và các khung triển khai hoạt động, bao gồm giám sát;
  + Giám sát sự tham gia của cộng đồng vào việc thực hiện tiểu dự án.

# Phương pháp tham gia

1. Sự tham gia được đảm bảo trong từng giai đoạn thực hiện tiểu dự án thông qua:
   * Các cuộc họp hàng tuần và đột xuất của cán bộ chính quyền địa phương tại ban ngành liên quan
   * Cuộc họp liên sở
   * Tham quan hiện trường thi công
   * Chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan
   * Công bố thông tin kịp thời cho cộng đồng, bao gồm cả phụ nữ, nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương
   * Cuộc họp tham vấn với các tổ chức đoàn thể, các đối tượng hưởng lợi và khu vực tư nhân
   * Đưa quan điểm của cộng đồng bị ảnh hưởng vào quá trình ra quyết định
   * Giáo dục và chiến dịch nâng cao nhận thức
   * Giám sát các hợp phần của tiểu dự án
   * Phổ biến báo cáo hàng tháng giữa các bên liên quan của chính quyền địa phương
2. Các phương pháp thu thập dữ liệu với các đối tượng hưởng lợi là phương pháp định lượng thông qua các cuộc thảo luận nhóm với thành viên chủ chốt của cộng đồng, và thảo luận nhóm tách biệt về giới với người dân bản địa nghèo tại khu vực dự án.
3. Mốc thời gian cho các hoạt động có sự tham gia, Tối đa hóa sự tham gia của các cộng đồng và chính quyền địa phương, các cuộc tham vấn được tổ chức theo từng lộ trình thực hiện tiểu dự án.
   * Trong giai đoạn đánh giá và lập kế hoạch, các cuộc tham vấn rất hữu ích cho việc xác định nhận thức của các bên liên quan về các vấn đề và mối quan tâm của họ khi tham

gia ứng phó, Kiến thức này cũng rất hữu ích để xây dựng các thông điệp thông tin có ý nghĩa từ quan điểm của đối tượng mục tiêu, Sự tham gia và nhận thức của cộng đồng địa phương trong việc xác định tính dễ bị tổn thương và phương án thích ứng cũng góp phần vào sự chấp thuận của cộng đồng đối với các hoạt động của tiểu dự án;

* + Trong quá trình tham vấn cộng đồng và thảo luận nhóm tập trung được thực hiện vào tháng 6/2019 để cung cấp thông tin định lượng và và gợi ra những quan điểm và mối quan tâm của người hưởng lợi tiềm ẩn liên quan đến các công trình khác nhau của tiểu dự án, Các cuộc tham vấn cộng đồng đã được thực hiện và phối hợp bởi các nhóm tư vấn khác nhau, Các cuộc tham vấn này đã được tiến hành như một phần của giai đoạn chuẩn bị;
  + Trong giai đoạn thực hiện, các cuộc tham vấn cộng đồng lần thứ 2 được tổ chức, Những cuộc tham vấn này góp phần vào sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc thiết kế chi tiết các công trình hồ đập và kế hoạch tham gia của cộng đồng tại các địa điểm thực hiện hợp phần, Mục tiêu của họ để đảm bảo rằng sự lựa chọn các phương án thiết kế, thi công và bảo trì công trình tại công trường được người dân chấp nhận.

# Lồng ghép giới

1. Nhằm tìm hiểu sự phân công lao động theo giới, khảo sát có tiến hành phỏng vấn các hộ dân các câu hỏi liên quan xem ai sẽ là người thực hiện chính các công việc như: đi chợ, nấu nướng, chăm sóc con cái, … trong gia đình, Khái niệm này xem xét các nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau giữa nam và nữ, ai làm gì, khi nào, bằng cách nào và trong bao lâu v,v, và sự công nhận xã hội về lao động, Sự phân công các hoạt động trên cơ sở giới tính được mọi thành viên của từng cộng đồng/ xã hội biết và hiểu rõ;
2. Người phụ nữ trong gia đình không chỉ phải đảm nhiệm công việc sản xuất mà mang thêm các gánh nặng các công việc được coi là “lặt vặt” khiến cho họ lúc nào cũng “đầu tắt mặt tối”, Sự tiến bộ của cộng đồng được đánh giá thông qua sự tiến bộ của người phụ nữ trong cộng đồng đó, Và sự tiến bộ của phụ nữ lại được phản ánh thông qua việc họ có được “giải phóng”, chia sẻ những công việc nội trợ trong gia đình và tham gia vào các công việc chung của xã hội hay không? Nhìn chung, người phụ nữ phải thực hiện đầy đủ các công việc sau: (i) Công việc sản xuất (sản xuất hàng hóa, dịch vụ để tiêu dùng trong gia đình hoặc tạo thu nhập) (ii) Công việc tái sản xuất (sinh con, chăm sóc con cái, làm nội trợ và duy trì cuộc sống gia đình) (iii) Công việc cộng đồng (cung cấp và duy trì các nguồn lực được mọi người sử dụng như nước, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, tham gia lãnh đạo, Nam giới có xu hướng tham gia vào các công việc cộng đồng và sản xuất.

*Bảng 29: Phân công lao động trong các hộ gia đình BAH*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** | **Cả hai** | **Nam giới** | **Nữ giới** |
| Đi chợ | 3,3% | 3,6% | 93,1% |
| Nấu nướng | 5,1% | 3,6% | 91,3% |
| Chăm sóc người già, trẻ nhỏ | 19,3% | 12,3% | 68,4% |
| Giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa | 13,6% | 9,6% | 76,8% |
| Giáo dục con cái | 63,3% | 16,6% | 20,2% |
| Tham gia các hoạt động thôn xóm, cộng đồng | 16,3% | 63,3% | 20,5% |
| Sửa chữa, xây dựng nhà cửa | 12,0% | 74,4% | 13,6% |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Công việc** | **Cả hai** | **Nam giới** | **Nữ giới** |
| Quyết định các việc lớn của gia đình | 13,6% | 82,2% | 4,2% |

*Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát SES tháng 6/2019*

Từ kết quả bảng trên cho thấy:

1. Đối với hoạt động trong gia đình: chăm sóc trẻ/con cái; quét dọn nhà cửa; nấu nướng/nội trợ thì chủ yếu là công việc nữ giới, Có tới 93,1% phụ nữ là người chủ yếu đi chợ, 91,3% phụ nữ chủ yếu nấu nướng, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa chiếm 76,8% và chăm sóc người già, trẻ nhỏ chiếm 68,4%, Những công việc này gây mất rất nhiều thời gian cho nữ giới khiến họ ít có thời gian để thực hiện những hoạt động khác như tham gia các hoạt động xã hội, học tập nâng cao trình độ bản thân.
2. Hoạt động tham gia cộng đồng: Nam giới tham gia khá tích cực vào hoạt động thôn xóm, cộng đồng (63,3%), trong khi Nữ giới chỉ chiếm khoảng 20,5%, Điều này cho thấy nữ giới vẫn rất hạn chế trong việc tham gia các hoạt động chung của thôn, xóm, cộng đồng mà mình sinh sống.
3. Hoạt động sửa chữa, xây dựng nhà cửa: vì mang đặc tính là việc nặng nhọc, liên quan đến kỹ thuật, xây dựng nên trong các gia đình vùng TDA, thì nam giới vẫn chủ động và thực hiện chính các hoạt động này (đạt 74,4%), Chỉ có 12% số hộ mà cả hai giới đều tham gia vào công việc sửa chữa, xây dựng nhà cửa và chỉ 13,6% hộ mà chỉ nữ tham gia.
4. Tham gia quyết định: đa số các việc lớn trong gia đình (mua sắm tài sản có giá trị, cưới hỏi, quan hệ họ hàng, làng xóm,…) đều do đàn ông quyết định chiếm tới 82,2%; trong khi cả hai giới cùng tham gia quyết định và thực hiện chính chỉ chiếm 13,6%, Điều này cho thấy tư duy gia trưởng, bảo thủ vẫn còn hiện hữu không ít trong văn hóa, lối sống của các gia đình tại đây.

# Đánh giá tác động đối với sức khỏe cộng đồng và các biện pháp can thiệp

# Đánh giá sức khỏe cộng đồng

1. **Bệnh tật,** Môi trường vệ sinh không sạch sẽ, không đảm bảo an toàn cho cộng đồng, Tình trạng thiếu nước, tình trạng mưa xuống thường xuyên bị ngập, rác không vứt đúng nơi qui định,,,, có thể là nguyên nhân gây ra các bệnh dịch, ảnh hưởng sức khỏe con người, mà các bệnh thường gặp là tiêu chảy, cảm, sốt, đau mắt đỏ,,,,Theo kết quả khảo sát 332 hộ, có 205 hộ cho biết trong 12 tháng qua, hộ có người bị ốm/bệnh, Cảm cúm là bệnh có tỷ lệ mắc nhiều trong hộ gia đình được khảo sát (64,4%), Theo sau là bệnh sốt (11,2%) và tiêu chảy (8,3%), các bệnh khác chiếm 16,1%, Cụ thể về một số bệnh thường gặp của hộ gia đình trong 12 tháng qua như sau:

*Bảng 30: Một số bệnh thường gặp của hộ gia đình trong 12 tháng qua*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các loại bênh** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** |
| Cảm cúm | 132 | 64,4% |
| Sốt | 23 | 11,2% |
| Tiêu chảy | 17 | 8,3% |
| Các bệnh khác | 33 | 16,1% |
| **Tổng** | **205** | **100,0%** |

*(Nguồn: Khảo sát kinh tế xã hội 6/2019)*

1. **Nơi khám chữa bệnh:** Trạm y tế xã/phường là nơi khám chữa bệnh chủ yếu của người trả lời và các thành viên trong gia đình tới khám thường xuyên (50%), Tiếp theo là tỷ lệ khám tại bệnh viện tuyến thành phố (20%), Tỷ lệ hộ trả lời tới khám tại cơ sở y tế tư nhân là (6%), Có 24% hộ trả lời rằng tự mua thuốc tại hiệu thuốc để chữa trị.

Nguyên nhân có thể do trạm y tế và bệnh viện tuyến huyện là tuyến cơ sở khám chữa bệnh ban đầu gần với nơi hộ gia đình sinh sống, chính vì vậy, đây là dịch vụ được họ lựa chọn nhiều nhất, Trên địa bàn thành phố Chí Linh còn có thêm 01 trạm y tế trường Đại học Sao Đỏ và 01 trạm y tế Công ty cổ phần Trúc Thôn, Các tuyến khám cấp tỉnh và Trung ương do nằm xa nơi người dân sinh sống, trường hợp bệnh nặng khi đó người dân mới tìm kiếm đến cơ sở y tế cấp trên.

1. **Tham gia bảo hiểm y tế cho mục đích sức khỏe**, 332 hộ trong tổng số 332 hộ được khảo sát cho biết đều tham gia mua bảo hiểm cho mục đích chăm sóc sức khỏe (chiếm 100%).
2. **Hiểu biết của hộ gia đình về HIV/AIDS**, Theo kết quả khảo sát kinh tế xã hội, 51,7

% người tham gia khảo sát có nhận thức đúng về bệnh HIV/AIDS, Tỷ lệ 16,6% người trả lời không biết HIV/AIDS là bệnh gì, và 31,7% người trả lời có nhận thức sai về bệnh HIV/AIDS, Thông tin về nhận thức của người dân về bệnh HIV/AIDS ở bảng sau:

*Bảng 31: Nhận biết về HIV/AIDS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguồn gây bệnh** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Vi khuẩn gây bênh | 65 | 31,7% |
| Vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người | 106 | 51,7% |
| Không biết | 34 | 16,6% |
| **Tổng** | **205** | **100,0%** |

*(Nguồn: Khảo sát kinh tế xã hội 6/2019)*

1. **Nhận thức về các đường lây truyền HIV/AIDS** : Để tìm hiểu rõ hơn về nhận thức của người dân về HIV/AIDS, việc tìm hiểu nhận thức của người dân về đường lây truyền bệnh và cách phòng tránh bệnh HIV/AIDS là cần thiết, Khoảng 100% người cho rằng nguyên nhân gây bệnh HIV/AIDS là do tiêm thuốc hoặc tiêm ma túy có dùng chung bơm kim tiêm với người khác, Quan hệ tình dục không dùng bao cao su (100%) và mẹ mang thai truyền sang con (36,4%), Điều này cho thấy, phần lớn người dân đã nhận thức được con đường lây truyền bệnh HIV/AIDS, Thông tin cụ thể ở bảng sau:

*Bảng 32: Nhận thức về đường lây truyền bệnh HIV/AIDS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đường lây truyền bệnh** | **Số lượng** | **Tỷ lệ %** |
| Tiêm thuốc hoặc tiêm ma túy có dùng chung  bơm kim tiêm với người khác | 322 | 100% |
| Dùng chung chén bát với người nhiễm HIV | 0 | 0% |
| Bị muỗi hoặc côn trùng cắn đốt | 0 | 0% |
| Quan hệ tình dục không dùng bao cao su | 332 | 100% |
| Mẹ mang thai truyền cho con | 121 | 36,4% |

*(Nguồn: Khảo sát kinh tế xã hội 6/2019)*

# Nhận thức về cách phòng tránh HIV/AIDS :

1. Theo kết quả khảo sát hộ gia đình, người dân đã có nhận thức tương đối cao đối với các biện pháp phòng tránh bệnh HIV/AIDS, 96,7% cho rằng sống chung thủy 1 vợ + chồng, 100% đồng ý việc sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục và 81,9% ủng hộ việc dùng riêng bơm kim tiêm trong mọi trường hợp là biện pháp phòng tránh HIV/AIDS, Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ người dân vẫn nhận thức chưa đúng về các biện pháp phòng tránh HIV/AIDS như sống cách ly người bị nhiêm HIV/AIDS (9,6%), Thông tin cụ thể ở bảng dưới đây:

*Bảng 33: Nhận thức về biện pháp phòng tránh HIV/AIDS*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biện pháp** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Sông chung thủy 1 vợ, chồng | 321 | 96,7% |
| Sống cách ly người bị nhiễm HIV/AIDS | 32 | 9,6% |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục | 332 | 100% |
| Dùng riêng bơm kim tiêm trong mọi trường hợp | 272 | 81,9% |
| Không bắt tay người bệnh | 0 | 0,0% |
| Không dùng chung bát đũa với người bênh | 0 | 0,0% |

*(Nguồn: Khảo sát kinh tế xã hội 6/2019)*

# Nguồn nhận thức về HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

1. Theo kết quả khảo sát hộ gia đình, 227 người trả lời cho rằng tivi (68,4%) và báo, đài 78,6%) là phương tiện và tài liệu hỗ trợ tuyên truyền về thông tin sức khỏe cộng đồng hiệu quả nhất, Ngoài ra, 50,3% cho rằng việc tuyên truyền qua Pano/áp phích/tranh lớn sẽ mang lại hiệu quả trong việc cung cấp các thông tin về sức khỏe cộng đồng cho người dân và 40% cho rằng Tờ rơi, Điều này có thể sẽ giúp ích cho việc tuyên truyền về những tác động tiềm tàng liên quan đến sức khỏe cộng đồng do việc thực hiện tiểu dự án cho người dân được hiệu quả hơn, Cụ thể thông tin ở bảng dưới đây:

*Bảng 34: Loại tài liệu để tuyên truyền về thông tin sức khỏe cộng đồng hiệu quả*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại tài liệu** | **Số lượng** | **Tỷ lệ** |
| Tờ rơi | 134 | 40,4% |
| Pano/Áp phích/Trang lớn | 167 | 50,3% |
| Báo/đài/internet | 261 | 78,6% |
| Tivi | 227 | 68,4% |
| Cuộc họp | 176 | 53,0% |

*Nguồn: Khảo sát kinh tế xã hội 6/2019)*

# Các hoạt động và biện pháp can thiệp đề xuất

1. Tiểu dự án sẽ có tác động tới sức khỏe cộng đồng do bụi, tiếng ồn, ô nhiễm, công nhân nhập cư trong quá trình thi công, Do đó, cần nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong khu vực tiểu dự án về các tác động tiềm ẩn, đề xuất các biện pháp phòng ngừa và giảm bớt nhằm tối thiểu hóa các nguy cơ và tác động có hại tới sức khỏe cộng đồng, Tuy nhiên không tránh khỏi một số tác động môi trường tiềm tàng trong quá trình thi công công trình, Những phát sinh chất thải rắn, bụi, tiếng ồn có thể xảy ra nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của công nhân và cộng đồng, Điều này có thể tạo ảnh hưởng tiềm tàng đến ổn định xã hội của địa phương, Bên cạnh đó quá trình thi công công trình, vận chuyển nguyên vật liệu có thể gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, cản trở việc đi lại hàng ngày của người dân, hư hỏng đường dân sinh và có thể ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, bộ, phát sinh nguy cơ xung đột, mâu thuẫn trong sử dụng nước tưới/tiêu, sinh hoạt, Để hạn chế những ảnh hưởng trong thi công công trình, nhà thầu thi công sẽ cần có thông báo cụ thể, công khai kế hoạch triển khai xây lắp, Ngoài ra, lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo tại các khu vực thi công để đảm bảo an toàn cho đi lại của người dân.
2. Bên cạnh những tác động môi trường trong quá trình thi công có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng thì quá trình triển khai tiểu dự án cũng tiềm tàng những nguy cơ lan truyền của bệnh truyền nhiễm.
3. Các nguy cơ lây lan các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV có liên quan với tiểu dự án có thể ảnh hưởng do các vấn đề như: (i) sự phổ biến hiện có và tỷ lệ lây nhiễm; (ii) những kiến thức của cộng đồng về các con đường lây nhiễm và các phương pháp phòng chống; và (iii) sự hiện diện của lực lượng lao động xây dựng chủ yếu bao gồm bên ngoài có thể làm trầm trọng thêm tình hình hiện tại, Thực tế, kết quả tham vấn tại các xã/phường tiểu dự án cho thấy nội dung về HIV& STI thường xuyên được trạm y tế phối hợp cùng cán bộ dân số và kế hoạch hóa gia đình/Hội phụ nữ phường/xã cung cấp thông tin đến người dân địa phương, Ngoài ra, hoạt động phát bao cao su vào những đợt tuyên truyền này cũng được triển khai lồng ghép để đảm bảo hiệu quả của hoạt động truyền thông về HIV/STI.
4. Giảm thiểu nguy cơ lây lan của các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV trong giai đoạn xây dựng các hạng mục của tiểu dự án sẽ là giải pháp cần được thực hiện, Giải pháp này bao gồm nâng cao nhận thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV cho các cộng đồng hưởng lợi/bị ảnh hưởng và lực lượng lao động xây dựng, Tiểu dự án cũng cần liên kết với các sáng kiến hiện có để nâng cao nhận thức và biện pháp phòng ngừa, Các biện pháp có thể bao gồm:
5. Cung cấp trong hợp đồng xây dựng yêu cầu các nhà thầu xây dựng để đảm bảo xây dựng lực lượng lao động tham dự hội thảo phòng chống STI và HIV/ AIDS cung cấp thông qua một nhà cung cấp dịch vụ đã được phê duyệt, Các hội thảo sẽ được tổ chức cho lực lượng lao động trước khi bắt đầu công trình;
6. Cung cấp bao cao su tại các công trường xây dựng;
7. Dựa vào cộng đồng nâng cao nhận thức về nguy cơ lây truyền các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV, sức khỏe sinh sản, tình dục an toàn, và chống buôn bán người.
8. Kế hoạch hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 3.

# Đánh giá về chương trình quản lý an toàn đập

1. Đơn vị quản lý các công trình hồ chứa thuộc TDA là Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương (trực tiếp là Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi thành phố Chí Linh), Việc khai thác, quản lý vận hành công trình phải tuân theo các qui định sau:
   * Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đã được ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X thông qua ngày 04/04/2001;
   * Nghị định số 154/2004/NĐ-CP ngày 15/07/2007 sửa đổi bổ sung thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;
   * Nhiệm vụ của các đơn vị khai thác vận hành công trình gồm: Vận hành cống lấy nước, tràn xả lũ theo đúng quy trình vận hành, đóng mở cống lấy nước dưới đập theo các thời kỳ dùng nước, đồng thời chịu trách nhiệm quan trắc lún, thấm, an toàn đập, theo dõi mức xả tràn lũ, thấy xuất hiện bất thường như thấm, lượng nước tràn quá cao thì báo cáo cho chính quyền được biết kịp thời phòng chống sự cố xảy ra;
   * Chi phí cho vận hành và bảo trì, Hiện nay về chính sách thủy lợi phí cả nước đang thực hiện Nghị định 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 về miễn thủy lợi phí cho nông dân, Toàn bộ chi phí quản lý, vận hành, bảo dưỡng và bảo trì là sẽ được ngân sách Trung ương cấp bù cho ngân sách địa phương chi trả theo đúng Nghị định 154 (Chưa tính đến trượt giá, hệ số lương vận hành).
2. Đặc điểm mất an toàn công trình, Các hồ chứa đã được xây dựng từ rất lâu, Qua nhiều năm sử dụng, hiện nay các công trình hồ chứa đã xuống cấp nghiêm trọng, đe dọa tính mạng và tài sản của người dân vùng phụ cận, Nguy cơ đập đất bị thấm và sạt mái thượng lưu, lớp gia cố bị hư hỏng, thiết bị thoát nước áp mái hạ lưu bị vùi lấp, Van điều tiết cống lấy nước bị hư hỏng, tiêu năng sau cống xuống cấp, đáy bể bị bục, tường bên rạn nứt, Tràn xả lũ bằng đất, khẩu diện hẹp, hạ lưu bị xói lở mạnh, Công trình không đảm bảo an toàn cho hồ chứa.
3. Hiện trạng hư hỏng và xuống cấp của các hạng mục công trình hồ chứa tiểu dự án nghiêm trọng, khả năng vỡ đập gây mất an toàn tính mạng cho người dân, cơ sở hạ tầng và diện tích canh tác hạ du đập tương đối cao, Nhân dân trong khu vực tiểu dự án chủ yếu tham gia hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, vì thế những hồ chứa nước này hết sức quan trọng đối với việc sản xuất và thu nhập của người dân, Để đảm bảo nâng cao độ an toàn công trình, an toàn cho khu dân cư, cơ sở hạ tầng khu vực kinh tế, phòng lũ, giảm ngập lụt khu vực hạ du, đảm bảo cấp nước phục vụ đa mục tiêu, hạn chế các tổn thương gây ra của công trình thì việc

đầu tư nâng cấp hồ chứa đảm bảo an toàn là vấn đề cấp bách, Ngoài ra, việc nâng cấp và sửa chữa các đập nước sẽ tạo ra nguồn nước ổn định dồi dào cung cấp nước tưới cho vùng hưởng lợi, nâng cao năng suất, cải thiện đời sống của người dân.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

# Kết luận

1. Tiểu dự án triển khai tại 11 hồ thuộc 05 xã/phường của thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều kiện kinh tế xã hội tại các xã/phường của TDA là khác nhau. Các hoạt động kinh tế trong vùng TDA chủ yếu là kinh tế nông lâm nghiệp, chiếm khoảng 50-65%, Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, dịch vụ chiếm tỷ lệ dưới 35%, Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trong khu vực TDA không cao. Cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trong khu vực TDA chủ yếu là Sán Dìu và Kinh.
2. Việc thực hiện tiểu dự án sẽ mang lại lợi ích to lớn cả trước mắt và lâu dài về vấn đề an toàn đập và cung cấp nước, Tiểu dự án là một trong những yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển thủy lợi, kết hợp với các chính sách xã hội để từng bước giải quyết vấn đề nước sinh hoạt cho người dân và phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần vào sự thành công của các chương trình xóa đói giảm nghèo, tái định cư, phát triển DTTS và kết hợp với phát triển nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai.
3. Thực hiện TDA sẽ nâng cao an toàn hồ chứa, tăng cơ hội việc làm và thu nhập cho cộng đồng, cải thiện môi trường, tăng cường phòng ngừa sự cố, thiên tai cho cộng đồng. Tuy nhiên, TDA cũng cần lưu ý những tác động tiềm tàng có thể xảy ra như việc ảnh hưởng đến việc cung cấp nước tưới trong và sau quá trình thi công xây dựng, nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe cộng đồng, Do đó, tiểu dự án phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực như đã đề xuất trong báo cáo này để đảm bảo đời sống và sản xuất của người dân trong quá trình xây dựng. Đặc biệt đối với cộng đồng DTTS sống tại 05 xã/phường thuộc TDA.
4. Chính quyền địa phương và người dân trong vùng TDA đều ủng hộ việc thực hiện TDA và mong muốn TDA triển khai thực hiện càng sớm càng tốt.

# Kiến nghị

1. Kế hoạch phát triển cộng đồng với những nội dung liên quan đến tiểu dự án bao gồm: các thông tin của dự án; các tác động tiêu cực/tích cực phát sinh trong suốt quá trình thực hiện; Và các lựa chọn để giảm thiểu các tác động; phương pháp truyền thông cần phải có sự phối hợp giữa chủ đầu tư với các sở ban ngành và các tổ chức địa phương, các nhóm, các cuộc thảo luận nhóm; Chú ý đến các phương tiện truyền thông thích hợp sử dụng ngôn ngữ cho người DTTS, đặc biệt nhóm phụ nữ và người cao tuổi.
2. Tập huấn, cung cấp thông tin và nhận thức của người dân trong vùng tiểu dự án về các cách thức để ngăn chặn các tác động tiêu cực tiềm tàng lên xã hội, các vấn đề có thể phát sinh trong suốt quá trình thực hiện tiểu dự án như các vấn đề về dịch bệnh, các vấn đề an ninh xã hội, an toàn giao thông, v,v.
3. Việc thu hút sự tham gia bình đẳng của các nhóm sinh hoạt trên địa bàn hoạt động của TDA là việc hết sức cần thiết. Đặc biệt, cần lưu ý đến nhóm dễ bị tổn thương trong vùng như người DTTS, phụ nữ, trẻ em và người già. Giám sát cộng đồng cấp địa phương đặc biệt chú ý đến tỷ lệ tham gia của phụ nữ, người DTTS.
4. Trong quá trình vận hành tiểu dự án cần quan tâm đến vấn đề tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, đặc biệt nhóm phụ nữ cũng cần được trả công như nam giới.
5. Cần thực hiện nghiêm túc các biện pháp để giảm thiểu các rủi ro trong vùng tiểu dự án bao gồm: Tham vấn cộng đồng trong suốt quá trình thực hiện tiểu dự án cũng như quá trình chuẩn bị để giảm thiểu các xung đột phát sinh; tuân thủ các nội dung trong báo cáo Kế hoạch hành động tái định cư (RAP), Báo cáo kế hoạch phát triển DTTS (EMDP). Kế hoạch quản lý môi trường xã hội, kế hoạch quản lý sức khỏe cộng đồng, kế hoạch hành động giới, Kế hoạch truyền thông cũng như công bố thông tin, trách nhiệm giải thích cũng như giám sát các báo cáo để giảm thiểu các tác động bất lợi của tiểu dự án
6. **PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Mẫu phiếu khảo sát Kinh tế xã hội trong khu vực dự án

Phụ lục 2: Kết quả họp tham vấn cộng đồng trong khu vực Tiểu dự án

Phụ lục 3: Kế hoạch hành động giới (GAP)

Phụ lục 4: Kế hoạch Hành động bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Phụ lục 5: Kế hoạch tham gia và Chiến lược Truyền thông đối với các bên liên quan

Phụ lục 6: Biên bản tham vấn trong khu vực Tiểu dự án

Phụ lục 7: Một số hình ảnh về công tác khảo sát hiện trường